



BỘ TƯ PHÁP
MINISTRY OF JUSTICE



United Nations Entity for Gender Equality
and the Empowerment of Women

SỔ TAY

**HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TƯƠNG TRỢ TƯ
PHÁP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ TẠI
VIỆT NAM VÀ LƯU Ý MỘT SỐ VẤN ĐỀ
NHẠY CẢM GIỚI**

2022

LỜI MỞ ĐẦU

Vụ Pháp luật quốc tế - Bộ Tư pháp đã phối hợp với Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) xây dựng **Sổ tay hướng dẫn thực hiện tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự tại Việt Nam** và lưu ý một số vấn đề nhạy cảm giới.

Sổ tay vừa là tài liệu hướng dẫn nghiệp vụ giới thiệu từng bước thực hiện tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự tại Việt Nam, vừa là cẩm nang cho các cán bộ thực hiện đảm bảo cân nhắc thích đáng các vấn đề nhạy cảm giới trong quá trình thực hiện tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho phụ nữ - đặc biệt là quyền tiếp cận công lý.

Bộ Tư pháp (Vụ Pháp luật quốc tế) và UN Women trân trọng cảm ơn Nhóm chuyên gia gồm **ông Hoa Hữu Long** - nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật quốc tế, **Luật sư Nguyễn Thị Hồng Khánh** cùng toàn thể công chức Phòng Tư pháp quốc tế và Tương trợ tư pháp, Vụ Pháp luật quốc tế và các chuyên gia độc lập đã dự thảo, góp ý và hoàn thiện Sổ tay này.

MỤC LỤC

DANH MỤC VIẾT TẮT	1
PHẦN I - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỔ TAY	3
I. Bối cảnh, mục đích xây dựng Sổ tay	3
1. Bối cảnh	3
2. Mục đích.....	6
II. Căn cứ xây dựng Sổ tay	7
III. Phạm vi, đối tượng sử dụng	8
1. Phạm vi	8
2. Đối tượng sử dụng.....	8
IV. Cơ cấu, cách thức xây dựng và hướng dẫn sử dụng Sổ tay	8
1. Cơ cấu và nội dung chính của Sổ tay.....	8
2. Cách thức xây dựng Sổ tay.....	9
3. Yêu cầu xây dựng Sổ tay	9
4. Cách thức sử dụng Sổ tay.....	9
PHẦN II - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TTTP VỀ DÂN SỰ	11
A. Ủy thác tư pháp ra (UTTP của Việt Nam /UTTP từ Việt Nam ra nước ngoài)	11
I. Thẩm quyền UTTP từ Việt Nam ra nước ngoài	11
II. Chi phí thực hiện UTTP	11
1. Người có nghĩa vụ nộp chi phí	12
2. Phí, lệ phí	12
3. Chi phí thực tế.....	12
4. Cơ quan thu chi phí.....	13
III. Các bước lập hồ sơ UTTP ra	13
IV. Cách thức lập hồ sơ	13
1. UTTP tổng đạt giấy tờ.....	14
1.1. Quốc gia được yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt (xem Phụ lục II)	14
1.2. Quốc gia được yêu cầu có ký kết Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục I).....	22
1.3. Quốc gia được yêu cầu khác	24
2. UTTP thu thập, cung cấp chứng cứ và các UTTP khác.....	24

2.1. Quốc gia được yêu cầu đã đồng ý việc Việt Nam gia nhập Công ước Thu thập chứng cứ (Xem Phụ lục IV)	25
2.2. Quốc gia được yêu cầu ký kết Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục I).....	26
2.3. Quốc gia được yêu cầu khác	26
3. Thời gian chuyển hồ sơ	27
4. Trả kết quả	28
4.1. Thời gian trả kết quả.....	28
4.2. Hồ sơ trả kết quả.....	28
B. Ủy thác tư pháp vào (UTTP của nước ngoài/ UTTP từ nước ngoài vào Việt Nam)....	29
I. Thẩm quyền thực hiện UTTP	29
II. Chi phí thực hiện UTTP.....	29
1. Người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện	29
2. Lệ phí.....	30
3. Chi phí thực tế	30
4. Cơ quan thu và quy trình thu nộp	30
4.1. Về lệ phí:	30
4.2. Về chi phí thực tế:	30
III. Phương thức thực hiện UTTP	31
1. UTTP tổng đạt giấy tờ.....	31
2. UTTP thu thập chứng cứ.....	34
IV. Thời gian chuyển hồ sơ và thông báo kết quả thực hiện	34
1. Thời gian chuyển hồ sơ.....	34
2. Thông báo kết quả thực hiện.....	35
2.1. Thời gian trả kết quả.....	35
2.2. Hồ sơ trả kết quả.....	35
PHẦN III – LƯU Ý MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHẠY CẢM GIỚI.....	36
I. Những khó khăn của phụ nữ là đương sự trong các vụ việc dân sự làm phát sinh yêu cầu tương trợ tư pháp	37
II. Tổng đạt giấy tờ.....	38
1. Giấy tờ tiến hành vụ việc	38
1.1. Hồ sơ UTTP ra.....	39
1.2. Hồ sơ UTTP vào.....	41

2. <i>Bản án, quyết định</i>	42
II. Thu thập chứng cứ	44
1. <i>Xác minh địa chỉ của đương sự</i>	44
2. <i>Xác minh tài sản, thu nhập</i>	45
III. Công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	46
IV. Miễn giảm chi phí UTTP và trợ giúp pháp lý	48
PHẦN IV – PHỤ LỤC	50
PHỤ LỤC I – DANH MỤC CÁC HIỆP ĐỊNH TTTP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ ..	51
PHỤ LỤC II - GIỚI THIỆU VỀ CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT VÀ VIỆC GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM	53
PHỤ LỤC III - HƯỚNG DẪN TRA CỨU THÔNG TIN, THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ	65
PHỤ LỤC IV - GIỚI THIỆU VỀ CÔNG ƯỚC THU THẬP CHỨNG CỨ VÀ QUÁ TRÌNH GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM	70
PHỤ LỤC V - HƯỚNG DẪN TRA CỨU THÔNG TIN, THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC THU THẬP CHỨNG CỨ	81
PHỤ LỤC VI - HƯỚNG DẪN TRA CỨU THÔNG TIN NGÔN NGỮ, CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI VÀ TRANG THÔNG TIN CỦA BỘ TƯ PHÁP ..	86
PHỤ LỤC VII – DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT TRONG LĨNH VỰC TTTP VỀ DÂN SỰ	93
PHỤ LỤC VIII – MỘT SỐ VÍ DỤ CỤ THỂ VÀ THÔNG TIN LIÊN HỆ	94
A. <i>UTTP RA</i>	94
I. <i>Tổng đạt giấy tờ theo kênh chính Công ước Tổng đạt</i>	94
II. <i>Ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ theo Công ước Thu thập chứng cứ</i>	100
III. <i>UTTP thu thập chứng cứ theo kênh Hiệp định</i>	105
IV. <i>UTTP tổng đạt giấy tờ theo kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế với Việt Nam</i>	109
B. <i>UTTP VÀO</i>	113

DANH MỤC VIẾT TẮT

Tên đầy đủ	Viết tắt
Tương trợ tư pháp	TTTP
Ủy thác tư pháp	UTTP
Ủy thác tư pháp của Việt Nam ra nước ngoài	UTTP ra
Ủy thác tư pháp của nước ngoài vào Việt Nam	UTTP vào
Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	Công ước Tổng đạt
Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	Công ước Thu thập chứng cứ
Bộ luật tố tụng dân sự 2015	BLTTDS 2015
Luật Tương trợ tư pháp năm 2007	Luật TTTP
Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án	Nghị quyết 326
Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp về dân sự	Thông tư liên tịch 12
Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài	Thông tư 203
Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 5/12/2019 quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội	Thông tư liên tịch 01

Tên đầy đủ	Viết tắt
chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tổ tụng dân sự và tổ tụng hành chính ở nước ngoài	
Hiệp định/Thỏa thuận song phương về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự	Hiệp định
Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế	Hội nghị La Hay

PHẦN I - GIỚI THIỆU CHUNG VỀ SỔ TAY

I. Bối cảnh, mục đích xây dựng Sổ tay

1. Bối cảnh

Với việc hội nhập quốc tế mạnh mẽ và rộng khắp trên thế giới, các giao lưu dân sự, thương mại, lao động, đi lại di chuyển xuyên quốc gia của các cơ quan, tổ chức, cá nhân các nước khác nhau ngày càng phổ biến. Trong bối cảnh đó, các vụ việc dân sự, kinh tế, hình sự, hành chính có yếu tố nước ngoài phát sinh ngày càng nhiều, đặc biệt là các vụ ly hôn, tranh chấp về quyền nuôi con, các vấn đề về tài sản, nhân thân xuyên biên giới có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của phụ nữ, trẻ em¹.

Khi giải quyết các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng) xuyên biên giới, cơ quan có thẩm quyền của một nước không thể chỉ căn cứ vào pháp luật quốc gia hay tự mình thực hiện toàn bộ các hoạt động tố tụng mà cần đến sự hỗ trợ, phối hợp của cơ quan thẩm quyền nước ngoài để tiến hành một số hành vi tố tụng ngoài lãnh thổ. Các hoạt động hỗ trợ, phối hợp này là hoạt động tương trợ tư pháp (TTTP). TTTP đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo xét xử hiệu quả và công bằng các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, đồng thời tác động tích cực lên đời sống xã hội, kinh tế và quan hệ đối ngoại giữa Việt Nam và các quốc gia khác trên thế giới.

Ngoài pháp luật của các quốc gia liên quan, cơ sở pháp lý chủ yếu để thực hiện TTTP là điều ước quốc tế, nếu không có điều ước quốc tế giữa các quốc gia liên quan thì việc TTTP thực hiện trên nguyên tắc có đi có lại.

Trong lĩnh vực dân sự, trên cơ sở quy định pháp luật trong nước, các điều ước quốc tế về TTTP mà Việt Nam là thành viên và thực tiễn TTTP với các nước có thể thấy TTTP về dân sự tại Việt Nam được hiểu là việc các cơ quan có thẩm quyền của các nước hỗ trợ nhau trong thực hiện các hành vi tố tụng riêng biệt trong lĩnh vực dân sự.² Để thực hiện TTTP, các cơ quan có thẩm quyền sẽ đưa ra yêu cầu bằng văn bản gọi là ủy thác tư pháp (UTTP). Mặc dù vậy, các Hiệp định tương trợ

¹ Tổng hợp phân tích, so sánh số liệu tại Báo cáo sơ kết 03 năm thi hành Luật TTTP số 195/BC-BTP ngày 01/12/2011 và Báo cáo về TTTP của Chính phủ trình Quốc hội các năm từ 2013 đến 2019

² Luật TTTP không quy định trực tiếp khái niệm TTTP về dân sự nhưng có đưa ra khái niệm UTTP về dân sự: “UTTP là yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về việc thực hiện một hoặc một số hoạt động TTTP theo quy định của pháp luật nước có liên quan hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.” (Điều 6).

tư pháp về dân sự (Hiệp định) và bản thân Luật TTTP³ còn quy định hoạt động của các cơ quan đại diện ngoại giao hoặc lãnh sự hỗ trợ các cơ quan có thẩm quyền trong nước thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự ở nước ngoài (chủ yếu là tổng đạt giấy tờ).

Hiện nay, Việt Nam đã ký kết 17 Hiệp định với các quốc gia/vùng lãnh thổ (*Danh sách các Hiệp định tại Phụ lục I*) và gia nhập các thiết chế đa phương trong hợp tác quốc tế về TTTP như Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước Tổng đạt) và Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước Thu thập chứng cứ) trong khuôn khổ Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế.

Về thể chế trong nước, Việt Nam cũng đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật quan trọng, tạo cơ sở pháp lý tương đối toàn diện cho hoạt động TTTP. Quốc hội đã thông qua Luật TTTP năm 2007 và Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi năm 2014). Quốc hội cũng đã thông qua Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS 2015) và Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án (Nghị quyết 326) có nhiều quy định liên quan trực tiếp đến TTTP về dân sự. Đặc biệt, ngày 19/10/2016 liên ngành Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp về dân sự (Thông tư liên tịch 12) thay thế Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 15/9/2011 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định về TTTP trong lĩnh vực dân sự của Luật TTTP. Thông tư liên tịch 12 đã nội luật hóa Công ước Tổng đạt, hướng dẫn chi tiết về cách thức, thủ tục trình tự thực hiện UTTP về dân sự phù hợp các quy định về trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài của BLTTDS 2015 và quy định cụ thể cơ chế thu, nộp chi phí UTTP về dân sự. Tiếp đó Tòa án nhân dân tối cao và Bộ Ngoại giao đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 5/12/2019

³ Tổng đạt giấy tờ theo Thông tư liên tịch 01 chỉ thực hiện giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam nên không thuộc phạm vi TTTP hay UTTP về dân sự theo định nghĩa của Luật TTTP. Tuy nhiên, việc tổng đạt giấy tờ theo Thông tư liên tịch 01 cũng thuộc phạm vi các kênh thay thế của Công ước tổng đạt, và vẫn được quy định trong các Hiệp định song phương và i khoản 1 Điều 67 Luật TTTP. Do đó, Sở tay sẽ trình bày về Thông tư liên tịch 01 ở mức độ nhất định để các cơ quan có thẩm quyền phân biệt được các kênh tổng đạt giấy tờ.

quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài (Thông tư liên tịch 01) hướng dẫn việc thực hiện tổng đạt giấy tờ qua kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp.

Về phạm vi TTTP, Luật TTTP (Điều 10) quy định phạm vi TTTP về dân sự gồm: Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP về dân sự; Triệu tập người làm chứng, người giám định; Thu thập, cung cấp chứng cứ; Các yêu cầu TTTP khác về dân sự. Các Hiệp định quy định phạm vi TTTP về dân sự gồm: tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu liên quan đến TTTP về dân sự; triệu tập người làm chứng, người giám định; thu thập, cung cấp chứng cứ và các yêu cầu TTTP khác về dân sự; trao đổi tài liệu, thông tin giữa các cơ quan tư pháp; công nhận và thi hành các bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài và quyết định của trọng tài nước ngoài.

Trên thực tế, hoạt động TTTP về dân sự giữa Việt Nam và nước ngoài thời gian qua chủ yếu tập trung vào ủy thác tổng đạt giấy tờ và ủy thác thu thập chứng cứ. Theo thống kê tại Báo cáo công tác TTTP của Chính phủ trình Quốc hội hàng năm, từ năm 2013 năm 2021, các cơ quan có thẩm quyền Việt Nam đã gửi đi tổng cộng 23.522 yêu cầu UTTP ra⁴, đã tiếp nhận 8.881 yêu cầu UTTP vào⁵. Trong số đó, có khoảng hơn 70 % yêu cầu TTTP trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.

Cơ chế TTTP hiện hành áp dụng chung với tất cả các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài. Trong số đó, các vụ việc hôn nhân và gia đình liên quan đến phụ nữ và trẻ em làm phát sinh yêu cầu TTTP chiếm số lượng lớn, dẫn đến những vấn đề nhạy cảm giới⁶ trong hoạt động TTTP. Vì vậy, để đảm bảo bình đẳng giới, Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần quan tâm tiến hành một số hoạt động khi lập, gửi và thực hiện các yêu cầu TTTP.

Với khối lượng không nhỏ các yêu cầu TTTP hàng năm, Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, các tòa án và cơ quan thi hành án dân sự (cấp tỉnh, thành phố) trên toàn quốc đã nỗ lực thực hiện. Tuy nhiên, vẫn còn những tồn tại hạn chế, cụ thể là:

⁴Năm 2013: **3.777** yêu cầu; năm 2014: **3.360** yêu cầu; năm 2015: **3.149** yêu cầu; năm 2016: **3.338** yêu cầu; năm 2017: **1.861** yêu cầu; năm 2018: **2.069** yêu cầu; năm 2019: **2.185** yêu cầu; năm 2020: **1.794** yêu cầu và năm 2021: **1.989** yêu cầu.

⁵Năm 2013:**872** yêu cầu; năm 2014: **825** yêu cầu; năm 2015: **805** yêu cầu; năm 2016: **666** yêu cầu; năm 2017: **753** yêu cầu; năm 2018: **989** yêu cầu; năm 2019: **1.353** yêu cầu; năm 2020: **1.262** yêu cầu và năm 2021: **1.356** yêu cầu.

⁶ Nhạy cảm giới được hiểu là việc sử dụng ngôn ngữ tôn trọng, không phân biệt đối xử và cân nhắc đến các tình huống, nhu cầu và đặc điểm của phụ nữ, nam giới và chủ thể khác để đảm bảo thái độ, tư duy và chương trình tôn trọng quyền con người với tất cả mọi người.

(i) một số hồ sơ UTTP gửi ra nước ngoài còn chưa đáp ứng yêu cầu (về biểu mẫu, ngôn ngữ ...) bị trả lại để bổ sung, hoàn thiện khiến thời gian thực hiện UTTP kéo dài; (ii) nhiều trường hợp thu, nộp và tạm ứng chi phí UTTP chưa được thực hiện đúng và đầy đủ; (iii) một số cơ quan thực hiện hồ sơ ủy thác còn chưa nắm rõ các kênh thực hiện (theo Công ước Tổng đạt, Công ước Thu thập chứng cứ hay Hiệp định song phương hoặc áp dụng nguyên tắc có đi có lại) để lựa chọn phương án phù hợp. Những hạn chế, tồn tại này làm giảm hiệu quả thực hiện TTTP, ảnh hưởng đến việc giải quyết các vụ việc dân sự, thi hành án dân sự có yếu tố nước ngoài.

Tổng kết, đánh giá hoạt động TTTP hàng năm của Bộ Tư pháp và các bộ, ngành, địa phương cho thấy những hạn chế nêu trên xuất phát từ một số nguyên nhân khách quan cũng như chủ quan về thể chế và tổ chức thực hiện. Về thể chế, BLTTDS 2015, Thông tư liên tịch 12 và Công ước Tổng đạt đã được thực hiện một thời gian nhưng nhiều cơ quan thực hiện UTTP còn chưa hiểu rõ nội dung, lúng túng khi lập và thực hiện hồ sơ UTTP. Tiếp đó, Thông tư liên tịch 01⁷ được ban hành và Công ước Thu thập chứng cứ chính thức có hiệu lực với Việt Nam càng khiến tình trạng này diễn ra thường xuyên hơn. Các cơ quan có thẩm quyền địa phương cũng hay gặp khó khăn trong việc lập và gửi hồ sơ cho các nước thành viên Công ước Tổng đạt, Công ước Thu thập chứng cứ do mỗi nước thành viên có thêm những yêu cầu khác nhau về thành phần hồ sơ, ngôn ngữ, chi phí, đầu mối tiếp nhận các yêu cầu UTTP so với quy định chung của Công ước.

Trong bối cảnh đó, việc xây dựng tài liệu hướng dẫn thực hiện TTTP kèm theo lưu ý một số vấn đề nhạy cảm giới là cần thiết và có ý nghĩa thiết thực, hỗ trợ cho các cán bộ trực tiếp đảm nhiệm công tác này.

Với vai trò cơ quan đầu mối về TTTP trong lĩnh vực dân sự, Cơ quan Trung ương trong thực hiện các điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự, Bộ Tư pháp đã phối hợp với Cơ quan Liên hợp quốc về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women) xây dựng **Sổ tay hướng dẫn thực hiện tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự tại Việt Nam và lưu ý một số vấn đề nhạy cảm giới** (Sổ tay).

2. Mục đích

Mục đích xây dựng Sổ tay là nhằm:

⁷ Về bản chất, tổng đạt giấy tờ theo Thông tư liên tịch 01 không thuộc phạm vi TTTP về dân sự (do hoạt động chỉ thực hiện giữa các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam). Tuy nhiên, việc tổng đạt giấy tờ theo Thông tư liên tịch 01 là một trong các kênh thay thế của Công ước tổng đạt và vẫn được quy định tại các Hiệp định và Điều 67 Luật TTTP. Do đó, Sổ tay vẫn trình bày sơ lược về Thông tư liên tịch 01 để các cơ quan có thẩm quyền phân biệt được các kênh tổng đạt giấy tờ

- Hướng dẫn nghiệp vụ thực hiện TTTP về dân sự tại Việt Nam đảm bảo phù hợp với điều ước quốc tế và pháp luật Việt Nam có liên quan;

- Nâng cao hiệu quả hoạt động TTTP, hỗ trợ hoạt động tố tụng trong nước và nước ngoài, góp phần bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan trong các vụ việc dân sự (theo nghĩa rộng) có yếu tố nước ngoài, đặc biệt là phụ nữ - nhóm đối tượng dễ bị tổn thương.

II. Căn cứ xây dựng Sổ tay

- Công ước Tổng đạt;

- Công ước Thu thập chứng cứ;

- Các Hiệp định;

- BLTTDS 2015;

- Luật TTTP;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Nghị quyết số 326;

- Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật TTTP;

- Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (Nghị định 62);

- Nghị định số 33/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự;

- Thông tư liên tịch 12;

- Thông tư liên tịch 01;

- Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài (Thông tư 203);

- Sổ tay thực thi Công ước Tổng đạt của Hội nghị La Hay (Sổ tay Công ước Tổng đạt);

- Sổ tay thực thi Công ước Thu thập chứng cứ của Hội nghị La Hay (Sổ tay Công ước Thu thập chứng cứ);

- Tuyên bố của Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt;

- Tuyên bố và bảo lưu của Việt Nam khi gia nhập Công ước Thu thập chứng cứ;
- Thực tiễn, kinh nghiệm quốc tế;
- Các công văn hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao.

III. Phạm vi, đối tượng sử dụng

1. Phạm vi

- Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ với quy trình, thủ tục TTTP trong lĩnh vực dân sự theo quy định tại Điều 10 Luật TTTP.

- Sổ tay hướng dẫn cả quy trình, thủ tục thực hiện UTTP ra và thực hiện UTTP vào.

- Các lưu ý một số vấn đề nhạy cảm giới, đặc biệt là trong các vụ việc hôn nhân và gia đình.

Sổ tay không phân tích các nội dung mang tính học thuật, không trình bày, phân tích các công việc được thực hiện trong nội bộ Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao và các cơ quan có thẩm quyền khác.

2. Đối tượng sử dụng

Sổ tay là tài liệu tham khảo cho các đối tượng là thẩm phán, kiểm sát viên, chấp hành viên, thư ký tòa án, luật sư, thừa phát lại, các cơ sở đào tạo và các cán bộ của các Bộ, ngành có liên quan trong quá trình thực hiện và nghiên cứu, tìm hiểu về hoạt động TTTP trong lĩnh vực dân sự.

IV. Cơ cấu, cách thức xây dựng và hướng dẫn sử dụng Sổ tay

1. Cơ cấu và nội dung chính của Sổ tay

Sổ tay gồm 3 phần:

Phần I: Giới thiệu chung

Phần II: Hướng dẫn thực hiện, gồm có:

1. UTTP ra: Mục này hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền, các bước thực hiện, quy trình, thủ tục lập hồ sơ UTTP của Việt Nam gửi ra nước ngoài.

2. UTTP vào: Mục này hướng dẫn chi tiết về thẩm quyền, quy trình, thủ tục thực hiện UTTP của nước ngoài gửi vào Việt Nam.

Phần III: Lưu ý một số vấn đề nhạy cảm giới

Phần này nhận diện những vấn đề nhạy cảm giới trong lĩnh vực TTTP về dân sự, gợi ý một số công việc mà người có thẩm quyền yêu cầu và người có thẩm quyền thực hiện yêu cầu TTTP nên tiến hành để nâng cao hiệu quả TTTP nói

chung và TTTP trong các vụ việc hôn nhân và gia đình nói riêng nhằm đảm bảo bình đẳng giới.

Ngoài ra Sổ tay có **8 Phụ lục** về các nội dung:

- Danh mục các Hiệp định;
- Giới thiệu về Công ước Tổng đạt;
- Hướng dẫn tra cứu thông tin, thành viên Công ước Tổng đạt;
- Giới thiệu Công ước Thu thập chứng cứ;
- Hướng dẫn tra cứu thông tin, thành viên Công ước Thu thập chứng cứ;
- Hướng dẫn tra cứu thông tin ngôn ngữ lập hồ sơ UTTP, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Cổng thông tin điện tử của Bộ Tư pháp;
- Danh mục các văn bản quy phạm pháp luật về TTTP trong lĩnh vực dân sự;
- Một số ví dụ cụ thể để các cơ quan có thẩm quyền thực hiện.

2. Cách thức xây dựng Sổ tay

Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ (cẩm nang về thực hiện UTTP) cho các cán bộ trực tiếp tham gia thực hiện TTTP về dân sự tra cứu, tham khảo khi xây dựng hồ sơ UTTP ra hay để thực hiện các UTTP vào.

Trên cơ sở đúc kết, tổng hợp các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế và thực tiễn, Sổ tay cung cấp thông tin chi tiết về cơ quan có thẩm quyền thực hiện TTTP, các kênh thực hiện TTTP, trình tự, thủ tục, hồ sơ, chi phí, phương thức thực hiện...

Đặc biệt, Sổ tay đưa ra những **lưu ý** (được trình bày đóng khung riêng) trong quá trình thực hiện UTTP để tránh cách hiểu chưa chính xác.

3. Yêu cầu xây dựng Sổ tay

- Nội dung phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và thực tiễn thực hiện UTTP.
- Kết cấu hợp lý, thuận tiện cho việc tra cứu, sử dụng.

4. Cách thức sử dụng Sổ tay

Sổ tay cung cấp thông tin tổng thể, toàn diện về quy trình thực hiện UTTP về dân sự của Việt Nam và lưu ý một số vấn đề nhạy cảm giới. Vì vậy, các đối tượng sử dụng nói chung có thể nghiên cứu Sổ tay như một tài liệu tham khảo.

Những người trực tiếp thực hiện TTTP có thể tra cứu Sổ tay để tiến hành từng bước lập hồ sơ UTTP ra và thực hiện hồ sơ UTTP vào theo từng kênh cụ thể (Hiệp

định, Công ước Tổng đạt, Công ước Thu thập chứng cứ hoặc theo nguyên tắc có đi có lại). Quá trình tra cứu, người thực hiện TTTP cần:

(i) **đọc kỹ các thông tin** chung về cơ quan có thẩm quyền, phí/ lệ phí và chi phí thực tế, phương thức thực hiện trước khi tra cứu về các bước tiến hành;

(ii) **ghi nhớ các lưu ý** được trình bày đóng khung tại các phần tương ứng để việc lập hồ sơ được nhanh chóng, tránh sai sót;

(iii) thường xuyên **cập nhật thông tin** theo hướng dẫn tra cứu tại các Phụ lục.

Trong các sơ đồ minh họa các kênh UTTP, Sở tay sẽ sử dụng chung thuật ngữ nước yêu cầu và nước được yêu cầu để chỉ các nước liên quan trong quy trình UTTP, mặc dù một số kênh như ngoại giao lãnh sự trực tiếp hoặc kênh bưu điện cơ quan có thẩm quyền lập không phải gửi yêu cầu (Văn bản UTTP) theo mẫu của Thông tư liên tịch 12.

PHẦN II - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN TTTP VỀ DÂN SỰ

A. Ủy thác tư pháp ra (UTTP của Việt Nam /UTTP từ Việt Nam ra nước ngoài)

I. Thẩm quyền UTTP từ Việt Nam ra nước ngoài ⁸

1. Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh;
2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp cao, Viện kiểm sát nhân dân cấp tỉnh;
3. Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh;
4. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật⁹.

Ngoài ra, trong trường hợp tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện giải quyết vụ việc cần UTTP ra nước ngoài thì các cơ quan này lập hồ sơ để chuyển lên cơ quan cấp tỉnh để cơ quan cấp tỉnh ký gửi đi theo quy định chung về lập hồ sơ UTTP¹⁰.

Ví dụ: Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, Tòa án nhân dân (TAND) huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng cần UTTP tổng đạt giấy tờ cho đương sự đang cư trú tại CHLB Đức, TAND huyện Tiên Lãng cần lập hồ sơ theo quy định của Luật TTTP, Thông tư liên tịch 12 và Công ước Tổng đạt; sau đó gửi hồ sơ cho TAND thành phố Hải Phòng để TAND thành phố Hải Phòng làm công văn gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp.

Lưu ý:

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp huyện có yêu cầu UTTP ra theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch 12 thì cơ quan này lập hồ sơ và gửi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP cấp tỉnh ký gửi hồ sơ, kết quả thực hiện sẽ được trả về cho cơ quan cấp tỉnh đã gửi hồ sơ.

II. Chi phí thực hiện UTTP

⁸ Điều 10 Thông tư liên tịch 12.

⁹Hiện nay, pháp luật chuyên ngành - BLTTDS, Luật thi hành án dân sự mới quy định thẩm quyền yêu cầu UTTP ra cho tòa án, viện kiểm sát và cơ quan thi hành án dân sự, Thông tư liên tịch 12 quy định thêm cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khác nhằm dự liệu trước sự thay đổi của pháp luật.

¹⁰ Khoản 2 Điều 10 Thông tư liên tịch 12.

Chi phí UTTP ra gồm phí/ lệ phí và chi phí thực tế phát sinh khi thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc gia được yêu cầu.

1. Người có nghĩa vụ nộp chi phí¹¹

- Đương sự quy định tại Điều 152 và Điều 153 của BLTTDS 2015 đối với các yêu cầu tổng đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ để giải quyết vụ việc dân sự và tổng đạt quyết định kháng nghị, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm;

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có yêu cầu thi hành bản án, quyết định của Tòa án, Trọng tài làm phát sinh UTTP ra nước ngoài.

2. Phí, lệ phí

Mỗi một yêu cầu UTTP bắt buộc phải nộp phí/lệ phí, cụ thể:

- Mức phí **150.000đ/hồ sơ** UTTP đối với các vụ việc thụ lý trước ngày 01/01/2017¹²;

- Đối với các vụ việc thụ lý sau ngày 01/01/2017:

+ Hồ sơ UTTP ra của Toà án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân: mức lệ phí: **200.000đ/hồ sơ** UTTP¹³.

+ Hồ sơ UTTP ra của cơ quan thi hành án dân sự: mức phí: **150.000đ/hồ sơ** UTTP¹⁴.

3. Chi phí thực tế¹⁵

Chi phí thực tế thực hiện UTTP bao gồm một hoặc một số chi phí sau đây:

- Chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực hồ sơ UTTP;

- Chi phí UTTP tổng đạt, thu thập chứng cứ ở nước ngoài;

- Chi phí khác (nếu có) theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của quốc gia liên quan.

Các chi phí phát sinh trong nước, ví dụ: chi phí dịch thuật, công chứng, chứng

¹¹ Điều 68 Luật TTTP, khoản 3 Điều 2 Thông tịch liên tịch 12.

¹² Thông tư 18/2014/TT-BTC ngày 11/02/2014 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự.

¹³ Nghị quyết số 326 quy định về lệ phí với Tòa án. Đối với Viện kiểm sát, do không có quy định riêng về thu phí như cơ quan thi hành án dân sự nên việc tổng đạt các văn bản tố tụng thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Mức lệ phí và cơ quan thu nộp lệ phí như Tòa án.

¹⁴ Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài.

¹⁵ Khoản 5 Điều 6 Thông tư liên tịch 12.

thực hồ sơ UTTP, người có nghĩa vụ nộp chi phí sẽ thanh toán trực tiếp cho người cung cấp dịch vụ.

Các chi phí phát sinh ở nước ngoài mức thu, chế độ thu, cơ quan thu được hướng dẫn tại Mục IV.

4. Cơ quan thu chi phí

Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh có thẩm quyền thu chi phí UTTP ra¹⁶.

III. Các bước lập hồ sơ UTTP ra

Bước 1: Xác định phạm vi yêu cầu¹⁷

- Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu;
- Triệu tập người làm chứng, người giám định;
- Thu thập, cung cấp chứng cứ;
- Các yêu cầu TTTP khác về dân sự.

Bước 2: Xác định địa chỉ của người được yêu cầu thực hiện UTTP - xác định quốc gia được yêu cầu.

Bước 3: Lập hồ sơ và yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP nộp phí/lệ phí, chi phí thực tế.

IV. Cách thức lập hồ sơ

Lưu ý: Yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự

Hầu hết các trường hợp hồ sơ UTTP không phải hợp pháp hóa lãnh sự theo Điều 7 Luật TTTP do:

- *Được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo các quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;*
- *Được chuyển giao trực tiếp hoặc qua đường ngoại giao giữa cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam và cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khoản 2 Điều 9 Nghị định 111/2011/NĐ-CP ngày 5/12/2011 về chứng nhận lãnh sự, hợp pháp hóa lãnh sự).*

Tuy nhiên, trong một số trường hợp do chưa có điều ước quốc tế giữa Việt Nam và nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu vẫn đề nghị phải chứng nhận lãnh sự đối với giấy tờ cần tổng đạt trong hồ sơ UTTP ra của

¹⁶ Điều 10 Nghị quyết 326; Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

¹⁷ Điều 10 Luật TTTP.

Việt Nam (ví dụ: Thái Lan).

1. UTTP tổng đạt giấy tờ¹⁸

Việc xác định chính xác quốc gia được yêu cầu giúp tìm đúng các căn cứ và kênh tổng đạt:

- Quốc gia được yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt;
- Quốc gia được yêu cầu ký kết Hiệp định với Việt Nam;
- Quốc gia được yêu cầu khác (không phải thành viên Công ước Tổng đạt và không ký kết Hiệp định với Việt Nam): thực hiện trên cơ sở có đi có lại;

1.1. Quốc gia được yêu cầu là thành viên Công ước Tổng đạt (xem Phụ lục II)

Lưu ý:

Việt Nam áp dụng 01 kênh chính, 04 kênh thay thế (kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp; kênh lãnh sự gián tiếp; kênh ngoại giao gián tiếp và kênh bưu điện) theo Công ước Tổng đạt. Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu thực hiện UTTP có thể chọn một trong các kênh để gửi hồ sơ UTTP nhưng cần chú ý các điểm sau:

- Căn cứ thực hiện tổng đạt giấy tờ theo Công ước Tổng đạt là địa chỉ của người được tổng đạt, chỉ cần người được tổng đạt có địa chỉ tại quốc gia thành viên Công ước (không nhất thiết người đó phải mang quốc tịch nước được yêu cầu) là có thể gửi yêu cầu tổng đạt giấy tờ cho nước đó thực hiện.

- Các kênh thay thế có giá trị thực hiện như kênh chính. Tuy nhiên, thực tiễn thực hiện Công ước cho thấy việc tổng đạt giấy tờ theo kênh chính có phạm vi rộng nhất, có cơ quan đầu mối để trao đổi về những vấn đề phát sinh vướng mắc, phần lớn các trường hợp tiết kiệm thời gian và hiệu quả hơn. Chính vì vậy, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP nên lựa chọn kênh chính để gửi yêu cầu.

- Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp (Điều 8 Công ước Tổng đạt) áp dụng đối với việc tổng đạt giấy tờ cho công dân của nước yêu cầu và áp dụng đối với cả công dân nước khác có địa chỉ tại nước được yêu cầu nếu quốc gia thành viên tuyên bố không phản đối. Việt Nam tuyên bố kênh này chỉ áp dụng đối với việc gửi giấy tờ cho công dân của nước yêu cầu. Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam không nên gửi giấy tờ bằng kênh này cho người nhận không phải là công dân Việt Nam, kể cả khi quốc gia nhận không phản đối, do phía nước ngoài có khả năng áp dụng nguyên tắc có đi có lại với Việt Nam.

- Các kênh lãnh sự gián tiếp, ngoại giao gián tiếp thường chỉ sử dụng trong

¹⁴ Khoản 1 Điều 10 Luật TTTP.

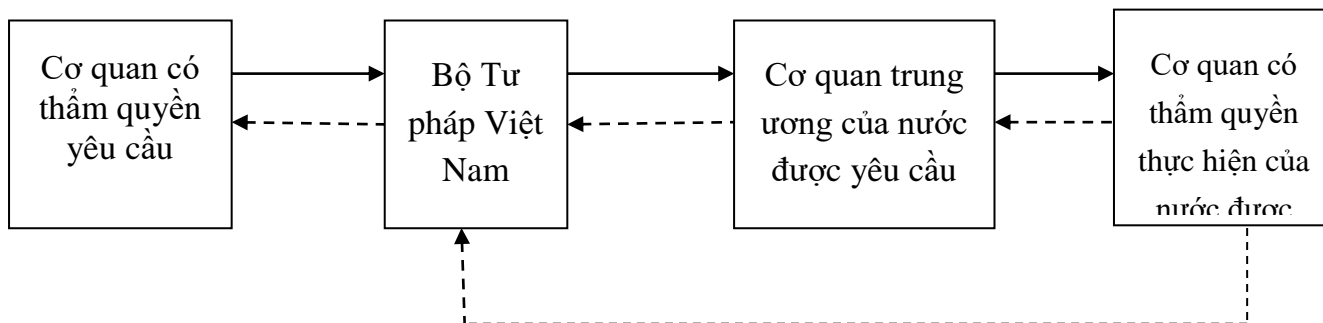
những trường hợp rất đặc biệt như tổng đạt cho đương sự là nhà nước hoặc cơ quan nhà nước nước ngoài.

- Kênh bưu điện áp dụng đối với giấy tờ gửi đi các nước thành viên Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi giấy tờ qua đường bưu điện. Khoản 1 Điều 173, khoản 2 Điều 175, điểm c khoản 1 Điều 474 BLTTDS 2015 quy định phương thức, thủ tục tổng đạt qua dịch vụ bưu chính nên đối với các nước thành viên Công ước Tổng đạt không phản đối việc gửi qua đường bưu điện và địa chỉ của người được tổng đạt chính xác, rõ ràng, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP cân nhắc việc sử dụng phương thức này để tiết kiệm chi phí cho đương sự, đặc biệt là UTTP tổng đạt giấy tờ đi những nước thu chi phí tổng đạt giấy tờ cao như Hoa Kỳ, Ca-na-đa, Bỉ ...

- Với các nước là thành viên Công ước Tổng đạt đồng thời có Hiệp định với Việt Nam (Liên bang Nga, U-crai-na, Trung Quốc, Séc, Xlô-va-ki-a, Ba Lan, Bê-la-rút, Bun-ga-ri, Pháp, Hung-ga-ri và Ca-dắc-xtan), cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP có thể lập hồ sơ đề nghị thực hiện theo các kênh của Công ước Tổng đạt¹⁹ hoặc theo Hiệp định. Tuy nhiên, việc thực hiện theo Hiệp định thường miễn phí, nội dung đơn giản hơn so với Công ước Tổng đạt nên các cơ quan có yêu cầu UTTP có thể cân nhắc lựa chọn khi lập hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ.

1.1.1. Kênh chính²⁰

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ yêu cầu²¹:

Stt	Loại văn bản	Số	Yêu cầu
-----	--------------	----	---------

¹⁹ Điều 25 Công ước Tổng đạt

²⁰ Điều 2 đến Điều 7 Công ước Tổng đạt.

²¹ Điều 11 Luật TTTP và Điều 12 Thông tư liên tịch 12.

		lượng	dịch thuật
1.	Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự ký (Mẫu 01 kèm theo Thông tư liên tịch 12): Bản chính	01	Không
2.	Văn bản UTTP gửi Cơ quan Trung ương nước được yêu cầu (theo Mẫu 02B song ngữ Việt – Anh kèm theo Thông tư liên tịch 12). Yêu cầu về ngôn ngữ thực hiện theo đúng phần lưu ý. Các nội dung cần điền vào mẫu thực hiện theo hướng dẫn trong Thông tư liên tịch 12: Bản chính Bộ Tư pháp sẽ ký Văn bản này.	03	Có (chỉ dịch phần điền thêm vào mẫu 2B)
3.	Giấy tờ, tài liệu khác phục vụ việc UTTP, kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận: Bản chính hoặc bản sao.	03	Có
4.	Biên lai thu phí/lệ phí: Bản chính hoặc bản sao.	01	Không
5.	Giấy tờ xác nhận đã thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài/biên lai tạm ứng chi phí thực tế: Bản chính hoặc bản sao.	02	Không

- Chi phí thực hiện UTTP bao gồm:

+ Phí/Lệ phí: thực hiện theo Mục II.2.

+ Chi phí thực tế thực hiện UTTP tại nước ngoài:

Đối với UTTP gửi đi các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt đã có thông báo cụ thể về chi phí thực tế và phương thức thanh toán, người có nghĩa vụ nộp chi phí thanh toán trực tiếp cho phía nước ngoài²², không phải nộp tạm ứng 3.000.000đ chi phí UTTP²³.

Ví dụ: UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đi Hoa Kỳ phải trả chi phí thực tế là 95 đô la Mỹ và thanh toán theo hình thức chuyển khoản cho Công ty ABC Legal. Hoa Kỳ

²² Điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

²³ Điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

đã thông báo mức chi phí thực tế và phương thức thanh toán nên người có nghĩa vụ nộp chi phí phải tự thực hiện chuyển khoản cho công ty này (xem thông tin cập nhật trên trang thông tin điện tử của HCCH và tại <https://www.abcllegal.com/international-service-of-process/payment-information>).

Đối với UTTP gửi đến các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt đã thông báo không thu/miễn chi phí thực hiện tổng đạt giấy tờ, người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP về dân sự không phải nộp chi phí thực tế và không phải tạm ứng 3.000.000 đồng chi phí thực tế.

Ví dụ: UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đi CHLB Đức, người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP không phải nộp tạm ứng 3.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu UTTP gửi đi các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt chưa thông báo về chi phí thực tế hoặc đã thông báo có thu chi phí thực tế thực hiện UTTP nhưng thu sau, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP thông báo cho người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP về dân sự nộp tạm ứng 3.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh.

Ví dụ: UTTP tổng đạt giấy tờ gửi đến bang Victoria, Australia (Ô-xtơ-rây-li-a), bang này sẽ thông báo chi phí thực tế khi trả kết quả UTTP nên người có nghĩa vụ nộp chi phí phải nộp tạm ứng 3.000.000 đồng.

Lưu ý:

- Hồ sơ UTTP nên được in 2 mặt. Cơ quan có thẩm quyền chỉ gửi các giấy tờ cần thiết. Trường hợp gửi thông báo thụ lý vụ án cho đương sự ở nước ngoài cần lưu ý các quy định riêng tại Điều 476 BLTTDS 2015 để hồ sơ ngắn gọn, tiết kiệm chi phí dịch thuật và chi phí gửi bưu điện.

- Khi lập Văn bản yêu cầu tổng đạt giấy tờ theo Mẫu 2B cần chú ý:

+ Mẫu 2B gồm **03 phần**: (i) Yêu cầu tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp; (ii) Xác nhận kết quả tổng đạt; (iii) Tóm tắt nội dung giấy tờ cần tổng đạt. Mặt sau của yêu cầu tổng đạt là giấy xác nhận kết quả. 03 phần này cần **tách thành từng trang riêng**. Trường hợp các nội dung cần điền tại yêu cầu tổng đạt vượt quá 1 trang giấy nên không thể in giấy xác nhận kết quả ở mặt sau của yêu cầu tổng đạt thì phần giấy xác nhận kết quả tổng đạt in riêng ở trang tiếp theo trang cuối cùng của yêu cầu tổng đạt. Việc tách thành từng trang riêng áp dụng đối với mẫu 02B song ngữ Việt-Anh hoặc bản dịch kèm theo nên Cơ quan có thẩm quyền cần lưu ý với đương sự/đơn vị dịch thuật.

+ Bộ Tư pháp sẽ rà soát, ký, đóng dấu mẫu 2B. Do vậy, cơ quan lập hồ sơ

cần để khoảng trống đủ để Bộ Tư pháp ký, đóng dấu.

+ Mục 2 của Giấy xác nhận kết quả cần để khoảng trống để cơ quan nước ngoài có thể điền các thông tin về việc thực hiện tổng đạt.

+ Danh mục giấy tờ (hướng dẫn số 8) cần ghi đúng tiêu đề văn bản cần tổng đạt (không ghi theo nội dung văn bản), ghi chính xác số, ký hiệu (nếu có trích dẫn), ví dụ: Thông báo thụ lý vụ án số 15/TB-TL.

- Các từ ngữ có sẵn trên Mẫu 2B phải được giữ nguyên, chỉ dịch phần điền thêm sang tiếng Anh/ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu.

- Đối với các nước yêu cầu thanh toán trước chi phí thực hiện tổng đạt giấy tờ, đã xác định chi phí thực tế phải trả và phương thức thanh toán chuyển khoản vào tài khoản đã được chỉ định, cơ quan có thẩm quyền UTTP:

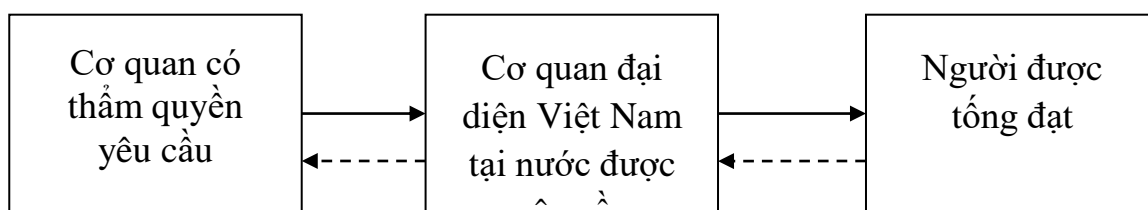
+ **Không** yêu cầu đương sự nộp tạm ứng chi phí 3.000.000đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12, và

+ Có hướng dẫn người có nghĩa vụ nộp chi phí thanh toán cả các khoản chi phí ngân hàng phát sinh như phí chuyển tiền ra nước ngoài, phí chuyển đổi ngoại tệ... để tránh trường hợp ngân hàng khấu trừ các khoản chi phí này vào khoản tiền phải nộp cho phía nước ngoài, và kiểm tra sau khi người có nghĩa vụ nộp chi phí xuất trình giấy tờ của ngân hàng đảm bảo chuyển đủ cho phía nước ngoài số tiền đã yêu cầu.

- Địa chỉ của người được tổng đạt phải đầy đủ chính xác (có tên tiểu bang đối với những nước liên bang, mã vùng), **không phải là địa chỉ hộp thư** (Một số nước có dịch vụ cho thuê các hộp thư để các tổ chức, cá nhân nhận bưu kiện, bưu phẩm. Bưu kiện, bưu phẩm gửi đến hộp thư này không có người ký nhận. Thông thường các địa chỉ hộp thư thường có chữ viết tắt là P.O BOX).

1.1.2. Kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp²⁴

- Quy trình:



²⁴ Điều 8 Công ước Tổng đạt

Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ yêu cầu và Chi phí thực hiện:

Tòa án gửi hồ sơ theo quy định tại Thông tư liên tịch 01.

Các cơ quan có thẩm quyền khác tự gửi văn bản yêu cầu và các giấy tờ cần được tổng đạt cho Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước được yêu cầu qua đường bưu điện.

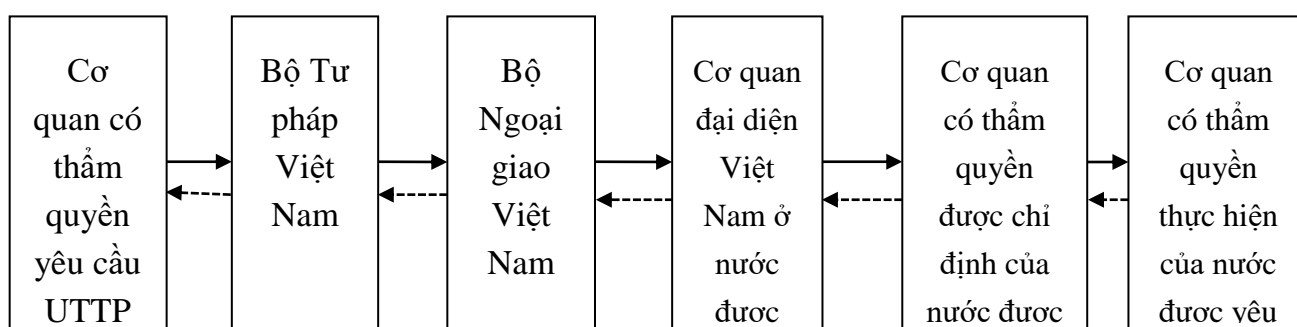
Lưu ý:

- Kênh này được sử dụng để gửi giấy tờ tổng đạt cho công dân nước yêu cầu. Người được tổng đạt là công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài thì cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam có thể gửi hồ sơ cho Cơ quan đại diện của Việt Nam tại nước nơi công dân Việt Nam cư trú bằng đường bưu điện, không thông qua Bộ Tư pháp.

- Một số quốc gia thành viên không tuyên bố phản đối kênh tổng đạt theo Điều 8 Công ước Tổng đạt, cơ quan đại diện của nước ngoài có thể tổng đạt giấy tờ cho công dân nước mình và công dân nước thứ ba. Tuy nhiên, Việt Nam đã đưa ra tuyên bố²⁵ nên những nước không tuyên bố có thể áp dụng nguyên tắc có đi có lại, không cho phép cơ quan đại diện của Việt Nam gửi giấy tờ cho người nhận không phải công dân Việt Nam tại nước ngoài.

1.1.3. Kênh lãnh sự gián tiếp²⁶

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

²⁵ Việt Nam tuyên bố “không áp dụng phương thức tổng đạt tại Điều 8 Công ước, trừ khi giấy tờ được tổng đạt cho công dân của quốc gia gửi”.

²⁶ Đoạn 1 Điều 9 Công ước Tổng đạt.

- Hồ sơ yêu cầu²⁷:

Stt	Loại văn bản	Số lượng	Yêu cầu dịch thuật
1.	Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự ký (Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12): Bản chính.	02	Không
2.	Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu: Có thể lập theo một trong 02 mẫu: Bản chính hoặc bản sao (i) Mẫu 02A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12 kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận; hoặc (ii) Mẫu 02B kèm theo Thông tư liên tịch 12 song ngữ Việt – Anh.	03	Có
3.	Giấy tờ, tài liệu khác phục vụ việc UTTP, kèm theo bản dịch được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận: Bản chính hoặc bản sao.	03	Có
4.	Biên lai thu phí/lệ phí.	02	Không
5.	Giấy tờ xác nhận đã thanh toán chi phí thực tế cho cơ quan có thẩm quyền nước ngoài/biên lai tạm ứng chi phí thực tế	02	Không

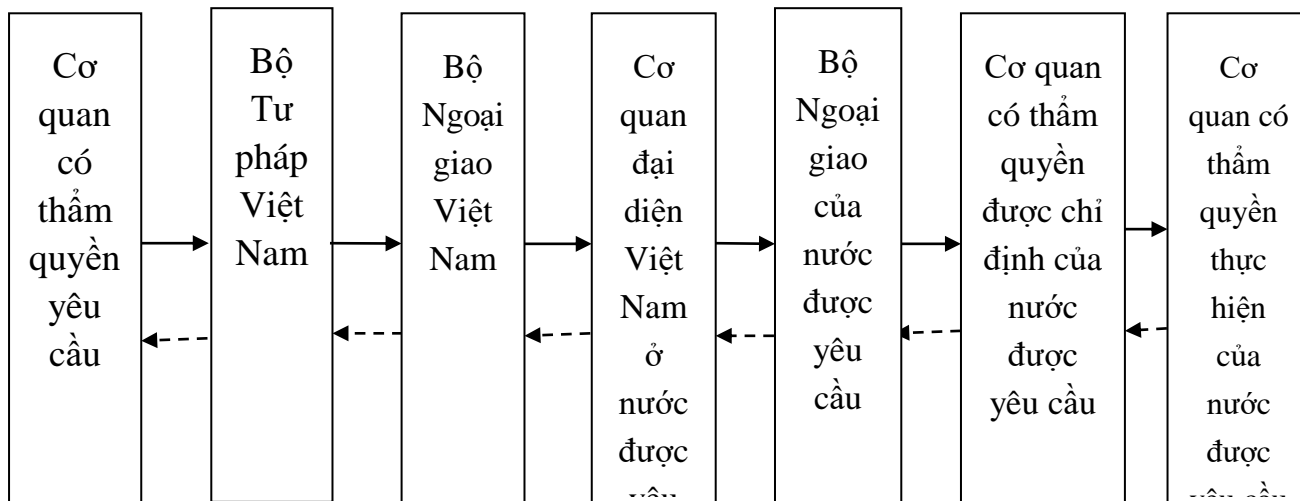
- Chi phí thực tế thực hiện UTTP: như Kênh chính tại Mục IV.1.1.1.

1.1.4. Kênh ngoại giao gián tiếp²⁸

- Quy trình:

²⁷ Điều 11 Luật TTTP và Điều 12 Thông tư liên tịch 12.

²⁸ Đoạn 2 Điều 9 Công ước Tổng đạt.



Gửi đi: —————

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ yêu cầu: Thực hiện như Kênh lãnh sự gián tiếp Mục A. IV.1.1.3.
- Chi phí thực hiện: Thực hiện như Kênh chính Mục A. IV.1.1.1.

Lưu ý:

- Trường hợp yêu cầu UTTP thực hiện theo kênh lãnh sự gián tiếp hoặc ngoại giao gián tiếp, Công ước Tổng đạt không bắt buộc mà chỉ khuyến khích việc lập văn bản yêu cầu tổng đạt giấy tờ theo Mẫu của Công ước nên cơ quan yêu cầu có thể sử dụng Mẫu 2A hoặc 2B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

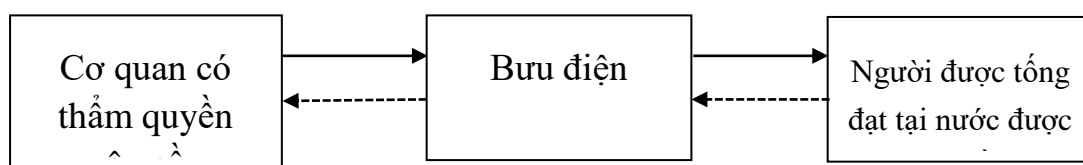
- Trường hợp cơ quan yêu cầu lựa chọn kênh lãnh sự gián tiếp hoặc ngoại giao gián tiếp để UTTP tổng đạt giấy tờ đi các nước thành viên Công ước Tổng đạt thì trong Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp (Mẫu 01) **nêu rõ đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ yêu cầu theo quy định tại khoản 7 hoặc khoản 8 Điều 3 Thông tư liên tịch 12 để Bộ Tư pháp và cơ quan ngoại giao của Việt Nam tiến hành các quy trình tương ứng tiếp theo.**

- Thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ theo các kênh lãnh sự, ngoại giao của Công ước Tổng đạt **vẫn thu nộp chi phí như kênh chính.**

1.1.5. Kênh bưu điện²⁹

- Quy trình:

²⁹ Điểm a Điều 10 Công ước tổng đạt.



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

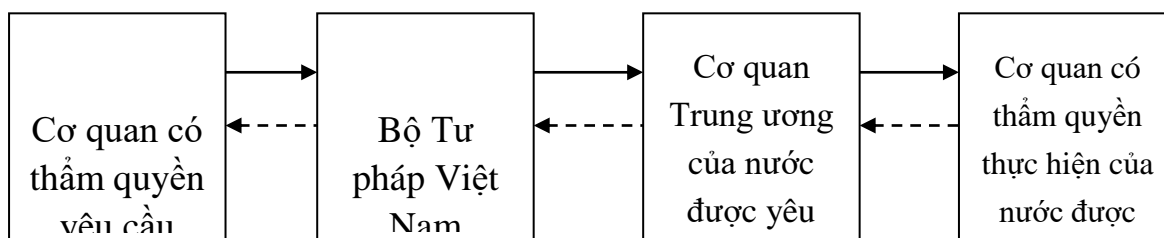
- Hồ sơ: Các văn bản cần tổng đạt, kèm theo bản dịch được chứng thực ra ngôn ngữ của nước mà người được tổng đạt có thể hiểu được (thường là ngôn ngữ của nước người đó có quốc tịch/cư trú). Trường hợp người được tổng đạt là cơ quan, tổ chức thì giấy tờ nên dịch sang ngôn ngữ mà cơ quan, tổ chức đó sử dụng trong giao dịch chính thức hoặc giao dịch trước đó với đối tác trong vụ việc đang được giải quyết trước cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Chi phí thực hiện: **không thu phí/lệ phí UTTP** và không phát sinh chi phí UTTP tại nước ngoài, đương sự thanh toán các chi phí thực tế phát sinh như chi phí dịch các văn bản có trong hồ sơ, chi phí gửi bưu phẩm đi nước ngoài.

- Kết quả thể hiện việc tổng đạt là thông báo của bưu điện về việc người được tổng đạt đã ký nhận/ từ chối nhận bưu phẩm hoặc không gửi được do địa chỉ không đúng, không có người nhận...

1.2. Quốc gia được yêu cầu có ký kết Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục I)

- Quy trình:



Gửi đi: _____

Trả kết quả: - - - - -

- Hồ sơ:

Stt	Loại văn bản	Số lượng	Yêu cầu dịch thuật
1.	Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp	01	Không

	do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự ký (Mẫu 01 kèm theo Thông tư liên tịch 12): Bản chính.		
2.	Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền nước được UTTP do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc ký (Mẫu 02A kèm theo Thông tư liên tịch 12), kèm theo bản dịch đã được chứng thực hợp lệ ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba theo quy định của Hiệp định. Bản chính hoặc bản sao <i>Ví dụ: Ngôn ngữ sử dụng trong UTTP với Lãnh thổ Đài Loan là tiếng Trung hoặc tiếng Anh (Xem Phụ lục I).</i> Đánh dấu vào ô Tổng đạt. Liệt kê cụ thể tên, số hiệu và ngày tháng của giấy tờ cần tổng đạt	03	Có
3.	Các giấy tờ, tài liệu khác phục vụ việc UTTP có kèm theo bản dịch đã được chứng thực hợp lệ ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba theo quy định của Hiệp định: Bản chính hoặc bản sao	03	Có
4.	Biên lai thu phí/lệ phí: Bản chính hoặc bản sao	01	Không

- Chi phí thực hiện yêu cầu UTTP

+ Phí/Lệ phí: thực hiện theo Mục A.II.2.

+ Chi phí UTTP tại nước ngoài: Không phát sinh chi phí, do các Hiệp định đều quy định việc thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ là miễn phí (trừ trường hợp UTTP tổng đạt giấy tờ theo thủ tục đặc biệt).

Lưu ý:

- Về ngôn ngữ sử dụng trong UTTP, các Hiệp định ký kết với các nước/vùng lãnh thổ đều quy định các văn bản, giấy tờ, tài liệu phải kèm theo bản dịch ra ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ thứ ba (thông thường là tiếng Anh; hoặc tiếng Nga đối với các nước trong khối XHCN trước đây). Do vậy, trường hợp không thể dịch ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu thì có thể dịch ra ngôn ngữ thứ ba nêu trên. Tuy nhiên, cơ quan Trung ương thực thi Hiệp định của hai Bên ký kết (Bộ Tư pháp Việt Nam và Bộ Tư

pháp nước ký kết Hiệp định) thường khuyến khích sử dụng ngôn ngữ chính thức của hai Bên.

- Việc thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ đi các nước/vùng lãnh thổ có Hiệp định với Việt Nam không phát sinh chi phí thực tế trừ trường hợp yêu cầu thực hiện theo thủ tục đặc biệt, nên đối với trường hợp yêu cầu tổng đạt giấy tờ thông thường, cơ quan có thẩm quyền không yêu cầu người phải nộp chi phí UTTP đóng tạm ứng 3.000.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

1.3. Quốc gia được yêu cầu khác

Trường hợp này thực hiện theo **kênh ngoại giao trên cơ sở nguyên tắc có đi có lại**³⁰.

- Quy trình thực hiện như kênh ngoại giao gián tiếp tại Mục A. IV.1.1.4;

- Hồ sơ thực hiện như kênh Hiệp định tại Mục A.IV.1.2;

- Chi phí thực hiện: Cho đến thời điểm hiện nay chưa có thông tin về chi phí thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ tại các nước không có điều ước quốc tế với Việt Nam. Do vậy, người nộp chi phí UTTP phải nộp tạm ứng 3.000.000 đồng chi phí thực hiện UTTP tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh³¹ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

*2. UTTP thu thập, cung cấp chứng cứ và các UTTP khác*³²

Việc xác định chính xác quốc gia được yêu cầu giúp tìm đúng các căn cứ và kênh thu thập chứng cứ:

- Quốc gia được yêu cầu là thành viên Công ước Thu thập chứng cứ (đã đồng ý việc Việt Nam gia nhập Công ước này).

- Quốc gia được yêu cầu ký kết Hiệp định với Việt Nam.

³⁰ Khoản 2 Điều 4 Luật TTTP. Trước đây, việc áp dụng nguyên tắc có đi có lại thực hiện theo quy định tại Điều 4 và 5 Thông tư liên tịch số 15/2011/TTLT-BTP-BNG-TANDTC, hồ sơ UTTP phải bao gồm công văn đề nghị áp dụng nguyên tắc có đi có lại. Tuy nhiên, Thông tư liên tịch 12 đã đơn giản hóa hồ sơ, bỏ thủ tục này. Trường hợp nước ngoài yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam phải cam kết áp dụng nguyên tắc có đi có lại thì Cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cũng không phải lập riêng văn bản cam kết, Bộ Tư pháp sẽ đề nghị Bộ Ngoại giao và/ hoặc Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước được yêu cầu nêu nội dung cam kết trong Công hàm khi chuyển hồ sơ cho nước được yêu cầu.

³¹ Khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

³² Khoản 2, 3, 4 Điều 10 Luật TTTP.

- Quốc gia được yêu cầu khác (không phải thành viên Công ước Thu thập chứng cứ đã đồng ý việc Việt Nam gia nhập Công ước này và không ký kết Hiệp định với Việt Nam): thực hiện trên cơ sở có đi có lại.

2.1. Quốc gia được yêu cầu đã đồng ý việc Việt Nam gia nhập Công ước Thu thập chứng cứ (Xem Phụ lục IV)

- Quy trình thực hiện như Mục A. IV.1.1.1 (Kênh chính của Công ước Tổng đạt).

- Hồ sơ:

Stt	Loại văn bản	Số lượng	Yêu cầu dịch thuật
1.	Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự ký (Mẫu 01 kèm theo Thông tư liên tịch 12): Bản chính.	01	Không
2.	Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền nước được UTTP do người có thẩm quyền giải quyết vụ việc ký (Mẫu 02A kèm theo Thông tư liên tịch 12- nên kèm theo một số sửa đổi phù hợp, xem ví dụ tại Phụ lục VIII), kèm theo bản dịch đã được chứng thực hợp lệ bằng tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc ngôn ngữ của nước được yêu cầu: Bản chính hoặc bản sao.	03	Có
3.	Giấy tờ, tài liệu khác phục vụ việc UTTP có kèm theo bản dịch đã được chứng thực hợp lệ ra ngôn ngữ của nước được yêu cầu (ví dụ: bảng câu hỏi - nếu câu hỏi quá dài không thể gộp cùng Mẫu 02A hoặc các giấy tờ khác về vụ việc): Bản chính hoặc bản sao.	03	Có
4.	Biên lai thu phí/lệ phí và biên lai tạm ứng chi phí thực tế.	01	Không

- Chi phí thực hiện UTTP bao gồm:

+ Phí/Lệ phí yêu cầu: thực hiện theo Mục II.2.

+ Chi phí thực tế thực hiện UTTP tại nước ngoài:

Theo Điều 14 (2) Công ước Thu thập chứng cứ, quốc gia được yêu cầu có

quyền đề nghị quốc gia yêu cầu bồi hoàn một số chi phí (như thù lao cho chuyên gia, người phiên dịch, ...) do đó, khi lập hồ sơ yêu cầu đến các quốc gia thành viên Công ước Thu thập chứng cứ, cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ UTTP thông báo cho người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP về dân sự nộp tạm ứng chi phí thực tế 3.000.000 đồng tại cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12.

2.2. Quốc gia được yêu cầu ký kết Hiệp định với Việt Nam (Xem Phụ lục I)

- Quy trình và thủ tục thực hiện như Mục A.IV.1.2.

Mẫu 2A đánh dấu vào ô Thu thập chứng cứ, nêu rõ chứng cứ cần thu thập.

2.3. Quốc gia được yêu cầu khác

- Quy trình và thủ tục thực hiện như Mục A.IV.1.3.

Mẫu 2A đánh dấu vào ô Thu thập chứng cứ, nêu rõ chứng cứ cần thu thập.

Lưu ý chung đối với UTTP ra:

- Xây dựng các văn bản UTTP yêu cầu đúng mẫu theo hướng dẫn.

- Xác định rõ yêu cầu (tổng đạt giấy tờ hay thu thập chứng cứ) và liệt kê đầy đủ, cụ thể, chính xác văn bản cần tổng đạt để tạo điều kiện thuận lợi cho phía nước ngoài khi thực hiện.

- Tách riêng hồ sơ yêu cầu: **01 đương sự - 01 công việc UTTP – 01 địa chỉ - 01 hồ sơ**. Mỗi hồ sơ gồm 3 bộ với đầy đủ giấy tờ và biên lai lệ phí, tạm ứng chi phí thực tế (thu riêng từng hồ sơ). Như vậy,

+ Trường hợp 01 đương sự có 02 địa chỉ và cùng 01 công việc tổng đạt giấy tờ thì phải có 02 hồ sơ tổng đạt: mỗi hồ sơ cho một địa chỉ.

+ Trường hợp 01 đương sự có 01 địa chỉ và 02 công việc tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ thì phải có hai hồ sơ: một hồ sơ tổng đạt và một hồ sơ thu thập chứng cứ.

+ Trường hợp 02 đương sự có 01 địa chỉ và cùng công việc tổng đạt giấy tờ thì phải lập hai hồ sơ tổng đạt: mỗi hồ sơ cho một đương sự.

Yêu cầu này xuất phát từ cơ sở pháp lý khác nhau của hoạt động tổng đạt giấy tờ (Công ước Tổng đạt và Hiệp định), thu thập chứng cứ (Công ước Thu thập chứng cứ và Hiệp định) và yêu cầu của phía nước ngoài. Chỉ một số ít nước cho phép ngoại lệ với nguyên tắc này, các ngoại lệ sẽ được Bộ Tư pháp thông báo cập nhật trên Trang tin Pháp luật quốc tế, Cổng thông tin điện tử của Bộ (ví dụ: Đài Loan cho phép một hồ sơ với một đương sự yêu cầu cả hai công việc tổng đạt

giấy tờ và thu thập chứng cứ nhưng cần phải nêu rõ loại giấy tờ cần tổng đạt và chứng cứ cần thu thập; Phi-líp-pin vẫn yêu cầu phải tách hồ sơ tổng đạt khi có nhiều đương sự ở cùng địa chỉ nhưng cho phép chỉ thu chi phí như tổng đạt cho một đương sự).

Mặc dù vậy, trong vụ việc dân sự vừa tổng đạt giấy tờ vừa thu thập chứng cứ lấy lời khai của đương sự, các cơ quan lập hồ sơ có thể cân nhắc **yêu cầu tổng đạt văn bản đề nghị đương sự (nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan) tự cung cấp ý kiến, chứng cứ, tài liệu** (nếu có) kèm theo các văn bản khác trong hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ [trừ trường hợp Nhật Bản, Thụy Sĩ, Đức... là các quốc gia phản đối việc tổng đạt các giấy tờ có câu hỏi kèm theo]. Trường hợp này Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài chỉ trả kết quả tổng đạt giấy tờ, còn các chứng cứ, tài liệu khác do đương sự tự gửi cho Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Trường hợp đề nghị người thứ ba cung cấp ý kiến, tài liệu... thì phải lập hồ sơ thu thập chứng cứ riêng.

- Tại Văn bản yêu cầu ủy thác tư pháp về dân sự (Mẫu 01) cơ quan yêu cầu cung cấp địa chỉ thư điện tử (email) và **số điện thoại** chính thức (thậm phán hoặc thư ký) để thuận tiện cho Bộ Tư pháp liên hệ trao đổi trong quá trình rà soát hồ sơ.

- Thường xuyên kiểm tra, cập nhật thông tin liên quan đến các nước thành viên Công ước Tổng đạt, Công ước Thu thập chứng cứ theo hướng dẫn tại Phụ lục III và V để lập hồ sơ chính xác, phù hợp với yêu cầu của các quốc gia.

3. Thời gian chuyển hồ sơ

- Tại Bộ Ngoại giao và các cơ quan đại diện ngoại giao, lãnh sự (gọi chung là Cơ quan ngoại giao): Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi hồ sơ cho phía nước ngoài là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ³³.

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam rà soát tính hợp lệ của hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ³⁴.

³³ Điều 14 Thông tư liên tịch 12

³⁴ Khoản 2 Điều 14 Luật TTTP

4. Trả kết quả

4.1. Thời gian trả kết quả

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi thông báo kết quả thực hiện của phía nước ngoài cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được trả lời của phía nước ngoài³⁵.

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam chuyển trả kết quả cho cơ quan đã gửi yêu cầu là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kết quả từ Cơ quan trung ương/cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu (trong trường hợp có điều ước quốc tế) hoặc Bộ Ngoại giao (trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự).

4.2. Hồ sơ trả kết quả

Hồ sơ Bộ Tư pháp trả kết quả thực hiện tổng đạt giấy tờ cho cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ bao gồm:

- Văn bản thông báo kết quả của Bộ Tư pháp;
- Các giấy tờ, tài liệu chứng minh việc thực hiện/không thực hiện được của phía nước ngoài.

Lưu ý:

*Theo quy định tại các Hiệp định cũng như điểm a Điều 5 Công ước Tổng đạt, đoạn 1 Điều 9 Công ước Thu thập chứng cứ và thông lệ quốc tế thì việc thực hiện UTTP tuân theo quy định **pháp luật của nước được yêu cầu**.*

Ngoài ra, các Hiệp định và điểm b Điều 5 Công ước Tổng đạt, đoạn 2 Điều 9 Công ước Thu thập chứng cứ cũng ghi nhận việc thực hiện tổng đạt giấy tờ theo phương thức mà nước yêu cầu đề nghị (thực hiện theo thủ tục đặc biệt) với điều kiện: (i) phương thức đó không trái quy định pháp luật của nước được yêu cầu và (ii) nếu phát sinh chi phí thì bên yêu cầu phải chi trả.

Chính vì vậy, cơ quan có thẩm quyền gửi UTTP ra không nên căn cứ các quy định về thủ tục, phương thức thực hiện tổng đạt giấy tờ, thu thập chứng cứ... của pháp luật trong nước để đánh giá tính hợp pháp của kết quả do phía nước ngoài thực hiện. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền yêu cầu đề nghị việc thực hiện UTTP ra theo trình tự, thủ tục hoặc phương thức cụ thể phù hợp với quy định

³⁵ Điều 15 Thông tư liên tịch 12

pháp luật trong nước mà pháp luật nước ngoài không quy định thì đây là yêu cầu thực hiện theo thủ tục đặc biệt, cần mô tả cụ thể và có thể bị từ chối hoặc phát sinh chi phí phải trả cho phía nước ngoài.

B. Ủy thác tư pháp vào (UTTP của nước ngoài/ UTTP từ nước ngoài vào Việt Nam)

UTTP vào có quy trình ngược lại so với UTTP ra. Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đóng vai trò Cơ quan của nước được yêu cầu.

Trừ kênh bưu điện và kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp trong Công ước Tổng đạt, các UTTP tổng đạt giấy tờ và thu thập chứng cứ từ nước ngoài vào Việt Nam đều được gửi đến Bộ Tư pháp trước khi gửi cho các cơ quan, tổ chức trong nước có thẩm quyền thực hiện. Bộ Tư pháp sẽ rà soát hồ sơ, vì vậy, đối với UTTP vào, các cơ quan có thẩm quyền thực hiện cần chú trọng đến **phương thức thực hiện** và việc **trả đầy đủ, đúng hạn kết quả UTTP** cho Bộ Tư pháp.

I. Thẩm quyền thực hiện UTTP³⁶

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện UTTP vào gồm:

- Tòa án nhân dân cấp tỉnh³⁷;
- Cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh trong trường hợp tổng đạt giấy tờ của nước ngoài liên quan đến thi hành án³⁸;
- Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ theo quy định của pháp luật³⁹.

II. Chi phí thực hiện UTTP

Chi phí thực hiện UTTP vào bao gồm lệ phí theo quy định pháp luật Việt Nam và chi phí thực tế sẽ phát sinh trong quá trình cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam thực hiện tại Việt Nam.

1. Người có nghĩa vụ nộp chi phí thực hiện⁴⁰

Người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP vào là cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài có yêu cầu UTTP với Việt Nam.

³⁶ Khoản 1 Điều 17 Thông tư liên tịch 12.

³⁷ Thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh không bị giới hạn, nghĩa là cơ quan này có thẩm quyền thực hiện tất cả các yêu cầu.

³⁸ Điều 181 Luật Thi hành án dân sự, Khoản 4 Điều 50 Nghị định 62.

³⁹ Điểm b khoản 1 Điều 32, Điều 34 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại, hiện Bộ Tư pháp đang nghiên cứu xây dựng thông tư hướng dẫn chi tiết về nội dung này.

⁴⁰ Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch 12

2. Lệ phí

Trường hợp giữa Việt Nam và nước yêu cầu không cùng ký kết, tham gia điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự (Hiệp định, Công ước Tổng đạt, Công ước thu thập chứng cứ) thì người có nghĩa vụ nộp lệ phí 1.000.000 đồng/yêu cầu⁴¹.

3. Chi phí thực tế⁴²

Bao gồm:

- Chi phí trả cho tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam – quy định này hướng đến việc trả chi phí cho Thừa phát lại thực hiện tổng đạt giấy tờ (việc trả chi phí cho tổ chức, cá nhân ngoài nhà nước đã thực hiện việc tổng đạt);

- Chi phí cho bên thứ ba phát sinh trong quá trình thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ (như thù lao chuyên gia, phiên dịch, ...) từ các quốc gia thành viên Công ước Thu thập chứng cứ đã tuyên bố đồng ý việc gia nhập Công ước của Việt Nam.

- Chi phí phát sinh do phía nước ngoài yêu cầu thực hiện UTTP theo thủ tục đặc biệt.

Ví dụ: Phía nước ngoài yêu cầu việc tổng đạt phải có người thứ ba làm chứng thì thù lao trả cho người làm chứng (nếu có) do phía nước ngoài chi trả.

4. Cơ quan thu và quy trình thu nộp

4.1. Về lệ phí:

Bộ Ngoại giao là cơ quan thu lệ phí 1.000.000 đồng trong trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam.

4.2. Về chi phí thực tế:

- Trường hợp đã xác định được chi phí thực tế khi tiếp nhận yêu cầu tổng đạt giấy tờ của phía nước ngoài, cơ quan đã tiếp nhận yêu cầu (Bộ Ngoại giao trong trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam; Bộ Tư pháp trong trường hợp nước yêu cầu có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) thông báo cơ quan/tổ chức nước ngoài nộp chi phí thực tế.

- Trường hợp sau khi tiếp nhận yêu cầu tổng đạt giấy tờ từ Bộ Tư pháp, cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP vào đã nêu tại Mục B. I mới xác định chi phí thực tế thì trong 05 ngày làm việc, cơ quan này thông báo cho Bộ Tư pháp số chi

⁴¹ Khoản 7 Điều 4, Điều 43 Nghị quyết số 326 và Mục B.II.7 Danh mục ban hành kèm theo Nghị quyết số 326.

⁴² Khoản 6 Điều 6 Thông tư liên tịch 12

phí phía nước ngoài phải nộp, phương thức nộp và ấn định thời hạn nộp không quá 60 ngày kể từ ngày ra thông báo; trong thời hạn 05 ngày làm việc Bộ Tư pháp thông báo cho cơ quan/tổ chức đã gửi yêu cầu (trong trường hợp nước yêu cầu có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) hoặc cho Bộ Ngoại giao (trường hợp nước yêu cầu không có điều ước quốc tế về TTTP trong lĩnh vực dân sự với Việt Nam) để Bộ Ngoại giao thông báo cơ quan/tổ chức đã gửi yêu cầu.

III. Phương thức thực hiện UTTP

UTTP vào được thực hiện theo các phương thức quy định trong pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thi hành án dân sự⁴³ tương tự như các vụ việc trong nước, cụ thể:

1. UTTP tổng đạt giấy tờ

Trường hợp UTTP tổng đạt giấy tờ được thực hiện theo các phương thức:

- Đối với giấy tờ liên quan đến thi hành án – thực hiện theo Điều 40, 41, 42, 43 Luật Thi hành án dân sự 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Cụ thể:

+ Tổng đạt trực tiếp cho người được yêu cầu; trường hợp người được yêu cầu vắng mặt thì giao giấy tờ cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người đó;

+ Niêm yết công khai khi không rõ địa chỉ của người được yêu cầu hoặc không thể thực hiện được việc thông báo trực tiếp (Trường hợp người được thông báo không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc có nhưng người đó từ chối nhận văn bản thông báo hoặc người được thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về);

+ Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng nếu nước ngoài có yêu cầu và đã nộp chi phí thực tế phát sinh (nếu có).

- Đối với các giấy tờ liên quan đến Tòa án – thực hiện theo quy định của Điều 177, 178, 179, 180 BLTTDS 2015, cụ thể:

+ Tổng đạt trực tiếp cho người được yêu cầu.

+ Niêm yết công khai áp dụng trong trường hợp không thực hiện được tổng đạt trực tiếp vì lý do đương sự đã chuyển đến nơi cư trú mới hoặc vắng mặt ở nơi cư trú không rõ thời điểm trở về. (Trường hợp địa chỉ không chính xác hoặc không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu thì không cần niêm yết công khai).

⁴³ Khoản 2 Điều 20 Thông tư liên tịch 12

+ Thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng nếu nước ngoài có yêu cầu và đã nộp chi phí thực tế phát sinh (nếu có).

Lưu ý chung khi thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ vào:

- Bộ Tư pháp và cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước không được từ chối thực hiện yêu cầu khi xét thấy: (i) vụ việc phía nước ngoài đang giải quyết thuộc thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam; (ii) khả năng yêu cầu tổng đạt dẫn đến một phán quyết có thể không được công nhận tại Việt Nam kể cả lý do không công nhận là vì vi phạm nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam; (iii) không đủ thời gian để thực hiện yêu cầu (thời hạn phía nước ngoài yêu cầu người được tổng đạt trả lời ý kiến hoặc triệu tập họ là quá ngắn không đảm bảo cho họ thực hiện quyền); (iv) yêu cầu khởi kiện trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

- Văn bản thông báo kết quả thực hiện của cơ quan có thẩm quyền thực hiện cho Bộ Tư pháp lập đúng Mẫu 03 ban hành kèm Thông tư liên tịch 12.

Lưu ý: Trường hợp không tổng đạt được cần nêu rõ lý do:

- **Không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu:** Người cần được tổng đạt giấy tờ **chưa từng** sinh sống tại địa chỉ nêu trong hồ sơ.

Trường hợp người nhận giấy tờ chỉ đi vắng, không có mặt vào thời điểm tổng đạt giấy tờ thì người thực hiện tổng đạt cần tổng đạt bằng phương thức chuyển cho người sống chung, chuyển cho tổ trưởng tổ dân phố hoặc niêm yết theo quy định của BLTTDS năm 2015.

- **Đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu:** trường hợp này người nhận giấy tờ **đã từng** sinh sống tại địa chỉ được yêu cầu trong hồ sơ nhưng nay đã chuyển đến địa chỉ mới trong khi **người thực hiện tổng đạt không xác định được địa chỉ mới đó.**

Theo khoản 3 Điều 177 BLTTDS, trường hợp này nếu niêm yết thì việc tổng đạt lại được xác định là đã thực hiện thành công. Như vậy, một số trường hợp người thực hiện tổng đạt không nên niêm yết để tránh ảnh hưởng đến quyền của đương sự được biết về thủ tục tố tụng ở nước ngoài. Ví dụ: Khi giấy tờ được tổng đạt về địa chỉ cũ trước khi ra nước ngoài của đương sự và người này đã về Việt Nam nhưng không còn ở tại địa chỉ này, người thực hiện tổng đạt xác định lý do không tổng đạt được là “đương sự không còn ở tại địa chỉ được yêu cầu”. Trường hợp người đó vẫn chưa về Việt Nam thì việc tổng đạt không thực hiện được do “đương sự hiện không có địa chỉ tại Việt Nam”.

Trường hợp người tổng đạt xác minh được địa chỉ mới tại Việt Nam thì có thể thực hiện tổng đạt đến địa chỉ mới theo thẩm quyền hoặc chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền thực hiện.

- **Địa chỉ không chính xác:** Không có số căn hộ, số nhà, tên đường hoặc tên xã, tên quận/ huyện như trong hồ sơ (trường hợp có tên hoặc số gần đúng thì người thực hiện tổng đạt cần nỗ lực thực hiện).

- **Địa chỉ không đầy đủ:** Địa chỉ thiếu thành phần như thiếu số căn hộ, hoặc tên đường hoặc tên xã, hoặc tên quận/ huyện... Địa chỉ cung cấp trong hồ sơ có thể thiếu một thành phần nhưng vẫn có thể suy luận được (ví dụ đã có các thành phần địa chỉ, chỉ thiếu tên huyện nhưng tại địa phương chỉ có duy nhất một huyện có thông tin cụ thể trùng khớp) thì người tổng đạt cần nỗ lực thực hiện. Trường hợp địa chỉ đã được xác định đầy đủ đến cấp xã, đề nghị người thực hiện tổng đạt nỗ lực xác minh địa chỉ cụ thể để thực hiện.

- **Lý do cụ thể khác:** lý do cần được nêu rõ và có giấy tờ chứng minh: ví dụ:

+ lý do người nhận đã chết, người thực hiện tổng đạt cần chụp lại giấy chứng tử hoặc xác minh thông tin tại Ủy ban nhân dân cấp xã;

+ lý do người nhận từ chối nhận, người tổng đạt phải gửi kèm theo Văn bản trả kết quả ít nhất 01 biên bản trong đó nêu rõ lý do của việc từ chối, có xác nhận của đại diện tổ dân phố hoặc Công an xã, phường, thị trấn về việc người đó từ chối nhận văn bản tố tụng.

Lưu ý:

Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP gửi qua đường bưu điện thông báo yêu cầu đương sự đến trụ sở để nhận hồ sơ UTTP của nước ngoài và bưu điện hoàn trả thông báo của Tòa án do địa chỉ không đầy đủ, không chính xác, không có người nhận, người nhận đã chuyển đi nơi khác hoặc người nhận từ chối,... cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP cần xác minh lại các thông tin, lý do không gửi được thông báo cho người được yêu cầu như bưu điện cung cấp. Sau đó, lập Văn bản thông báo kết quả UTTP của nước ngoài (theo Mẫu 03 kèm theo Thông tư liên tịch 12) kèm theo biên bản xác minh gửi lại cho Bộ Tư pháp.

Trường hợp các cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP giao cho thừa phát lại tổng đạt thông báo yêu cầu đương sự đến trụ sở để nhận hồ sơ UTTP của nước ngoài và thừa phát lại đã tổng đạt thành công nhưng đương sự không có mặt theo thông báo thì cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP cần tổng đạt hồ sơ UTTP trực tiếp cho đương sự hoặc thông qua thừa phát lại. Sau đó, lập Văn bản

thông báo kết quả UTTP của nước ngoài (Mẫu 03 kèm theo Thông tư liên tịch 12) gửi lại cho Bộ Tư pháp.

2. UTTP thu thập chứng cứ

UTTP thu thập chứng cứ được thực hiện theo quy định tương ứng từ Điều 98 đến Điều 104 BLTTDS 2015.

Lưu ý:

Trường hợp nước ngoài yêu cầu thực hiện TTTP theo phương thức đặc biệt, Điều 4 Thông tư liên tịch 12 - Áp dụng pháp luật nước ngoài trong TTTP về dân sự - được sử dụng để xem xét khả năng thực hiện yêu cầu theo phương thức đặc biệt đó. Điểm b khoản 2 Điều 20 và điểm c khoản 6 Điều 6 Thông tư liên tịch 12 cũng áp dụng trong trường hợp này.

IV. Thời gian chuyển hồ sơ và thông báo kết quả thực hiện

1. Thời gian chuyển hồ sơ

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được tiếp nhận thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi hồ sơ cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ⁴⁴.

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam rà soát tính hợp lệ của hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ để chuyển Cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài⁴⁵.

- Tại cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP: Thời gian cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP thực hiện yêu cầu: (i) trường hợp phía nước ngoài ấn định thời gian thì thực hiện trong khoảng thời gian được yêu cầu; (ii) trường hợp thời gian yêu cầu không đủ để thực hiện hoặc phía nước ngoài không ấn định thời gian thực hiện thì thực hiện trong khoảng thời gian nhanh nhất có thể nhưng tối đa **không quá 90 ngày** kể từ ngày nhận được hồ sơ từ Bộ Tư pháp⁴⁶.

⁴⁴ Đoạn 2 Khoản 1 Điều 19 Thông tư liên tịch 12

⁴⁵ Khoản 1 Điều 15 Luật TTTP, Khoản 2 Điều 19 Thông tư liên tịch 12

⁴⁶ Khoản 3 Điều 20 Thông tư liên tịch 12

2. Thông báo kết quả thực hiện

2.1. Thời gian trả kết quả

- Tại cơ quan có thẩm quyền thực hiện: thời gian trả kết quả cho Bộ Tư pháp là 05 ngày làm việc kể từ ngày thực hiện xong/hoặc không thực hiện được yêu cầu⁴⁷.

- Tại Bộ Tư pháp: Thời gian Bộ Tư pháp Việt Nam chuyển trả kết quả cho Cơ quan trung ương/cơ quan có thẩm quyền thực hiện của nước được yêu cầu (trong trường hợp có Điều ước quốc tế) hoặc Bộ Ngoại giao (trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao) là 05 ngày làm việc⁴⁸.

- Tại Cơ quan ngoại giao: Trường hợp hồ sơ được gửi thông qua các kênh ngoại giao, lãnh sự thì thời gian để các cơ quan này gửi thông báo kết quả thực hiện cho phía nước ngoài là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Bộ Tư pháp⁴⁹.

2.2. Hồ sơ trả kết quả

Hồ sơ trả kết quả thực hiện UTTP vào cho cơ quan có thẩm quyền gửi hồ sơ của phía nước ngoài bao gồm:

- Hồ sơ cơ quan thực hiện UTTP vào của Việt Nam trả kết quả cho Bộ Tư pháp:

+ Công văn thông báo kết quả thực hiện (**Mẫu 3** kèm theo Thông tư liên tịch 12).

+ Các giấy tờ, tài liệu (biên bản) chứng minh việc thực hiện/không thực hiện được yêu cầu.

- Hồ sơ Bộ Tư pháp trả kết quả cho nước ngoài

+ Văn bản của Bộ Tư pháp thông báo kết quả thực hiện (trường hợp yêu cầu được thực hiện theo Kênh chính của Công ước Tổng đạt văn bản trả lời theo mẫu của Công ước).

+ Hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền thực hiện trong nước đã trả cho Bộ Tư pháp.

⁴⁷ Khoản 1 Điều 21 Thông tư liên tịch 12

⁴⁸ Khoản 2 Điều 21 Thông tư liên tịch 12

⁴⁹ Khoản 3 Điều 21 Thông tư liên tịch 12

PHẦN III – LƯU Ý MỘT SỐ VẤN ĐỀ NHẠY CẢM GIỚI

Nhạy cảm giới được nhắc đến trong nhiều văn bản về bình đẳng giới tại Việt Nam nhưng chưa có tài liệu nào đưa ra định nghĩa.

Theo một số tài liệu tham khảo, Nhạy cảm giới được hiểu là “giải quyết và xem xét các khía cạnh về giới”⁵⁰ “chính sách và chương trình xem xét đến những chi tiết cụ thể liên quan đến đời sống của cả phụ nữ và nam giới, trong khi hướng đến hạn chế sự bất bình đẳng và củng cố bình đẳng giới, bao gồm cả phân chia bình đẳng các nguồn lực từ đó giải quyết và xem xét các khía cạnh về giới”⁵¹. “Nhạy cảm giới là nhận thức được các nhu cầu, vai trò, trách nhiệm mang tính xã hội của phụ nữ và nam giới nảy sinh từ những đặc điểm sinh học vốn có của họ. Đồng thời hiểu được điều này dẫn đến khác biệt giới về khả năng tiếp cận, kiểm soát nguồn lực và mức độ tham gia, hưởng lợi trong quá trình phát triển của nam và nữ.”⁵² Các chính sách và quy định pháp luật luôn được khuyến khích đảm bảo tính nhạy cảm giới nhằm đạt được mục tiêu bình đẳng giới một cách thực chất trong mọi mặt của đời sống.

Trong TTTP về dân sự, các quy định pháp luật đã để hiện sự trung lập về giới, không tạo ra các điều kiện khó khăn tiềm ẩn cho bất kỳ giới nào. Tuy nhiên, từ thực tiễn đa phần các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài làm phát sinh yêu cầu UTTP là các vụ việc về hôn nhân gia đình có phụ nữ và trẻ em, các chủ thể có thẩm quyền cần quan tâm đến vấn đề bình đẳng giới trong quá trình lập, thực hiện các yêu cầu TTTP, chú ý đến các chi tiết và hướng dẫn tỉ mỉ cho những người liên quan.

Các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài nói chung và hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài nói riêng sẽ làm phát sinh các yêu cầu TTTP. Trên thực tế có

⁵⁰ European Community - Toolkit on Mainstreaming Gender Equality in EC Development Cooperation, 2006 (Glossary)

<https://www.focusintl.com/GD172-%20Toolkit%20on%20Mainstreaming%20Gender%20Equality%20in%20EC%20Development%20Cooperation.pdf> (truy cập ngày 13/5/2022)

⁵¹ <https://eige.europa.eu/thesaurus/terms/1211>

⁵² http://congdoan.vnuf.edu.vn/cong-tac-nu-cong?p_p_id=101&p_p_lifecycle=0&p_p_state=normal&p_p_mode=view&_101_struts_action=%2Fasset_publisher%2Fview_content&_101_assetEntryId=3787631&_101_type=content&_101_urlTitle=mot-so-khai-niem-co-ban-lien-quan-ve-gioi

những vụ việc không có yếu tố nước ngoài theo đúng định nghĩa tại khoản 2 Điều 464 BLTTDS⁵³ nhưng vẫn làm phát sinh yêu cầu TTTP.

Ví dụ: Hai vợ chồng người Việt Nam kết hôn ở Việt Nam, có tài sản và con chung tại Việt Nam. Sau đó một người đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, ngay khi vừa sang Đài Loan người còn lại nộp đơn ly hôn trước tòa án Việt Nam. Như vậy, quan hệ hôn nhân của hai người này (nhân thân và tài sản) không có yếu tố nước ngoài nhưng hoạt động tố tụng dân sự có yếu tố nước ngoài vì cần tiến hành tổng đạt giấy tờ, thu thập chứng là lời khai của đương sự ở nước ngoài.

I. Những khó khăn của phụ nữ là đương sự trong các vụ việc dân sự làm phát sinh yêu cầu tương trợ tư pháp

Giới nữ nói chung kể cả phụ nữ và các trẻ em gái thuộc nhóm đối tượng dễ bị tổn thương⁵⁴ xuất phát từ các lý do về thể chất và xã hội. Trong các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài, phụ nữ và trẻ em càng phải đối mặt với nhiều nguy cơ như

- không thể tìm kiếm sự trợ giúp từ người khác hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài do không thông thạo ngôn ngữ hoặc thiếu hiểu biết về quy định pháp luật của nước ngoài,

- tâm lý e ngại tự ti khi sinh sống nơi đất khách quê người,

- tình cảnh kinh tế khó khăn vì không tìm được công việc phù hợp...

Nhiều chị em do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc hoặc thậm chí là nạn nhân của bạo lực gia đình đã bỏ nhà chồng ra đi hoặc trở lại Việt Nam mang theo con mà không có sự đồng ý của người chồng. Đối với những phụ nữ trở về Việt Nam, nhiều người ở tình cảnh “tay trắng” không mang theo tài sản, giấy tờ. Trong một số trường hợp, người phụ nữ ở Việt Nam hoặc trở về Việt Nam tìm được hạnh phúc mới, thậm chí đã mang thai, sinh con với người mới và nay muốn khai sinh cho con mới nghĩ đến việc chấm dứt quan hệ hôn nhân ở nước ngoài.

Khi vụ việc ly hôn, cấp dưỡng, nuôi con... được đưa ra trước Tòa án của Việt Nam hoặc nước ngoài, những người phụ nữ Việt Nam gặp nhiều bất lợi. Ngay từ

⁵³ 2. Vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài là vụ việc dân sự thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Có ít nhất một trong các bên tham gia là cá nhân, cơ quan, tổ chức nước ngoài;

b) Các bên tham gia đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam nhưng việc xác lập, thay đổi, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ đó xảy ra tại nước ngoài;

c) Các bên tham gia đều là công dân, cơ quan, tổ chức Việt Nam nhưng đối tượng của quan hệ dân sự đó ở nước ngoài.

⁵⁴ Ingrid Nifosi-Sutton – The Protection of Vulnerable Groups under International Human Rights Law, Routledge, 2017

đầu họ đã không biết hoặc không quan tâm đến địa chỉ của người chồng ở nước ngoài, vì vậy việc UTTP ra nước ngoài thường không đạt kết quả. Họ cũng ít được trang bị các kiến thức pháp luật để hiểu bản chất của các giấy tờ trong tố tụng tại tòa án. Hơn nữa, họ có khó khăn về kinh tế, việc chi trả chi phí thực tế ủy thác tư pháp cao theo yêu cầu của phía nước ngoài cũng là một trong những rào cản.

Còn nhiều những câu chuyện thương tâm khác liên quan đến phụ nữ trong quá trình sinh sống, lao động ở nước ngoài⁵⁵. Có nhiều quan hệ phát sinh, thay đổi, chấm dứt ở nước ngoài liên quan đến chủ thể là phụ nữ và trẻ em. Tuy nhiên, những yêu cầu tương trợ tư pháp trong các vụ việc này có thể vượt ngoài phạm vi của tương trợ tư pháp về dân sự (liên quan đến các hoạt động tương trợ tư pháp hình sự, dẫn độ, chuyển giao người chấp hành án phạt tù) hoặc các đương sự trong vụ việc không sử dụng phương thức giải quyết tranh chấp hoặc yêu cầu phát sinh tại Tòa án. Do đó, đa phần các vụ việc làm phát sinh UTTP trong lĩnh vực dân sự liên quan đến phụ nữ và trẻ em vẫn là các vụ việc hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài.

Trong những vụ việc này, khi lập hồ sơ UTTP ra và thực hiện hồ sơ UTTP vào các cơ quan có thẩm quyền cần lưu ý một số nội dung như sau để đảm bảo quyền lợi cho phụ nữ:

II. Tổng đạt giấy tờ

Các vụ việc dân sự nói chung và hôn nhân gia đình nói riêng có nhiều loại giấy tờ tư pháp cần được tổng đạt. Theo tiến trình giải quyết vụ việc có hàng chục loại giấy tờ khác nhau cần phải gửi cho đương sự⁵⁶. Trong số đó, có hai loại giấy tờ quan trọng cần lưu ý:

1. Giấy tờ tiến hành vụ việc

Giấy tờ tiến hành vụ việc có thể là thông báo khởi kiện, giấy triệu tập, thông báo thụ lý... tùy theo pháp luật của các nước khác nhau⁵⁷. Giấy tờ này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong các thủ tục tố tụng tiếp theo. Nếu bị đơn không nhận được giấy này trong khoảng thời gian hợp lý để tham gia thủ tục tố tụng bảo vệ quyền lợi của mình thì việc công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của

⁵⁵ Phạm Nga - Nỗi sợ của phụ nữ Việt lao động ở nước ngoài (truy cập ngày 31/5/2022)

<https://vnexpress.net/loi-so-cua-phu-nu-viet-lao-dong-o-nuoc-ngoai-4432989.html>

Vũ Hoa – Khai mạc Hội nghị phụ nữ Việt Nam ở nước ngoài – 2013 (truy cập ngày 31/5/2022)

<http://www.vwu.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/khai-mac-hoi-nghi-phu-nu-viet-nam-o-nuoc-ngoai-20300-1.html>

⁵⁶ Điều 171 BLTTDS 2015.

⁵⁷ Sổ tay Công ước Tổng đạt - đoạn 304, 305

tòa án (phán quyết) tại nước ngoài (không phải là nước nơi có tòa án xét xử vụ việc) có thể bị từ chối.

1.1. Hồ sơ UTTP ra

Theo pháp luật Việt Nam, giấy tờ quan trọng đầu tiên Tòa án gửi cho bị đơn và các đương sự để tiến hành vụ việc thường là thông báo thụ lý. Khi gửi các thông báo thụ lý, tòa án cần lưu ý một số nội dung sau:

- Thứ nhất, rút gọn các loại giấy tờ

Đối với các vụ việc dân sự và hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài, Thông báo thụ lý nên kết hợp các nội dung về ngày giờ mở các phiên họp, phiên tòa theo quy định tại **Điều 476 BLTTDS** (khác với các vụ việc trong nước, nội dung về ngày giờ mở phiên họp phiên tòa sẽ có trong các văn bản riêng: Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Quyết định đưa vụ việc ra xét xử). Khi gửi hồ sơ UTTP đến một số quốc gia (trừ Nhật Bản, Thụy Sĩ và Đức - bang Bayern), nội dung thông báo thụ lý này có thể kèm theo các câu hỏi để đương sự tự trả lời, cung cấp chứng cứ liên quan cho Tòa án.

Như đã phân tích tại Phần 3 Mục I, trong các vụ việc hôn nhân và gia đình được giải quyết trước Tòa án Việt Nam, nhiều phụ nữ Việt Nam lấy chồng nước ngoài (chủ yếu là Đài Loan) khi trở về gặp khó khăn về kinh tế sẽ bị cản trở nếu muốn ly hôn với người chồng ở nước ngoài do chi phí dịch thuật và chi phí gửi hồ sơ UTTP. Vì vậy, việc kết hợp nhiều nội dung vào cùng một văn bản và xác định trước ngày giờ mở các phiên họp, phiên tòa không chỉ giúp đương sự ở nước ngoài chủ động hơn trong việc tham gia tố tụng, mà đồng thời còn giảm bớt lượng văn bản phải gửi ra nước ngoài, tiết kiệm chi phí ủy thác tư pháp cho các đương sự ở trong nước. Tuy nhiên, thực tế nhiều tòa án vẫn chưa áp dụng quy định tại Điều 476 BLTTDS 2015 khiến cho hồ sơ UTTP cồng kềnh, nhiều loại giấy tờ, dễ dẫn đến sai sót trong quá trình lập hồ sơ và làm tăng chi phí thực hiện.

- Thứ hai, điền đúng các mẫu và cung cấp đủ thông tin

Người lập hồ sơ cần chú ý điền đúng bản chất của giấy tờ trong các mẫu yêu cầu ủy thác tư pháp và thông báo đầy đủ về cách thức liên hệ, yêu cầu hợp pháp hóa với các tài liệu chứng cứ bằng văn bản để gửi cho Tòa án.

- Thứ ba, tránh áp dụng cứng nhắc các quy định tố tụng dân sự về Công nhận giấy tờ, tài liệu do cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài gửi cho Tòa án Việt Nam

Đối với các Hiệp định song phương, cơ quan nhà nước có thể hỗ trợ gửi ý kiến của đương sự về vụ việc khi trả kết quả tố tụng giấy tờ (không phải là yêu

cầu thu thập chứng cứ). Trường hợp này, giấy tờ có thể được ghi nhận tính xác thực do được chuyển giao giữa các cơ quan có thẩm quyền mà không nhất thiết phải qua các thủ tục công chứng, chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự. Việc áp dụng cứng nhắc khoản 2 Điều 478 BLTTDS sẽ gây vướng mắc cho việc sử dụng các giấy tờ nêu trên làm chứng cứ trong vụ việc dân sự theo nghĩa rộng có yếu tố nước ngoài.

- Thứ tư, gửi sớm hồ sơ UTTP ngay sau khi lập, nhất là các hồ sơ gửi đi các nước có thu chi phí UTTP

Nhiều nước như Ca-na-đa thu chi phí UTTP bằng séc, tờ séc có thời hạn 6 tháng kể từ ngày phát hành và phải còn thời hạn đủ dài để cơ quan có thẩm quyền của Ca-na-đa có thể rút tiền sau khi nhận được hồ sơ. Thời hạn tổ tụng được ấn định trong các giấy tờ cũng có thể bị hết trước khi giấy tờ được gửi ra nước ngoài.

Do đó, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu UTTP cần nhanh chóng hoàn tất hồ sơ UTTP để gửi đi. Trường hợp hồ sơ gửi đến Bộ Tư pháp và bị trả lại, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu nên đọc kỹ các hướng dẫn, sớm hoàn thiện hồ sơ. Nếu có vướng mắc, người lập hồ sơ có thể gọi điện thoại (Số điện thoại của Phòng Tư pháp quốc tế và tương trợ tư pháp, Vụ Pháp luật quốc tế, Bộ Tư pháp tại Phụ lục VIII - cập nhật trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp) hoặc gửi email cho Bộ Tư pháp (địa chỉ trên mẫu 2B kèm theo Thông tư liên tịch 12) để được hướng dẫn cụ thể.

- Thứ năm, chỉ nên gửi hồ sơ thu thập chứng cứ nếu thực sự cần thiết và sau khi đã có kết quả tổng đạt giấy tờ hoặc kết hợp với tổng đạt giấy tờ

Nếu địa chỉ của đương sự không chính xác hoặc không đầy đủ, cập nhật thì yêu cầu thu thập chứng cứ cũng không thể thực hiện được, gây tốn kém chi phí, công sức của cơ quan có thẩm quyền liên quan, kéo dài tiến trình giải quyết vụ việc do phải chờ đợi kết quả UTTP.

Như đã phân tích trên, nhiều nước cho phép tổng đạt giấy tờ kèm theo các bảng câu hỏi để đương sự tự trả lời (các tòa án cần cập nhật các thông báo của Bộ Tư pháp để xác định các quốc gia không cho phép tổng đạt các bảng câu hỏi). Trường hợp này, cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài không có nghĩa vụ gửi trả kết quả là bảng trả lời của đương sự. Tuy nhiên, nếu đương sự hợp tác và phản hồi thì cách làm này sẽ tiết kiệm đáng kể thời gian và chi phí thu thập chứng cứ. Trong số các vụ việc hôn nhân gia đình làm phát sinh yêu cầu UTTP, chủ yếu là các vụ án ly hôn theo yêu cầu của một bên. Tòa án thường chỉ thu thập chứng cứ là lời khai của bị đơn. Vì vậy, việc tổng đạt các bảng câu hỏi thường mang lại hiệu quả khá tích cực.

Thực hiện đầy đủ các hoạt động nêu trên sẽ góp phần giảm đáng kể các chi phí tố tụng cho các đương sự, giải quyết nhanh chóng các vụ việc, đảm bảo quyền lợi cho tất cả các đương sự trong đó có phụ nữ và trẻ em.

1.2. Hồ sơ UTTP vào

Đối với UTTP vào, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam là các cơ quan thực hiện yêu cầu của phía nước ngoài. Khi thực hiện, các cơ quan, người có thẩm quyền nên quan tâm, chú ý tiến hành một số hoạt động sau đây để đảm bảo quyền lợi cho người liên quan đến yêu cầu UTTP:

- Thứ nhất, giải thích cho người nhận về bản chất của giấy tờ

Khi gửi các giấy tờ tố tụng, tòa án nước ngoài có thể sẽ thông báo về quyền và nghĩa vụ của người nhận giấy tờ cũng như cách thức liên hệ, các yêu cầu về dịch thuật cũng như chứng thực chữ ký trong văn bản, cách thức đề nghị trợ giúp pháp lý, đề nghị xét xử vắng mặt ... Trong các vụ việc hôn nhân và gia đình có phụ nữ và trẻ em, người nhận giấy tờ là phụ nữ ở các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa ít quan tâm và hiểu biết về các vấn đề pháp lý có yếu tố nước ngoài, có tâm lý bỏ mặc. Ngay cả ở thành thị, nhiều người cũng không có kiến thức pháp lý để hiểu được các rủi ro và hệ quả pháp lý có thể phát sinh từ các giấy tờ tố tụng của nước ngoài. Vì vậy, việc người thực hiện tổng đạt trao đổi giải thích bản chất của giấy tờ, lưu ý người nhận đọc kỹ các hồ sơ tài liệu có ý nghĩa quan trọng trong việc giúp đỡ các chủ thể này hiểu, chủ động tham gia tố tụng tại nước ngoài và giải quyết các hệ quả pháp lý phát sinh trong nước.

- Thứ hai, trao đầy đủ các giấy tờ cho người nhận

Có một số tòa án địa phương chỉ trao cho đương sự bản dịch tiếng Việt hoặc bản gốc tiếng nước ngoài của giấy tờ. Trường hợp bản dịch không chính xác hoặc đương sự không biết tiếng nước ngoài thì người nhận sẽ gặp vướng mắc trong việc tìm hiểu và tham gia thủ tục tố tụng tại nước ngoài.

Đối với hồ sơ UTTP đến, các điều ước quốc tế kể cả Hiệp định và Công ước Tổng đạt đều không bắt buộc các giấy tờ phải là bản gốc. Trong một số trường hợp đặc biệt, việc chuyển giao giấy tờ giữa các cơ quan Trung ương có thể thực hiện bằng thư điện tử chính thức (ví dụ: trường hợp hồ sơ bản giấy bị thất lạc hoặc do ảnh hưởng của dịch bệnh), giấy tờ cũng chỉ là bản điện tử hoặc bản scan được in ra. Vì vậy, cơ quan thực hiện cần trao cả Công văn của Bộ Tư pháp cho đương sự tạo thuận lợi trong việc làm các thủ tục xuất nhập cảnh để tham gia tố tụng tại nước ngoài.

Trừ trường hợp quy định rõ trong các điều ước quốc tế (khoản 3 Điều 10 Hiệp định TTTP dân sự với Hung-ga-ri)⁵⁸, các cơ quan thực hiện không được trả lại hồ sơ vì thời hạn nêu trong giấy tờ đã hết. Đương sự cần được biết về vụ việc để có thể bảo vệ quyền lợi của mình bằng cách kháng cáo hoặc thông báo cho Tòa án nước ngoài về thời điểm nhận được giấy tờ.

- Thứ ba, tiến hành đúng phương thức thực hiện theo quy định pháp luật

Việc thực hiện yêu cầu của nước ngoài tương tự như các vụ việc trong nước, trừ khi nước ngoài có yêu cầu áp dụng phương thức đặc biệt. Do đó, Tòa án địa phương khi nhận được hồ sơ UTTP phải thực hiện các phương thức đã được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, Luật thi hành án dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, không nên chỉ thông báo để đương sự đến trụ sở tòa án nhận tài liệu.

- Thứ tư, hỗ trợ các đương sự gửi ý kiến về vụ việc cùng với trả kết quả tổng đạt giấy tờ

Đối với các Hiệp định, cơ quan nhà nước có thể hỗ trợ gửi ý kiến của đương sự về vụ việc khi trả kết quả tổng đạt giấy tờ (không phải là yêu cầu thu thập chứng cứ). Trường hợp này, giấy tờ có thể được ghi nhận tính xác thực mà không nhất thiết phải qua các thủ tục công chứng, chứng thực, hợp pháp hóa lãnh sự. Tuy nhiên, để đảm bảo chặt chẽ và thuận lợi về thủ tục do việc miễn hợp pháp hóa theo Hiệp định thường chỉ thực hiện với giấy tờ công hoặc văn bản của cơ quan công chứng, chứng thực, cơ quan thực hiện UTTP cần xác nhận chữ ký của đương sự trong văn bản ý kiến gốc hoặc nêu rõ trong biên bản tổng đạt là biên bản kèm theo văn bản gốc ý kiến của đương sự và gửi toàn bộ các văn bản gốc này cho Bộ Tư pháp khi trả kết quả UTTP.

2. Bản án, quyết định

Các bản án, quyết định của Tòa án về dân sự nói chung, hôn nhân và gia đình nói riêng phải được tổng đạt trước khi có hiệu lực pháp luật. Khi có giấy xác nhận việc tổng đạt đã được thực hiện hợp lệ, bản án, quyết định mới có hiệu lực pháp luật. Do đó, khi tổng đạt các bản án, quyết định, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cần lưu ý một số nội dung sau:

Thứ nhất, yêu cầu về hình thức: bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản án, quyết định

⁵⁸ “Trường hợp việc tổng đạt quy định tại Điều này không thể được thực hiện trong khoảng thời gian đủ để người được tổng đạt có thể thực hiện quyền tự bảo vệ của mình, Bên ký kết được yêu cầu có thể từ chối thực hiện yêu cầu”.

Tương tự như nêu trên, hồ sơ đến thường không có các bản án, quyết định bản gốc hay bản chính, hay bản sao có chứng thực của nước ngoài. Vì vậy, đương sự tại Việt Nam trong các vụ án dân sự kể cả hôn nhân và gia đình có thể gặp một số khó khăn khi muốn yêu cầu công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định đó tại Việt Nam.

Đối với các bản án, quyết định chỉ về nhân thân trong vụ việc hôn nhân và gia đình (không giải quyết vấn đề tài sản, con cái), đương sự là công dân Việt Nam chỉ cần ghi chú bản án, quyết định của tòa án nước ngoài tại cơ quan hộ tịch có thẩm quyền (cấp huyện nơi đang cư trú)⁵⁹. Trong những trường hợp này đương sự vẫn có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tiến hành thủ tục xem xét không công nhận bản án, quyết định dân sự của nước ngoài tại Việt Nam (Điều 447 đến 450 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015).

Đối với các bản án, quyết định khác, đương sự phải đề nghị Tòa án công nhận và cho thi hành bản án tại Tòa án có thẩm quyền (cấp tỉnh nơi đương sự cư trú, làm việc hoặc nơi có tài sản liên quan).

Trong cả hai trường hợp này, cơ quan hộ tịch hoặc tòa án có thẩm quyền của Việt Nam thường yêu cầu phải có bản chính hoặc bản gốc của bản án, quyết định của nước ngoài và yêu cầu phải hợp pháp hóa lãnh sự đối với các giấy tờ này⁶⁰. Tuy nhiên, giấy tờ được gửi qua các kênh tổng đạt thường không có bản chính.

Đối với nhiều quốc gia không sử dụng con dấu hoặc chỉ cấp bản chính các bản án, quyết định từ hệ thống điện tử như Hoa Kỳ, việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam sẽ gặp nhiều vướng mắc.

Vì vậy, các cơ quan có thẩm quyền cần xem xét linh động trong các vụ việc này, khi đương sự ở Việt Nam là bị đơn, đã chấp nhận nội dung của bản án của nước ngoài, không có kháng cáo và có nhu cầu muốn ghi chú hoặc công nhận và

⁵⁹ Áp dụng trong các trường hợp bản án quyết định của nước ngoài được đương nhiên công nhận - bản án chỉ giải quyết vấn đề nhân thân theo quy định của các Hiệp định TTTP song phương và khoản 2 Điều 125 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 431 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015). Người yêu cầu sẽ nộp hồ sơ tại Ủy ban nhân dân cấp huyện để được giải quyết theo quy định của pháp luật hộ tịch: Điều 48, 49, 50 Luật hộ tịch năm 2014, Điều 37-39 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, Điều 30 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nuôi con nuôi (sửa đổi bổ sung Nghị định 24/2019/NĐ-CP), Điều 22 Thông tư 04/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 28/5/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hộ tịch.

⁶⁰ Điểm a và b khoản 1 Điều 434 BLTTDS quy định người yêu cầu phải cung cấp bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản án quyết định của nước ngoài và văn bản chứng minh bản án quyết định đó đã có hiệu lực pháp luật) và điểm b khoản 1 Điều 39 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch quy định người yêu cầu phải cung cấp Bản sao giấy tờ ly hôn đã có hiệu lực pháp luật)

cho thi hành bản án của nước ngoài tại Việt Nam thì các bản án đã gửi qua kênh tổng đạt có thể được chấp nhận để tiến hành các thủ tục có liên quan. Tòa án hoặc cơ quan hộ tịch có thể đề nghị xác minh thêm trong quá trình giải quyết các yêu cầu công nhận và cho thi hành hoặc ghi vào Sổ hộ tịch nhưng nên chú ý đến sự khác biệt của pháp luật các nước đối với hình thức của bản án, quyết định.

Những trường hợp cần xác minh lại, các cơ quan có thẩm quyền cần liên hệ với Bộ Tư pháp trong thời gian sớm nhất vì:

+ Thời gian lưu hồ sơ tại Bộ Tư pháp có hạn, các hồ sơ đã gửi trên 5 năm sẽ được chọn lọc lại và lưu trữ trong kho, khó khai thác.

+ Bộ Tư pháp cần trao đổi với Cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về khả năng hỗ trợ. Nhiều nước không hỗ trợ cung cấp thông tin hay bản chính của các bản án, quyết định của tòa án nước họ mà đương sự phải tự liên lạc hoặc thuê luật sư liên lạc với tòa án đã ra bản án, quyết định và trả phí để có bản chính hoặc bản sao có chứng thực của các bản án, quyết định này.

Thứ hai, lưu ý các quy định của BLTTDS và Công ước tổng đạt về xử lý kết quả tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài

Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan hướng dẫn các Tòa án địa phương thực hiện thống nhất các quy định của BLTTDS về xử lý kết quả tổng đạt giấy tờ ra nước ngoài.

II. Thu thập chứng cứ

1. Xác minh địa chỉ của đương sự

Bộ Tư pháp đã có Công văn số 2992/BTP-PLQT ngày 31/8/2021 về việc xác minh địa chỉ của đương sự ở nước ngoài⁶¹, Tòa án nhân dân tối cao tiếp tục có Công văn số 114/TANDTC-HTQT ngày 17/9/2021 hướng dẫn các nội dung liên quan đến xác minh địa chỉ của đương sự ở nước ngoài.

Pháp luật các nước rất khác nhau với vấn đề này. Tại một số nước (Hung-ga-ri, Trung Quốc, Đài Loan...), yêu cầu này được xác định là thuộc phạm vi thu thập chứng cứ, sẽ được thực hiện theo các Hiệp định song phương hoặc Công ước Thu thập chứng cứ. Trong khi đó, tại các nước khác (Phân Lan, Lào...), yêu cầu này chỉ được thực hiện trong phạm vi tổng đạt giấy tờ khi đã có một địa chỉ ban đầu làm căn cứ để tìm kiếm địa chỉ mới. Tại các quốc gia theo hệ thống thông luật Common law như Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai len, Hoa Kỳ, Ca-na-đa,

⁶¹ <https://moj.gov.vn/tttp/tintuc/Pages/tin-tuc-su-kien.aspx?ItemID=111>.

Ô-xtrây-li-a..., cơ quan có thẩm quyền không thực hiện việc xác minh địa chỉ vì cho rằng đây là nghĩa vụ cung cấp chứng cứ của đương sự.

Trong các vụ việc hôn nhân và gia đình, pháp luật Việt Nam cho phép tìm địa chỉ⁶² nhưng nội dung này phụ thuộc rất lớn vào sự hợp tác của nước ngoài. Do đó, các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cần xem xét kỹ yêu cầu của các nước trong Phụ lục kèm theo Công văn số 2992/BTP-PLQT trước khi lập hồ sơ đề nghị nước ngoài xác minh địa chỉ.

Vấn đề của nhiều phụ nữ Việt Nam khi lấy chồng nước ngoài là không biết ngôn ngữ của nước sở tại, đặc biệt là lấy chồng Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan..., khi lấy chồng về các vùng xa xôi hẻo lánh không nhớ rõ địa chỉ, thường chỉ còn địa chỉ đã được Việt hóa ghi trên giấy chứng nhận kết hôn tại Việt Nam. Vì vậy, nhiều hồ sơ ủy thác tư pháp của Việt Nam gửi đi không thực hiện được. Để đảm bảo quyền lợi của mình trong các vụ việc, các đương sự cần ghi lại địa chỉ cụ thể của những người liên quan bằng ngôn ngữ của nước sở tại hoặc ít nhất là phiên âm tiếng Anh của các địa chỉ này.

2. Xác minh tài sản, thu nhập

Việc xác minh tài sản, thu nhập cho các yêu cầu về cấp dưỡng có thể thực hiện được theo một số Hiệp định tương trợ tư pháp song phương⁶³. Trên thực tế, đa phần các hồ sơ UTTP xác minh tài sản thu nhập mà Bộ Tư pháp nhận được là xác minh tài sản thu nhập của người cha, xuất phát từ yêu cầu cấp dưỡng cho con của người mẹ.

Mặc dù yêu cầu này không bị loại trừ khỏi phạm vi Công ước Thu thập chứng cứ nhưng có thể gặp phải một số vướng mắc trong thực thi tại một số nước coi

⁶² Khoản 2 Điều 473 BLTTDS

Trường hợp không xác định được địa chỉ của đương sự ở nước ngoài thì người khởi kiện, người yêu cầu có thể yêu cầu Tòa án Việt Nam đề nghị cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác định địa chỉ của đương sự hoặc có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú hoặc yêu cầu Tòa án Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài tuyên bố đương sự mất tích hoặc đã chết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc pháp luật nước ngoài hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trả lời cho Tòa án Việt Nam không xác định được địa chỉ của đương sự ở nước ngoài hoặc sau 06 tháng mà không có trả lời thì Tòa án trả lại đơn khởi kiện, đơn yêu cầu.

⁶³ Điều 25 Hiệp định với Tiệp Khắc (Séc và X-lô-va-ki-a kế thừa)

Trong trường hợp cơ quan tư pháp của nước ký kết này xét đơn đòi cấp dưỡng đối với một người cư trú ở nước ký kết kia, cơ quan tư pháp của nước ký kết kia khi được yêu cầu sẽ giúp xác định nguồn và số thu nhập của người có nghĩa vụ cấp dưỡng.

Điều 14 Hiệp định với LB Nga

2. Nếu Tòa án của Bên ký kết này thụ lý vụ kiện đòi một người có mặt trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trợ cấp nuôi con yêu cầu, thì tùy theo khả năng, Cơ quan tư pháp của Bên ký kết đó sẽ hỗ trợ trong việc xác định nơi làm việc và mức thu nhập của bị đơn.

thông tin về tài sản, thu nhập là bí mật cá nhân và không được tiết lộ cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài.

Ngoài ra, yêu cầu của Công ước Thu thập chứng cứ là chứng cứ thu thập cần cụ thể, không được đưa ra yêu cầu chung chung như đề nghị làm rõ toàn bộ các tài sản thu nhập của bị đơn. Các yêu cầu phải nêu rõ loại chứng cứ và nơi hoặc người nắm giữ chứng cứ đó (ví dụ: xác minh số tiền của ông Nguyễn Văn A tại tài khoản số 12345XXXX trong Ngân hàng XYZ, hoặc xác minh tại Cơ quan đăng ký nhà đất địa phương nội dung bất động sản là căn nhà tại địa chỉ số x đường y thành phố z có thuộc sở hữu của ông Nguyễn Văn A hay không...) hoặc ít nhất phải đề nghị lấy lời khai của một người có liên quan. Đối với các tài liệu văn bản phải nêu rõ loại tài liệu, tên tài liệu, thời gian của tài liệu, người nắm giữ tài liệu và sự liên quan của tài liệu đối với việc giải quyết nội dung vụ việc...

Vì vậy, người yêu cầu hoặc tòa án cần thu thập nhiều thông tin nhất có thể trước khi đưa ra yêu cầu thu thập chứng cứ.

III. Công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Công nhận và cho thi hành là giai đoạn cuối của quá trình tố tụng. Việc công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của tòa án, cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam tại nước ngoài đòi hỏi đương sự phải tự mình nộp hồ sơ và tiến hành các thủ tục tố tụng tại nước ngoài. Chỉ có một số ít Hiệp định tương trợ tư pháp song phương cho phép cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam hỗ trợ chuyển yêu cầu cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài⁶⁴.

Mặc dù việc công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của Tòa án nước ngoài không được Luật TTTP năm 2007 điều chỉnh nhưng có nhiều hoạt động TTTP có thể ảnh hưởng trực tiếp đến việc công nhận và cho thi hành hoặc

⁶⁴ Trong tổng số 17 Hiệp định tương trợ tư pháp về dân sự song phương:

(Danh mục 17 Hiệp định trên trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp tại địa chỉ <https://vbpl.vn/Pages/danh-sach-dieu-uoc.aspx?DULinhVuc=9>)

Có 9 Hiệp định cho phép đương nhiên công nhận các bản án quyết định về hôn nhân gia đình không có tính chất tài sản (Ca đặc xtan, Ucraina, Cuba, Hungary, Bungary, Mông Cổ, Nga, Bê la rít, Campuchia), 8 Hiệp định cho phép lựa chọn một trong hai phương thức gửi đơn: đương sự gửi đơn trực tiếp đến tòa án có thẩm quyền của nơi cần công nhận/ thi hành hoặc tòa án đã ra bản án sẽ gửi cho tòa án có thẩm quyền nơi cần công nhận/ thi hành (Ca đặc xtan, Tiệp Khắc, Hungary, Trung Quốc, Nga, Bê la rít, Campuchia, Mông Cổ), các Hiệp định còn lại sẽ chỉ quy định một trong hai phương thức nêu trên, trong đó Hiệp định với Ucraina, Cuba, Bungary và Lào yêu cầu chuyển yêu cầu công nhận và cho thi hành từ Tòa án đã ban hành quyết định qua cơ quan trung ương. Tuy nhiên, quy định của các Hiệp định không ngăn cản người có đơn yêu cầu tự nộp đơn đề nghị công nhận và cho thi hành tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật Việt Nam. Trong những trường hợp đương sự tự nộp đơn, do bản án, quyết định không được gửi qua các cơ quan trung ương nên đương sự cần lưu ý về yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự đối với bản án quyết định của Tòa án nước ngoài.

phát sinh trong quá trình Tòa án Việt Nam giải quyết các yêu cầu công nhận và cho thi hành.

Đối với việc công nhận và cho thi hành các bản án, quyết định của nước ngoài tại Việt Nam, có hai cơ chế để công nhận: đương nhiên công nhận (không qua thủ tục tại Tòa án – thông thường bản án, quyết định của nước ngoài sẽ được ghi chú/ghi vào Sổ hộ tịch) và công nhận và cho thi hành (thủ tục tại Tòa án). Ngoài vấn đề liên quan đến hồ sơ yêu cầu đòi hỏi bản chính hoặc bản sao có chứng thực của bản án, quyết định của nước ngoài đối với cả hai cơ chế, có một số điểm đặc thù liên quan đến công nhận và cho thi hành bản án, quyết định của tòa án nước ngoài như sau:

- **Vấn đề thẩm quyền riêng biệt:** Ly hôn mà hai vợ chồng đều cư trú, làm ăn, sinh sống lâu dài tại Việt Nam⁶⁵. Trong trường hợp ly hôn có yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản là bất động sản ở Việt Nam thì vấn đề thẩm quyền quốc tế của Tòa án Việt Nam chưa có văn bản hướng dẫn rõ ràng. Nếu chỉ dựa vào từ ngữ theo quy định của BLTTDS, trường hợp này vụ việc vẫn thuộc thẩm quyền riêng biệt của tòa án Việt Nam⁶⁶. Vì vậy, để tránh những vướng mắc trong quá trình công nhận và cho thi hành, trường hợp các đương sự có bất động sản tại Việt Nam nên giải quyết vụ việc ly hôn trước Tòa án Việt Nam.

Mặt khác, thẩm quyền riêng biệt của Tòa án Việt Nam không phải là căn cứ để từ chối thực hiện TTTP cho nước ngoài, kể cả trong trường hợp việc thực hiện TTTP không dựa trên điều ước quốc tế. Đương sự có quyền được biết về các thủ tục tố tụng chống lại mình hoặc liên quan đến quyền lợi của mình. Khi thực hiện các yêu cầu TTTP của nước ngoài, cơ quan có thẩm quyền thực hiện của Việt Nam cần chú ý nguyên tắc này để tuân thủ.

- **Vấn đề trùng tố:**

Trùng tố xảy ra khi tòa án của hai nước khác nhau cùng giải quyết một vụ việc.

Việc Tòa án Việt Nam thụ lý trước dẫn đến các quyết định trái ngược nhau giữa tòa án Việt Nam và tòa án nước ngoài cũng là một trong những căn cứ để Tòa án Việt Nam từ chối công nhận và thi hành bản án nước ngoài.

Trong quá trình thực hiện TTTP, thường là thực hiện UTTP vào, Tòa án Việt Nam có thể phát hiện ra vấn đề trùng tố và trao đổi với đương sự về phương hướng

⁶⁵ Điều 470 BLTTDS năm 2015

⁶⁶ Vụ án dân sự đó có liên quan đến quyền đối với tài sản là bất động sản có trên lãnh thổ Việt Nam

giải quyết. Tòa án Việt Nam có thể từ chối thẩm quyền theo Điều 472 BLTTDS hoặc tiếp tục giải quyết vụ việc theo yêu cầu của nguyên đơn.

Lưu ý: với trường hợp người cha/mẹ đưa con về Việt Nam mà không có sự đồng ý của cha/mẹ bên kia, cho dù có bản án của tòa án Việt Nam trao quyền nuôi con, cha/mẹ ở Việt Nam vẫn phải đề nghị công nhận và cho thi hành bản án của Việt Nam ở nước ngoài. Tại nhiều nước hành vi đưa đi hoặc giữ lại trái phép này cấu thành tội phạm hình sự⁶⁷, hoặc việc đương sự nhận được bản án của nước ngoài đó mà không kháng cáo và không thi hành theo bản án đó cũng có thể cấu thành tội hình sự⁶⁸. Khi đó, bên cha/mẹ có các hành vi phạm tội này có thể bị bắt giữ khi trở lại quốc gia nước ngoài đó hoặc có thể bị yêu cầu dẫn độ cho nước ngoài.

IV. Miễn giảm chi phí UTTP và trợ giúp pháp lý

Điều 4 Nghị định 92/2008/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trợ giúp pháp lý quy định về hỗ trợ chi phí thực hiện trợ giúp pháp lý về dân sự liệt kê các đối tượng được miễn phí thực hiện ủy thác tư pháp về dân sự, trong đó chủ yếu là những người nghèo; người có công; người già, trẻ em, người tàn tật không nơi nương tựa. Phụ nữ không được liệt kê trong danh sách này.

Hơn nữa, việc miễn giảm chi phí UTTP mới áp dụng được với phí và lệ phí thu vào Ngân sách nhà nước theo quy định của Nghị quyết 326 (Điều 12, 13) và Thông tư 203 (Điều 5). Đối với các chi phí thực tế đặc biệt là chi phí dịch thuật, công chứng, chứng thực giấy tờ và chi phí thực tế do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài thu, đến nay vẫn chưa có cơ chế để miễn giảm cho các đối tượng gặp khó khăn về kinh tế nói chung và phụ nữ nói riêng. Thực tế cho thấy các chi phí thực tế phát sinh lớn hơn nhiều lần (trung bình chi phí thực tế do nước ngoài thu kể cả phí ngân hàng từ 2- 4 triệu đồng, chưa kể chi phí dịch thuật giấy tờ) so với khoản thu phí/ lệ phí (150-200 nghìn đồng). Trong nhiều trường hợp, đương sự quá khó khăn, không đủ tiền thanh toán chi phí UTTP nên phải vay mượn để chi trả hoặc thậm chí từ bỏ việc tham gia tố tụng.

⁶⁷ UNODC - International classification of crime for statistical purposes (ICCS) - 2016: tội phạm bắt cóc trẻ em (nhóm 02021) (abduction of a minor) và tội phạm tước đoạt quyền tự do (nhóm 02022) (kể cả bắt cóc thông thường-kidnapping) đều thuộc nhóm các tội phạm xâm phạm quyền tự do.

Tại một số quốc gia như Đức, Pháp, Hungary, Nhật Bản, Hoa Kỳ... việc cha mẹ bắt cóc con cũng trở thành tội phạm.

⁶⁸ Tội coi thường tòa, tội xâm phạm hoạt động của hệ thống tư pháp hoặc tội vi phạm trật tự tư pháp.

Ngược lại, ngân sách nhà nước khó có thể bảo đảm cho các khoản chi phí thực tế này. Chẳng hạn, trong 5 năm trở lại đây, trung bình mỗi năm Việt Nam gửi 600 hồ sơ UTTP sang Hoa Kỳ, với mức chi phí 95 đô la Mỹ/hồ sơ thì chi phí gửi cho Cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ là 57.000 đô la Mỹ, tương đương 1,3 tỷ đồng Việt Nam. Nếu tính cả chi phí Ngân hàng và chuyển đổi ngoại tệ, tổng mức chi phí có thể lên đến 1,5 tỷ đồng mỗi năm.

Vì vậy, cơ quan có thẩm quyền cần giải thích rõ cho đương sự nội dung này để họ chuẩn bị chi phí UTTP hoặc lựa chọn kênh tổng đạt giấy tờ, thu thập chứng cứ tiết kiệm chi phí hơn (nếu có).

Ngoài ra, trường hợp phụ nữ trong các vụ việc dân sự có yếu tố nước ngoài nói chung, hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nói riêng có thể yêu cầu trợ giúp pháp lý khi đáp ứng các điều kiện theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Khi đó, những người phụ nữ gặp khó khăn sẽ được tư vấn pháp luật miễn phí hoặc được hỗ trợ thực hiện các hoạt động trong quá trình tố tụng, kể cả các hoạt động TTTP.

PHẦN IV – PHỤ LỤC

STT	SỐ PHỤ LỤC	NỘI DUNG
1.	Phụ lục I	Danh mục Hiệp định tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự
2.	Phụ lục II	Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước Tổng đạt)
3.	Phụ lục III	Hướng dẫn tra cứu thông tin, thành viên Công ước Tổng đạt
4.	Phụ lục IV	Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại (Công ước Thu thập chứng cứ)
5.	Phụ lục V	Hướng dẫn tra cứu thông tin, thành viên Công ước Thu thập chứng cứ
6.	Phụ lục VI	Hướng dẫn tra cứu thông tin ngôn ngữ, cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và Trang thông tin của Bộ Tư pháp
7.	Phụ lục VII	Các văn bản quy phạm pháp luật về tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự
8.	Phụ lục VIII	Một số ví dụ cụ thể

PHỤ LỤC I – DANH MỤC CÁC HIỆP ĐỊNH TTTP TRONG LĨNH VỰC DÂN SỰ

STT	TÊN HIỆP ĐỊNH	CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG	NGÔN NGỮ
1.	Hiệp định TTTP và pháp lý về dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHXHCN Tiệp Khắc (Séc và Xi-lô-va-ki-a kế thừa)	- Bộ Tư pháp Cộng hòa Séc; - Bộ Tư pháp Cộng hòa Xi-lô-va-ki-a	Tiếng Nga
2.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Cu Ba	Bộ Tư pháp Cộng hòa Cu Ba	Tiếng Tây Ban Nha
3.	Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Hung-ga-ri	Bộ Tư pháp Hung-ga-ri	Tiếng Hung-ga-ry, Tiếng Anh
4.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHND Bun-ga-ri	Bộ Tư pháp Cộng hòa Bun-ga-ri	Tiếng Bun-ga-ry, tiếng Nga
5.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Ba Lan	Bộ Tư pháp Cộng hòa Ba Lan	Tiếng Ba Lan, tiếng Nga, tiếng Pháp
6.	Hiệp định TTTP về dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CHDCND Lào	Bộ Tư pháp Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào	Tiếng Lào
7.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Liên bang Nga	Bộ Tư pháp Liên bang Nga	Tiếng Nga, tiếng Anh
8.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHND Trung Hoa	Bộ Tư pháp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa	Tiếng Trung, tiếng Anh
9.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước Cộng hòa Pháp	Bộ Tư pháp Cộng hòa Pháp	Tiếng Pháp
10.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các	Bộ Tư pháp Cộng	Tiếng U-crai-

	vấn đề dân sự và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và U-crai-na	hòa U-crai-na	na, tiếng Nga, tiếng Anh
11.	Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và Mông Cổ	Bộ Tư pháp Cộng hòa Mông Cổ	Tiếng Mông Cổ, tiếng Nga
12.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự, gia đình, lao động và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CH Bê-la-rút	Bộ Tư pháp Cộng hòa Bê-la-rút	Tiếng Bê-la-rút, tiếng Nga
13.	Hiệp định TTTP và pháp lý về các vấn đề dân sự và hình sự giữa CHXHCN Việt Nam và CHDCND Triều Tiên	Tòa án Trung ương Cộng hòa dân chủ nhân dân Triều Tiên	Tiếng Triều Tiên, tiếng Anh
14.	Hiệp định TTTP về dân sự và thương mại giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa dân chủ nhân dân An-giê-ri	Bộ Tư pháp Cộng hòa An-giê-ri Dân chủ và Nhân dân	Tiếng An-giê-ri, tiếng Pháp
15.	Hiệp định TTTP về dân sự giữa CHXHCN Việt Nam và Cộng hòa Ca-dắc-xtan	Bộ Tư pháp Cộng hòa Ca-dắc-xtan	Tiếng Ca-dắc-xtan, tiếng Anh
16.	Thỏa thuận giữa Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Việt nam tại Đài Bắc và Văn phòng Kinh tế và Văn hóa Đài Bắc tại Hà Nội về TTTP trong lĩnh vực dân sự (Đài Loan)	Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan	Tiếng Trung, tiếng Anh
17.	Hiệp định TTTP trong lĩnh vực dân sự giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam và Vương quốc Cam-pu-chia	Bộ Tư pháp Vương quốc Cam-pu-chia	Tiếng Cam-pu-chia, tiếng Anh

PHỤ LỤC II - GIỚI THIỆU VỀ CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT VÀ VIỆC GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

1. Giới thiệu Công ước Tổng đạt

1.1. Lịch sử hình thành và số lượng thành viên

Công ước Tổng đạt là công ước đa phương do Hội nghị La Hay soạn thảo và được thông qua vào ngày 15/11/1965 tại phiên họp lần thứ 10 của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế (Hội nghị La Hay), có hiệu lực kể từ ngày 10/02/1969. Tính đến 15 tháng 3 năm 2022, Công ước Tổng đạt có 79 quốc gia thành viên từ các nền kinh tế phát triển và đang phát triển với truyền thống pháp luật khác nhau.

Mục tiêu của Công ước là: (a) Xây dựng một hệ thống có thể đảm bảo được rằng người nhận được thông báo có đủ thời gian để bảo vệ quyền lợi của mình; (b) Đơn giản hóa phương thức tổng đạt giấy tờ từ quốc gia yêu cầu đến quốc gia được yêu cầu; (c) Đưa ra được bằng chứng là tổng đạt đã được hoàn thành dưới hình thức là giấy xác nhận kết quả theo mẫu thống nhất.

1.2. Phạm vi áp dụng

Công ước Tổng đạt áp dụng cho các vụ việc về dân sự hoặc thương mại có yêu cầu phải tổng đạt giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp ra nước ngoài và không áp dụng trong trường hợp không biết được địa chỉ của người nhận được tổng đạt (Điều 1). Công ước áp dụng với việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp nhưng không có định nghĩa cụ thể về các loại giấy tờ này mà việc phân loại phụ thuộc vào pháp luật của Nước gửi (Nước yêu cầu).

Việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp chỉ được thực hiện khi đáp ứng được 4 điều kiện sau:

- Giấy tờ phải được tổng đạt từ quốc gia thành viên này sang quốc gia thành viên khác. Theo đó, Công ước áp dụng tổng đạt đối với địa chỉ (nơi giấy tờ cần được tổng đạt đến/ địa chỉ cần được tổng đạt là tại một quốc gia thành viên khác của Công ước) mà không phụ thuộc vào quốc tịch hoặc nơi cư trú (kể cả thường trú, tạm trú) của đương sự.

- Giấy tờ tổng đạt phải là giấy tờ tư pháp hoặc ngoài tư pháp.

- Giấy tờ tổng đạt phải là giấy tờ liên quan tới các vấn đề về dân sự hoặc thương mại.

- Địa chỉ của người nhận phải xác định được. Trên thực tế, cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu có quyền xử lý trong trường hợp địa chỉ không đầy

đủ, không chính xác hoặc không có địa chỉ đó hoặc có sự thay đổi địa chỉ. Trong trường hợp này, các quốc gia thường trả lại hồ sơ do không tìm thấy địa chỉ của đương sự sau khi đã xác minh địa chỉ. Theo khuyến nghị của Ban thư ký Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế, nên cung cấp thêm thông tin về người khác mà Cơ quan Trung ương có thể liên lạc trong trường hợp cần thêm thông tin về địa chỉ của người được tổng đạt. Ngoài ra, việc xác định chính xác tên của đương sự có ý nghĩa quan trọng, đặc biệt trong trường hợp đương sự là pháp nhân.

1.3. Cơ cấu và nội dung chính của Công ước Tổng đạt

Công ước Tổng đạt có hiệu lực đối với Việt Nam kể từ ngày 01/10/2016. So với các Hiệp định TTTP, việc gia nhập Công ước Tổng đạt có phạm vi thực hiện tổng đạt về mặt địa lý rộng hơn, bởi vì tính đến thời điểm hiện nay đã có 79 quốc gia là thành viên của Công ước. Công ước Tổng đạt gồm có 31 điều và một Phụ lục các mẫu Yêu cầu tổng đạt, Giấy xác nhận kết quả tổng đạt, Bản tóm tắt giấy tờ được tổng đạt. Công ước Tổng đạt chỉ tập trung vào 2 vấn đề chính là: (i) thủ tục tổng đạt giấy tờ và (ii) xét xử vắng mặt liên quan đến việc tổng đạt giấy triệu tập bị đơn.

Công ước Tổng đạt quy định 01 kênh tổng đạt chính (từ Điều 2 đến Điều 7) và các kênh tổng đạt thay thế (Điều 8 đến Điều 11). Cụ thể như sau:

1.3.1. Kênh tổng đạt chính

Kênh tổng đạt chính là kênh tổng đạt thông qua Cơ quan trung ương của nước được yêu cầu. Trên trang thông tin của Hội nghị La Hay có liệt kê thông tin của các cơ quan trung ương của các nước thành viên Công ước Tổng đạt, bao gồm: địa chỉ, điện thoại, fax, email và địa chỉ trang web (nếu có), ngôn ngữ liên lạc. Cơ quan trung ương của các quốc gia thành viên được chỉ định theo pháp luật của quốc gia đó và thông thường là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền như Tòa án hoặc Bộ Tư pháp hoặc Bộ Ngoại giao. Tuy vậy, đối với Hoa Kỳ, mặc dù cơ quan trung ương là Bộ Tư pháp Hoa Kỳ nhưng việc thực hiện yêu cầu và gửi trả kết xác nhận kết quả do Công ty ABC Legal thực hiện trên cơ sở hợp đồng ký với Bộ Tư pháp Hoa Kỳ.

Chi phí thực hiện tổng đạt sẽ được miễn, có nghĩa là các quốc gia sẽ không yêu cầu thanh toán cho việc thực hiện tổng đạt. Tuy vậy, đối với chi phí tổng đạt theo phương thức đặc biệt thì nước yêu cầu phải trả chi phí cho việc thực hiện. Ngoài ra, đối với một số quốc gia nếu pháp luật có quy định việc thực hiện yêu cầu tổng đạt do tổ chức tư nhân thực hiện (thừa phát lại, ABC Legal) thì chi phí thực hiện ủy thác tư pháp sẽ do nước yêu cầu chi trả. Thời gian thực hiện tổng đạt có thể trong vòng 2 tháng và nhiều nhất là 6 tháng. Kết quả tổng đạt sẽ được xác nhận bởi

cơ quan trung ương, theo đó giấy xác nhận kết quả phải nêu rõ tổng đạt giấy tờ có thành công hay không.

1.3.2. Kênh tổng đạt thay thế

Các kênh tổng đạt thay thế gồm các kênh sau:

(i) tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài thông qua cơ quan ngoại giao, lãnh sự (Điều 8). Kênh tổng đạt này thông thường được áp dụng cho việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp cho công dân của nước yêu cầu tại nước được yêu cầu. Ví dụ, Thụy Sĩ chỉ chấp nhận sử dụng kênh tổng đạt này để tổng đạt cho công dân của nước yêu cầu, còn việc tổng đạt cho công dân Thụy Sĩ hoặc công dân nước thứ ba thì phải sử dụng kênh chính hoặc kênh tổng đạt tại Điều 9;

(ii) tổng đạt cho cơ quan thẩm quyền của nước được yêu cầu thông qua cơ quan ngoại giao, lãnh sự (Điều 9);

(iii) tổng đạt trực tiếp cho đương sự ở nước ngoài qua đường bưu điện (điểm a Điều 10);

(iv) tổng đạt từ nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc người có thẩm quyền của nước yêu cầu trực tiếp qua nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc người có thẩm quyền của nước được yêu cầu (điểm b Điều 10);

(v) tổng đạt từ bất kỳ cá nhân nào có liên quan trong thủ tục tố tụng trực tiếp qua nhân viên tư pháp, cán bộ hoặc người có thẩm quyền của nước được yêu cầu (điểm c Điều 10); và

(vi) các kênh tổng đạt khác mà các nước thành viên chấp nhận (Điều 11).

Kênh tổng đạt chính và kênh tổng đạt thay thế đều có giá trị pháp lý như nhau. Công ước Tổng đạt không đưa ra bất kỳ ưu tiên hoặc thứ bậc nào cho các kênh tổng đạt này. Các quốc gia tham gia Công ước Tổng đạt có quyền lựa chọn sử dụng kênh tổng đạt nào mà họ thấy rằng phù hợp với điều kiện của quốc gia mình.

Việc tổng đạt có thể bị từ chối hay nói cách khác nước được yêu cầu tổng đạt có thể từ chối yêu cầu tổng đạt khi thấy rằng việc thực hiện yêu cầu tổng đạt vi phạm chủ quyền hoặc an ninh quốc gia. Tuy nhiên, việc từ chối thực hiện yêu cầu tổng đạt vì lý do vi phạm chủ quyền hoặc an ninh rất ít khi được vận dụng.

1.4. Giải thích một số khái niệm, thuật ngữ của Công ước Tổng đạt

Tổng đạt

Mặc dù Công ước Tổng đạt không đưa ra định nghĩa, tuy vậy “tổng đạt” có thể hiểu là việc chuyển giao giấy tờ từ một quốc gia thành viên đến quốc gia thành viên khác. Bản tiếng Anh và tiếng Pháp của Công ước có sự khác biệt về từ ngữ vì

tại Pháp có sự khác biệt giữa tổng đạt (signifié - do cán bộ tòa án hoặc thừa phát lại thực hiện) hoặc thông báo (notifié - không do cán bộ tòa án hoặc thừa phát lại thực hiện). Tại các nước Common law không có sự phân biệt này nên bản tiếng Anh chỉ sử dụng từ tổng đạt bao gồm cả hai nghĩa trên (service). Bản tiếng Việt của Công ước Tổng đạt được dịch từ bản tiếng Anh của Công ước.

Công ước Tổng đạt không quy định cụ thể tổng đạt sẽ được thực hiện như thế nào sau khi giấy tờ đã được chuyển giao theo các kênh trong Công ước. Việc thực hiện sẽ theo pháp luật của nước được yêu cầu hoặc trên cơ sở đề nghị của nước yêu cầu (với phương thức thực hiện tổng đạt đặc biệt). Công ước Tổng đạt không quy định về giá trị pháp lý tổng đạt (tổng đạt có hợp lệ hay không). Vấn đề này sẽ được Tòa án của nước yêu cầu sẽ quyết định trên cơ sở: pháp luật của nước được yêu cầu (tổng đạt được thực hiện theo Điều 5) và pháp luật của nước yêu cầu/nước gửi (tổng đạt qua thư tại Điều 10 (a)).

Giấy tờ tư pháp và giấy tờ ngoài tư pháp

Công ước Tổng đạt áp dụng với việc tổng đạt giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp nhưng không có định nghĩa cụ thể về các loại giấy tờ này. Việc phân loại phụ thuộc vào pháp luật của nước yêu cầu/nước gửi.

Giấy tờ tư pháp

Theo Sổ tay Công ước Tổng đạt của Hội nghị La Hay, giấy tờ tư pháp được hiểu là các giấy tờ trong các vụ tranh chấp hoặc các vụ việc dân sự hoặc giấy tờ liên quan đến thi hành án. Các giấy tờ tư pháp có thể bao gồm thông báo triệu tập, phản hồi của bị đơn, bản ghi ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, quyết định và phán quyết của cán bộ của cơ quan tư pháp cũng như giấy triệu tập nhân chứng và yêu cầu thu thập chứng cứ.

Giấy tờ ngoài tư pháp

Theo sổ tay Công ước Tổng đạt của Hội nghị La Hay, giấy tờ ngoài tư pháp là loại giấy tờ được không trực tiếp liên quan đến việc xét xử, tuy nhiên, giấy tờ này phải do cơ quan có thẩm quyền hoặc cán bộ tư pháp ban hành. Các loại giấy tờ ngoài tư pháp thuộc phạm vi quy định của Điều 17 Công ước Tổng đạt có thể bao gồm văn bản công chứng, yêu cầu trả tiền, thông báo từ bỏ liên quan đến hợp đồng thuê dài hạn hoặc hợp đồng lao động, từ chối chấp nhận thương phiếu và các công cụ chuyển nhượng với điều kiện là chúng phải được ban hành bởi một cơ quan có thẩm quyền hoặc thừa phát lại, thông báo ngày hòa giải, thông báo của chủ nợ cho người mắc nợ, các giấy tờ về thừa kế, thông báo cho người có lợi ích liên quan về một tài sản thừa kế, quyết định liên quan đến cấp dưỡng cho con và quyết định liên quan đến ly hôn và ly thân do cơ quan hành chính có thẩm quyền ban hành, triệu

tập của thừa phát lại, chứng thư và các giấy tờ liên quan đến việc thi hành án. Các giấy tờ phản đối hôn nhân, đồng ý nhận con nuôi, chấp nhận quan hệ cha con cũng thuộc loại này nếu chúng được ban hành theo trình tự, thủ tục nhất định. Trên thực tế yêu cầu tổng đạt giấy tờ ngoài tư pháp chiếm tỷ lệ nhỏ. Giấy tờ ngoài tư pháp có thể do tòa án, thừa phát lại hoặc người thi hành án tổng đạt.

Một số nước thành viên của Công ước Tổng đạt như Hoa Kỳ, Cộng hòa Séc, Thụy Điển... năm 2008 thông tin cho Hội nghị rằng pháp luật trong nước của các quốc gia này không có quy định về giấy tờ ngoài tư pháp.

Các vấn đề dân sự hoặc thương mại

Định nghĩa các vấn đề dân sự và thương mại được giải thích theo hướng độc lập, không dẫn chiếu đến quy định của pháp luật nước yêu cầu và được yêu cầu. Việc giải thích vấn đề dân sự và thương mại trước hết phải căn cứ vào mục tiêu và phụ lục của Công ước Tổng đạt cũng như nguyên tắc chung của hệ thống pháp luật.

Cụm từ này nên được giải thích theo nghĩa rộng bao gồm cả những vấn đề về phá sản, bảo hiểm và lao động. Tuy nhiên có một số nội dung thuộc về pháp luật công hoặc hành chính như thuế sẽ không thuộc phạm vi các vấn đề thương mại hoặc dân sự theo quy định của Công ước Tổng đạt. Mặc dù vậy, Công ước Tổng đạt không ngăn cản các quốc gia thành viên áp dụng Công ước Tổng đạt trong quan hệ với nhau liên quan đến luật công. Ở một số quốc gia thành viên Công ước còn được áp dụng trong các thủ tục liên quan đến thu hồi tài sản do phạm tội mà có.

1.5 Cơ quan trung ương và cơ quan có thẩm quyền gửi

Theo quy định tại Điều 6 và 9 của Công ước Tổng đạt, các quốc gia thành viên phải có trách nhiệm chỉ định chính thức Cơ quan Trung ương theo kênh tổng đạt chính và cơ quan có thẩm quyền theo các kênh thay thế. Việc chỉ định cơ quan trung ương sẽ tạo điều kiện thuận lợi, cơ chế rõ ràng để trao đổi thông tin giữa các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt trong việc xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện tổng đạt giấy tờ, tránh được tình trạng không biết được nguyên nhân của việc chậm trễ trong thực hiện UTTP với các vụ việc dân sự cụ thể.

Thông thường khi tham gia Công ước Tổng đạt, các quốc gia thành viên đều dự kiến chỉ định Bộ Ngoại giao hoặc Bộ Tư pháp hoặc tòa án là cơ quan trung ương. Có thể truy cập vào trang thông tin điện tử – HCCH để tra cứu cơ quan trung ương của các quốc gia thành viên thực hiện Công ước Tổng đạt.

Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt đã chỉ định Bộ Tư pháp là Cơ quan Trung ương theo quy định của Luật TTTP năm 2007. Theo đó, Bộ Tư pháp là

cơ quan đầu mối tiếp nhận yêu cầu TTTP với nước ngoài (ủy thác ra) và của nước ngoài (ủy thác vào). Trong các Hiệp định song phương TTTP về dân sự giữa Việt Nam với các nước, Cơ quan Trung ương được chỉ định cũng là Bộ Tư pháp. Do đó, việc chỉ định Bộ Tư pháp là Cơ quan Trung ương đồng thời là cơ quan có thẩm quyền tại Điều 6 và Điều 9 Công ước là phù hợp với quy định hiện hành và thực tiễn hiện nay.

1.6. Bảo vệ bị đơn theo quy định của Công ước Tổng đạt (Điều 15, 16)

Thực tiễn và pháp luật của nhiều quốc gia trên thế giới đều quy định bảo đảm nguyên tắc tiếp cận công lý, có nghĩa là bị đơn được quyền triệu tập và tham dự phiên tòa theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Cụ thể, bị đơn được gửi giấy triệu tập theo quy định pháp luật và được quyền tham dự, trình bày ý kiến của mình để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tuy vậy, trong một số trường hợp tổng đạt theo đúng trình tự, thủ tục hoặc người nhận đã biết được việc tổng đạt nhưng không tham gia phiên tòa thì tòa án có quyền xét xử vắng mặt.

Công ước Tổng đạt quy định về hai nội dung bảo vệ bị đơn trước khi ra bản án/quyết định (Điều 15) và bảo vệ bị đơn sau khi ra bản án hoặc quyết định (Điều 16), nhằm mục đích bảo vệ bị đơn nếu chứng minh được họ không nhận được giấy tờ tổng đạt. Quy định này được áp dụng cho các kênh tổng đạt của Công ước Tổng đạt trừ các kênh tổng đạt theo quy định tại Điều 11 (các kênh tổng đạt khác các kênh được nêu trong Công ước Tổng đạt mà các nước thành viên chấp nhận).

1.6.1. Bảo vệ bị đơn trước khi ra phán quyết: điều kiện ra phán quyết trong trường hợp xét xử vắng mặt

Trong trường hợp giấy triệu tập hoặc giấy tờ tương đương được tổng đạt ra nước ngoài theo quy định của Công ước Tổng đạt nhưng bị đơn vắng mặt khi xét xử, thẩm phán chỉ được đưa ra bản án/quyết định vắng mặt khi đáp ứng 2 điều kiện sau: (i) giấy tờ đã được tổng đạt phù hợp với quy định của nước được yêu cầu (trong trường hợp tổng đạt theo kênh chính thức hoặc kênh thay thế); hoặc giấy tờ đó thực tế đã tổng đạt cho đương sự hoặc đến nơi ở của đương sự theo các phương thức khác được quy định tại Công ước Tổng đạt (kênh bổ sung); và (ii) trong bất kỳ trường hợp nào, việc tổng đạt phải đảm bảo đủ thời gian để bị đơn có thể tự đưa ra quyết định của mình hoặc tự bảo vệ (điểm a Điều 15).

Để đảm bảo quyền lợi chính đáng của nguyên đơn, thẩm phán vẫn có thể đưa ra bản án, quyết định vắng mặt khi không nhận được giấy xác nhận kết quả tổng đạt nếu 4 điều kiện sau được đáp ứng: (i) giấy tờ đã được tổng đạt theo một trong các kênh được quy định trong Công ước này; (ii) đã hết khoảng thời gian mà thẩm phán quyết định trong trường hợp cụ thể nhưng không ít hơn sáu tháng kể từ ngày

gửi giấy tờ tổng đạt; (iii) không nhận được Giấy xác nhận kết quả dưới bất kỳ hình thức nào mặc dù đã thực hiện mọi nỗ lực hợp lý để có được Giấy này thông qua cơ quan có thẩm quyền của nước được yêu cầu và (iv) nước yêu cầu tuyên bố áp dụng quy định của Điều 15 về xét xử vắng mặt.

1.6.2. Bảo vệ bị đơn sau khi ra bản án hoặc quyết định: Gia hạn kháng cáo

Điều 16 quy định bảo vệ bị đơn trong trường hợp đã đưa ra phán quyết vắng mặt và thời gian kháng cáo đã hết. Thẩm phán có thể gia hạn thời gian kháng cáo cho bị đơn nếu đáp ứng 03 điều kiện: (i) bị đơn không có lỗi và không biết được về giấy tờ trong khoảng thời gian đủ để tự bảo vệ hoặc không biết về phán quyết trong khoảng thời gian đủ để kháng cáo; (ii) bị đơn đã nộp cho Tòa án bản tự bảo vệ rõ ràng ngay từ đầu về nội dung vụ việc (*prima facie defence*) (có nghĩa là bản tự bảo vệ mà ngay từ đầu đã có đủ căn cứ pháp lý cho phép bị đơn đạt được phán quyết có lợi cho mình, hay đủ căn cứ để thay đổi kết quả của phán quyết đã được tuyên vắng mặt) và (iii) bị đơn nộp đơn yêu cầu xin gia hạn trong thời gian hợp lý kể từ ngày biết được về phán quyết.

Thuật ngữ “kháng cáo” ở đây được hiểu theo nghĩa rộng bao gồm các cách thức khắc phục khác nhau theo pháp luật của nước nơi có tòa án, trong đó có cả kháng cáo theo nghĩa truyền thống (thủ tục phúc thẩm trong đó vụ việc sẽ được xem xét lại ở tòa án cấp cao hơn) và yêu cầu hủy phán quyết (thủ tục tại chính tòa án đã ra phán quyết đó).

2. Giới thiệu việc gia nhập Công ước Tổng đạt của Việt Nam

2.1. Bối cảnh gia nhập

Từ năm 2013, khi trở thành thành viên của Hội nghị La Hay, Việt Nam đã có nghiên cứu và đánh giá khả năng gia nhập Công ước Tổng đạt. Bởi vì, phạm vi địa lý tổng đạt rộng hơn so với các điều ước TTTP song phương và trong bối cảnh hiện nay nhiều nước hạn chế ký kết các hiệp định song phương về TTTP. Trên cơ sở đáp ứng yêu cầu của tòa án giải quyết các vụ việc dân sự và thương mại, Việt Nam đã chính thức nộp đơn gia nhập Công ước Tổng đạt vào ngày 1 tháng 3 năm 2016 tại Phiên họp của Hội nghị La Hay. Sau 6 tháng do không có quốc gia thành viên nào phản đối nên Công ước đã có hiệu lực đối với Việt Nam vào ngày 01 tháng 10 năm 2016.

2.2. Bảo lưu của Việt Nam khi gia nhập Công ước Tổng đạt

Theo quy định tại Điều 16, 29 và 31 của Công ước Tổng đạt, Việt Nam đã đưa ra Tuyên bố theo Quyết định số 2731/2015/QĐ-CTN ngày 8 tháng 12 năm 2015 về gia nhập Công ước Tổng đạt. Cụ thể như sau:

(i) Tuyên bố chỉ định Bộ Tư pháp Việt Nam là cơ quan gửi giấy tờ và là Cơ quan trung ương theo Điều 2 của Công ước;

(ii) Không áp dụng phương thức tổng đạt tại Điều 8 Công ước, trừ khi giấy tờ được tổng đạt cho công dân của quốc gia gửi;

(iii) Không áp dụng phương thức tổng đạt tại đoạn b và c Điều 10 của Công ước (phương thức tổng đạt thông qua cán bộ tư pháp và người tham gia tố tụng);

(iv) Áp dụng phương thức tổng đạt tại đoạn a Điều 10 Công ước với điều kiện giấy tờ được gửi qua thư bảo đảm;

(v) Áp dụng đoạn 2 Điều 15 của Công ước, theo đó thẩm phán có quyền đưa ra bản án/quyết định khi có căn cứ chứng minh rằng giấy triệu tập đã được đưa trực tiếp cho bị đơn trong thời gian đủ để bị đơn biết.

(vi) Yêu cầu tổng đạt theo mẫu gửi đến Việt Nam phải được lập bằng hoặc kèm theo một bản dịch bằng tiếng Việt. Các giấy tờ của nước ngoài được tổng đạt tại Việt Nam phải được lập bằng hoặc kèm theo một bản dịch bằng tiếng Việt có công chứng hoặc chứng thực chữ ký người dịch, trừ trường hợp tổng đạt qua kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp cho đương sự là công dân nước gửi hoặc tổng đạt qua kênh bưu điện cho đương sự là công dân nước gửi quy định tại Điều 8 và đoạn a Điều 10 Công ước.

3. Danh sách các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt

Stt	Tên quốc gia	Phiên âm tiếng Việt	Ngày hiệu lực
1.	Albania	An-ba-ni	1-VII-2007
2.	Andorra	An-đô-ra	1-XII-2017
3.	<i>Antigua and Barbuda</i>	An-ti-go-a và Bác-bu-đa	1-XI-1981
4.	Argentina	Ác-hen-ti-na	1-XII-2001
5.	Armenia	Ác-mê-ni-a	1-II-2013
6.	Australia	Ô-xtrây-li-a	1-XI-2010
7.	Austria	Áo	12-IX-2020

8.	<i>Bahamas</i>	Ba-ha-mát	1-II-1998
9.	<i>Barbados</i>	Bác-ba-đốt	1-X-1969
10.	Belarus	Bê-la-rút	1-II-1998
11.	Belgium	Bỉ	18-I-1971
12.	<i>Belize</i>	Bê-lít'z	1-V-2010
13.	Bosnia and Herzegovina	Bô-s'na và Hê-sê-gô-vi-na	1-II-2009
14.	<i>Botswana</i>	Bốt-xoa-na	1-IX-1969
15.	Brazil	Bra-xin	1-VI-2019
16.	Bulgaria	Bun-ga-ri	1-VIII-2000
17.	Canada	Ca-na-đa	1-V-1989
18.	China	Trung Quốc	1-I-1992
19.	<i>Colombia</i>	Cô-lôm-bia	1-XI-2013
20.	Costa Rica	Cô-xta Ri-ca	1-X-2016
21.	Croatia	Crô-a-ti-a	1-XI-2006
22.	Cyprus	Cộng hòa Síp	1-VI-1983
23.	Czech Republic	Cộng hòa Séc	1-I-1993
24.	Denmark	Đan Mạch	1-X-1969
25.	Egypt	Ai Cập	10-II-1969
26.	Estonia	Ét-tô-ni-a	1-X-1996
27.	Finland	Phần Lan	10-XI-1969
28.	France	Pháp	1-IX-1972

29.	Georgia	Gióoc-giơ	1-I-2022
30.	Germany	Đức	26-VI-1979
31.	Greece	Hy Lạp	18-IX-1983
32.	Hungary	Hung-ga-ri	1-IV-2005
33.	Iceland	Ai-xơ-len	1-VII-2009
34.	India	Ấn Độ	1-VIII-2007
35.	Ireland	Ai-rơ-len	4-VI-1994
36.	Israel	Ít-xa-ren	13-X-1972
37.	Italy	I-ta-li	24-I-1982
38.	Japan	Nhật Bản	27-VII-1970
39.	Kazakhstan	Ka-dắc-tanx	1-VI-2016
40.	<i>Kuwait</i>	Ku-oát	1-XII-2002
41.	Latvia	Lít-va	1-XI-1995
42.	Lithuania	Li-thu-a-na	1-VI-2001
43.	Luxembourg	Lúc-xem-bua	7-IX-1975
44.	<i>Malawi</i>	Ma-li	1-XII-1972
45.	Malta	Man-ta	1-X-2011
46.	<i>Marshall Islands</i>	Quần đảo Mác-san	1-II-2021
47.	Mexico	Mê-xi-cô	1-VI-2000
48.	Monaco	Mô-na-cô	1-XI-2007
49.	Montenegro	Mông-tê-nê-gờ-rô	1-IX-2012

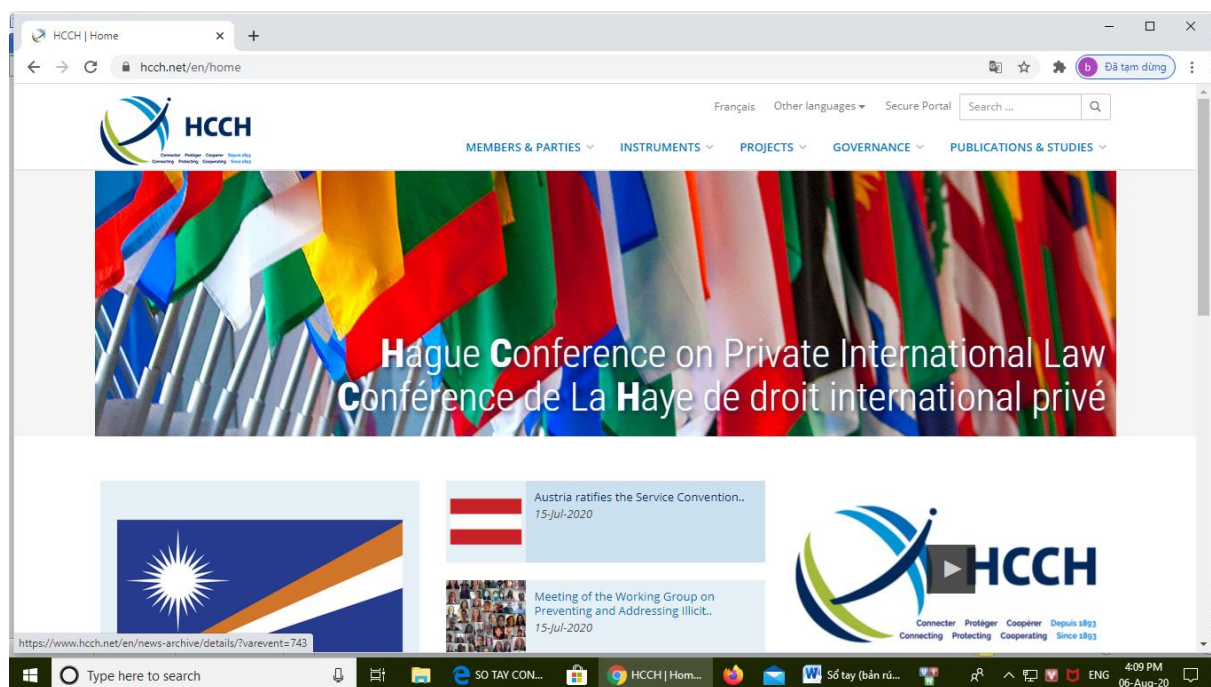
50.	Morocco	Ma rôc	1-XI-2011
51.	Netherlands	Hà Lan	2-I-1976
52.	Nicaragua	Ni-ca-ra-gua	1-II-2020
53.	North Macedonia	Bắc Ma-xê-đô-ni-a	1-IX-2009
54.	Norway	Na Uy	1-X-1969
55.	<i>Pakistan</i>	Pa-kit-xtan	1-VIII-1989
56.	Philippines	Phi-líp-pin	1-X-2020
57.	Poland	Ba Lan	1-IX-1996
58.	Portugal	Bồ Đào Nha	25-II-1974
59.	Republic of Korea	Hàn Quốc	1-VIII-2000
60.	Republic of Moldova	Cộng hòa Môn-đô-va	1-II-2013
61.	Romania	Ru-ma-ni	1-IV-2004
62.	Russian Federation	Liên bang Nga	1-XII-2001
63.	<i>Saint Vincent and the Grenadines</i>	Xanh-Vin-cen và Gờ-rê-na-đi	27-X-1979
64.	<i>San Marino</i>	Xan-man-ri-nô	1-XI-2002
65.	Serbia	Séc-bi	1-II-2011
66.	<i>Seychelles</i>	Xây-sen	1-VII-1981
67.	Slovakia	Xlô-va-kia	1-I-1993
68.	Slovenia	Xlô-ven-nia	1-VI-2001
69.	Spain	Tây Ban Nha	3-VIII-1987

70.	Sri Lanka	Xri-Lan-ka	1-VI-2001
71.	Sweden	Thụy Điển	1-X-1969
72.	Switzerland	Thụy Sĩ	1-I-1995
73.	Tunisia	Tuy-ni-di	1-II-2018
74.	Turkey	Thổ Nhĩ Kỳ	28-IV-1972
75.	Ukraine	U-crai-na	1-XII-2001
76.	United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland	Hội liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len	10-II-1969
77.	United States of America	Hoa Kỳ	10-II-1969
78.	Venezuela (Bolivarian Republic of)	Vê-nê-xuê-la	1-VII-1994
79.	Viet Nam	Việt Nam	1-X-2016

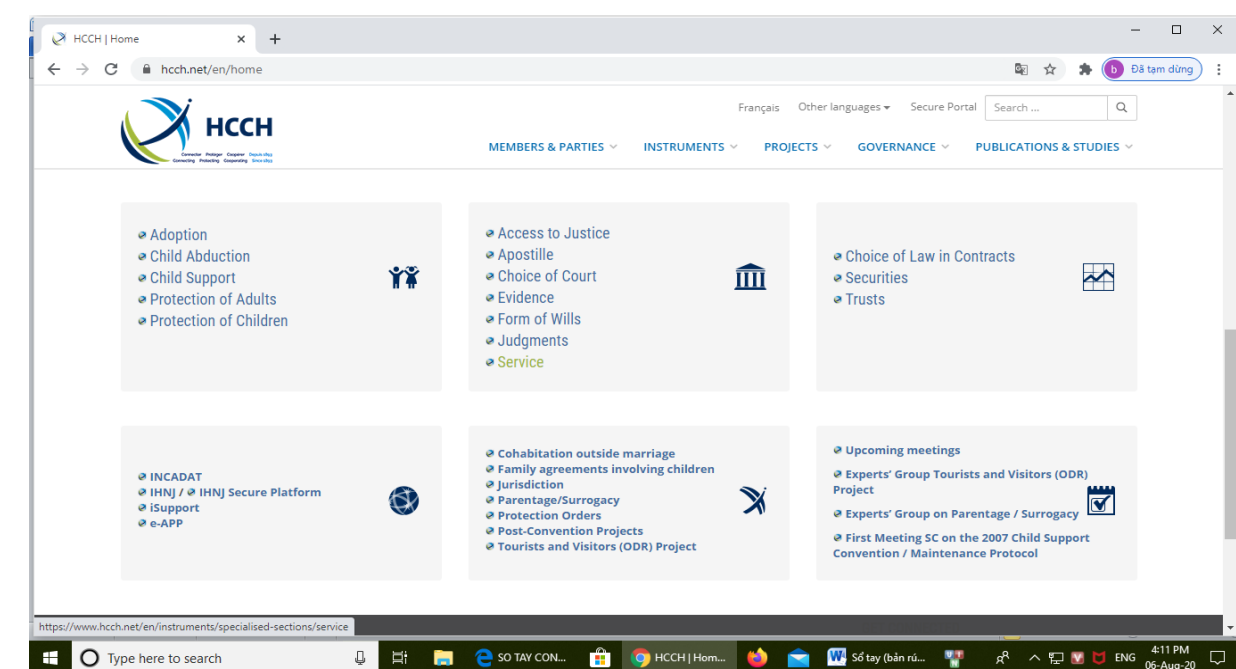
PHỤ LỤC III - HƯỚNG DẪN TRA CỨU THÔNG TIN, THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC TỔNG ĐẠT GIẤY TỜ

1. Truy cập <https://www.hcch.net/en/home>

2. Chọn English



3. Chọn mục Service



4. Tra cứu nhanh các quốc gia thành viên Công ước Tổng đạt

Cách 1: Chọn mục *Updated list of Contracting Parties*

The screenshot shows the HCCH Service Section website. The navigation menu includes: MEMBERS & PARTIES, INSTRUMENTS, PROJECTS, GOVERNANCE, and PUBLICATIONS & STUDIES. The 'PUBLICATIONS & STUDIES' menu is expanded, showing a list of links: Specialised Section, Full text, Status table, Authorities, Practical operation documents, Model Forms, Questionnaires & Responses, Seminars, HCCH Publications, Translations, Case law, Bibliography, and Latest updates. The 'Status table' link is highlighted.

Below the navigation menu, there is a section for the 'Practical Handbook (4th ed. 2016)'. Below that, there is a table with two columns:

Text of the Convention Translations	Updated list of Contracting Parties (status table) How to read the status table
Central and other Authorities (contact details, practical information)	Table reflecting applicability of Articles 8(2), 10(a), (b) and (c), 15(2), 16(3)

The URL in the browser address bar is: <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=17>

Cách 2: Hoặc truy cập trực tiếp

<https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=17>

The screenshot shows the 'STATUS TABLE' page for the Convention of 15 November 1965 on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters. The page includes the following information:

- Entry into force: 10-II-1969
- Last update: 27-VII-2020
- Number of Contracting Parties to this Convention: 78
- The expression "Contracting Party" covers both cases in which the Convention has, and cases in which the Convention has not yet, entered into force for that Party following the deposit of its instrument of ratification, accession, acceptance or approval (see column EIF in the chart).
- Contracting Parties to this Convention that are also Members of the HCCH (i.e., the Organisation) are in **bold**; Contracting Parties that are not Members of the HCCH are in *italics*.

There is a button: [View and/or print full status report](#)

Contracting Party	S ¹	R/A/S ²	Type ³	EIF ⁴	EXT ⁵	Auth ⁶	Res/D/N/DC ⁷
Albania		1-XI-2006	A	1-VII-2007		3	
Andorra		26-IV-2017	A	1-XII-2017		4	D

The URL in the browser address bar is: <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=17>

5. Tra cứu thông tin về cơ quan trung ương và chi phí thực tế của nước ngoài

5.1. Trong mục Service trên trang của HCCH, chọn mục Authorities

HCCH | Service Section

hcch.net/en/instruments/specialised-sections/service

Franglais Other languages Secure Portal Search ...

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

Practical Handbook (4th ed. 2016)

The Practical Handbook offers detailed explanations on the general operation of the Service Convention as well as authoritative commentaries on the major issues raised by practice over the past fifty years.

Since the publication of the 3rd edition of this Handbook in 2006, there have been important developments in case law and State practice in relation to the Hague Service Convention. These developments are the most important basis for this updated and expanded 4th edition. In addition, it includes comprehensive research and analysis relating to the use of information technology in the operation of the Convention, an area that continues to evolve.

More information on purchasing the Practical Handbook is available here.

To view the table of contents, click here.

Text of the Convention Translations	Updated list of Contracting Parties (status table) How to read the status table
Central and other Authorities (contact details, practical information)	Table reflecting applicability of Articles 8(2), 10(a), (b) and (c), 15(2), 16(3)

Specialised Section

- Full text
- Status table
- Authorities**
- Practical operation documents
- Model Forms
- Questionnaires & Responses
- Seminars
- HCCH Publications
- Translations
- Case law
- Bibliography
- Latest updates

https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/authorities1/?cid=17

Type here to search

THU... SO T... HCC... SỔ T... THU... TTT... ENG 4:43 PM 06-Aug-20

Chọn tên quốc gia cần tra cứu thông tin

Ví dụ: Hoa Kỳ - lựa chọn United States of America - Central Authority & practical information

HCCH | #14 - Authorities

hcch.net/en/instruments/conventions/authorities1/?cid=17

Franglais Other languages Secure Portal Search ...

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

- Ukraine - Competent Authority (Art. 6)
- Ukraine - Competent Authority (Art. 9)
- United Kingdom - Central Authority & practical information
- United Kingdom - Competent Authority (Art. 6)
- United Kingdom - Competent Authority (Art. 9)
- United Kingdom - Other Authorities (Art. 18)
- United States of America - Central Authority & practical information**
- Venezuela - Central Authority & practical information
- Viet Nam - Central Authority
- Viet Nam - Competent Authority (Art. 6)
- Viet Nam - Competent Authority (Art. 9)

Contact: **COVID-19 Update**

About

FAQ

News Archive

Sitemap

Recruitment

Disclaimer

Latest updates

The World Organisation for Cross-border Co-operation in Civil and Commercial Matters
© HCCH 1951-2020. All Rights Reserved.

https://www.hcch.net/en/states/authorities/details3/?aid=279

Type here to search

THU... SO T... HCC... SỔ T... THU... TTT... ENG 5:01 PM 06-Aug-20

HCCH | Authority

hccch.net/en/states/authorities/details3/?aid=279

Franglais Other languages Secure Portal Search ...

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

United States of America - Central Authority & practical information

Central Authority:

Office of International Judicial Assistance
Civil Division
U.S. Department of Justice
Benjamin Franklin Station
P.O. Box 14360
Washington, D.C. 20044
United States of America
Tel.: +1 (202) 514-6700
Email: OIJA@usdoj.gov

Contact persons:

- Ms. Jeanne Davidson, Director
- Ms. Katerina Ossanova, Trial Attorney

Language of communication: English

Outsourcing of Central Authority's activities to ABC Legal

Please see Notification sent by the Depository (i.e. the Ministry of Foreign Affairs of the Netherlands) on 28 January 2020, [here](#).

Due to COVID-19, service of judicial and extrajudicial documents transmitted pursuant to the Hague Service Convention may be delayed or suspended in certain areas. Please continue to check ABC Legal's website for the latest updates: <https://www.abcllegal.com/international-service-of-process>.

Conventions (incl. Protocols and Principles)
Convention of 15 November 1965 on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters [14]

Type here to search

THỨ... SO T... HCC... SỔ T... THỨ... TTT... ENG 5:05 PM 06-Aug-20

Thông tin mà các quốc gia cung cấp thường bao gồm một số nội dung quan trọng như sau:

- Tên và địa chỉ của Cơ quan Trung ương: **Central Authority – Contact details** (để điền vào mẫu 2B).

- Yêu cầu về ngôn ngữ: (ngôn ngữ của giấy tờ cần được tổng đạt/ yêu cầu dịch thuật): **Translation requirements (Art. 5 (3))**.

- Chi phí thực tế (mức chi phí và cách thức thanh toán): **Costs relating to execution of the request for service (Art. 12):**

+ Nếu mục Cost để trống hoặc thông báo là chi thu trong trường hợp đặc biệt thì không cần thu tạm ứng chi phí thực tế;

+ Nếu mục Cost thông báo thu trước (**prepayment/ advance payment**) hoặc yêu cầu thu chi phí thực tế cùng với hồ sơ thì người có nghĩa vụ nộp số tiền theo phương thức thông báo và gửi lại tài liệu chứng minh đã nộp tiền (có đầy đủ thông tin bằng tiếng Anh hoặc tiếng nước ngoài để cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài kiểm tra lại);

+ Nếu mục Cost thông báo thu sau (**reimbursement**) thì người có nghĩa vụ nộp tạm ứng chi phí thực tế.

- Thời gian trung bình để cơ quan có thẩm quyền của quốc gia đó thực hiện UTTP từ khi nhận được: **Time for execution of request**.

- Các phản đối, bảo lưu, tuyên bố: **Oppositions and declarations (Art. 21(2)):**

+ Phản đối Điều 8 (2) Art. 8(2): Nước nào có thông tin phản đối

(Opposition) điều khoản này thì nước đó chỉ cho phép kênh ngoại giao, lãnh sự trực tiếp áp dụng với công dân của nước gửi, không áp dụng cho công dân của nước sở tại và nước thứ ba;

+Phản đối Điều 10 (a) **Art. 10(a)**: Nước nào có thông tin phản đối **(Opposition)** điều khoản này thì nước đó không chấp nhận kênh bưu điện;

PHỤ LỤC IV - GIỚI THIỆU VỀ CÔNG ƯỚC THU THẬP CHỨNG CỨ VÀ QUÁ TRÌNH GIA NHẬP CỦA VIỆT NAM

1. Giới thiệu Công ước Thu thập chứng cứ

1.1. Lịch sử hình thành và số lượng thành viên

Công ước Thu thập chứng cứ là Công ước đa phương của Hội nghị La Hay được ký ngày 18 tháng 3 năm 1970 và có hiệu lực ngày 07 tháng 10 năm 1972. Tính đến 15 tháng 3 năm 2022, Công ước Thu thập chứng cứ có 64 thành viên là quốc gia và vùng lãnh thổ từ tất cả các hệ thống pháp luật và châu lục trên toàn thế giới⁶⁹.

Mục tiêu của Công ước Thu thập chứng cứ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập chứng cứ và hài hòa hóa phương thức thu thập chứng cứ giữa các quốc gia thông qua (1) thu thập chứng cứ bằng Văn bản yêu cầu và (2) các kênh thu thập chứng cứ bổ sung thông qua viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự và Người được ủy quyền.

1.2. Nội dung cơ bản của Công ước Thu thập chứng cứ

Công ước Thu thập chứng cứ gồm 3 Chương và 42 Điều. Chương I quy định về Văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ, Chương II quy định về thu thập chứng cứ thông qua viên chức ngoại giao, viên chức lãnh sự và Người được ủy quyền, Chương III quy định chung.

Công ước Thu thập chứng cứ tập trung vào quy định kênh thu thập chứng cứ thông qua văn bản yêu cầu (Chương I) và kênh thu thập chứng cứ bổ sung thông qua Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự và Người được ủy quyền (Chương II). Việc lựa chọn thu thập chứng cứ theo phương thức nào tùy thuộc vào quy định pháp luật và Cơ quan tư pháp của mỗi quốc gia và việc thu thập chứng cứ thông qua Văn bản yêu cầu không loại trừ việc thu thập chứng cứ thông qua các kênh còn lại và ngược lại.

1.2.1. Phạm vi

Công ước chỉ được áp dụng cho việc thu thập chứng cứ trong các thủ tục tố tụng trong lĩnh vực dân sự, thương mại và thực hiện các “hoạt động tư pháp khác” giữa các Quốc gia thành viên. Thuật ngữ “hoạt động tư pháp khác” không được định nghĩa trong Công ước, thuật ngữ này cần được hiểu một cách linh hoạt là bất

⁶⁹ <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/?cid=82> (Cập nhật 14/3/2022)

cứ hoạt động nào có tính chất tư pháp và phụ thuộc vào pháp luật nước được yêu cầu. Theo Sách hướng dẫn thực hành tốt Công ước của Hội nghị La Hay, thực tế quy định pháp luật và áp dụng Công ước của một số quốc gia thì “hoạt động tư pháp khác” có thể biết đến như: thu thập thông tin về thu nhập; lấy ý kiến về việc xác định quan hệ cha con; thu thập bản sao giấy tờ hộ tịch; thu thập văn bản xác định việc không kháng cáo; chuyên tiền hay yêu cầu xác minh, thu thập chứng cứ để thi hành bản án, quyết định của toà án...

Công ước loại trừ khỏi phạm vi áp dụng các hoạt động: (i) tổng đạt giấy tờ; (ii) thi hành bản án, quyết định của toà án; (iii) quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp bảo vệ khác.

Ngoài ra, về thủ tục tố tụng đã được dự kiến hoặc đã bắt đầu,

Thủ tục tố tụng theo phạm vi của Công ước Thu thập chứng cứ là bất kỳ các thủ tục nào được thực hiện tại một cơ quan tư pháp. Công ước Thu thập chứng cứ áp dụng đối với tất cả các thủ tục tố tụng. Do đó, Văn bản yêu cầu có thể được sử dụng để thu thập chứng cứ tại các nước theo mô hình tố tụng tranh tụng cũng như không tranh tụng, Văn bản yêu cầu còn có thể được sử dụng trong quá trình trước khi diễn ra thủ tục tố tụng và sau khi bản án được tuyên.

Theo Chương I Công ước Thu thập chứng cứ, Văn bản yêu cầu được sử dụng để thu thập chứng cứ được sử dụng trong thủ tục tố tụng đã được bắt đầu hoặc dự kiến diễn ra. Tuy nhiên, Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền chỉ được thu thập chứng cứ để hỗ trợ thủ tục tố tụng đã được bắt đầu.

1.2.2. Thu thập chứng cứ thông qua Văn bản yêu cầu

Thu thập chứng cứ thông qua Văn bản yêu cầu được quy định từ Điều 1 đến Điều 14 Công ước Thu thập chứng cứ. Công ước Thu thập chứng cứ quy định những vấn đề như chỉ định Cơ quan Trung ương, Cơ quan có thẩm quyền gửi và nhận Văn bản yêu cầu, nội dung Văn bản yêu cầu, yêu cầu về ngôn ngữ, bản dịch, phí và chi phí thu thập chứng cứ, kết quả thực hiện và từ chối thực hiện Văn bản yêu cầu.

a. Cơ quan Trung ương

Mỗi Quốc gia thành viên phải chỉ định một Cơ quan trung ương (Điều 2). Các Quốc gia theo thể chế liên bang có thể chỉ định nhiều Cơ quan trung ương (Điều 24.2). Tuy vậy, một Quốc gia thành viên có thể chỉ định các Cơ quan khác ngoài Cơ quan trung ương để nhận Văn bản yêu cầu trong phạm vi lãnh thổ nhất định (Điều 24.1). Ngoài ra, Văn bản yêu cầu vẫn có thể được gửi tới Cơ quan trung ương của Quốc gia đó.

Cơ quan trung ương có nhiệm vụ chính tiếp nhận Văn bản yêu cầu từ Cơ quan tư pháp của Quốc gia thành viên khác và chuyển tiếp Văn bản yêu cầu cho cơ quan có thẩm quyền để thực hiện (Điều 2). Ngoài ra, Công ước Thu thập chứng cứ cũng quy định Cơ quan trung ương phải thực hiện một số chức năng và nhiệm vụ sau:

- Thông báo và nêu rõ nội dung của Văn bản yêu cầu không tuân thủ các quy định của Công ước Thu thập chứng cứ (Điều 5);

- Chuyển cho Quốc gia yêu cầu văn bản chứng minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 13.1);

- Thông báo và nêu rõ lý do của việc không thực hiện Văn bản yêu cầu cho Cơ quan yêu cầu (Điều 13.2).

Chẳng hạn: Khi kiểm tra cơ quan gửi không phải là Cơ quan tư pháp của Quốc gia yêu cầu, Cơ quan trung ương có quyền trả lại hồ sơ và nêu rõ lý do.

Về tổ chức, hoạt động, các Quốc gia thành viên được quyền quyết định về cách thức tổ chức, cơ cấu, nhân sự của Cơ quan Trung ương để đảm bảo thực thi hiệu quả Công ước Thu thập chứng cứ.

b. Văn bản yêu cầu

- *Cơ quan có thẩm quyền lập Văn bản yêu cầu:*

Cơ quan có thẩm quyền lập Văn bản yêu cầu là cơ quan tư pháp của Quốc gia yêu cầu (Điều 2). Công ước Thu thập chứng cứ không đưa ra định nghĩa về “Cơ quan tư pháp”, việc xác định Cơ quan tư pháp tùy thuộc vào pháp luật của mỗi Quốc gia. Mặc dù vậy, theo tài liệu hướng dẫn của Hội nghị La Hay, Cơ quan tư pháp không bao gồm cá nhân và trọng tài, và thường là tòa án các cấp, một số cơ quan hành chính nhất định. Thông thường, việc xem xét cơ quan tư pháp thường dựa trên 1 số tiêu chí sau: (1) Tính độc lập so với nhánh hành pháp; (2) Tính công tâm; (3) Có việc tranh tụng hay không; (4) Quyết định có được kháng cáo hay không.

- *Yêu cầu về nội dung của Văn bản yêu cầu:*

Văn bản yêu cầu phải đầy đủ các thông tin sau: (1) Cơ quan yêu cầu; (2) Cơ quan được yêu cầu (nếu có); (3) Tên và địa chỉ của các bên tham gia tố tụng và đại diện của họ (nếu có); (4) Bản chất của vụ việc; (5) Chứng cứ cần thu thập hoặc hoạt động tư pháp khác cần thực hiện.

Ngoài ra, trong một số trường hợp, Văn bản yêu cầu cũng phải bao gồm các thông tin sau: (1) Tên và địa chỉ của người được lấy lời khai; (2) Các câu hỏi đối với những người được lấy lời khai hoặc nội dung lấy lời khai; (3) Các tài liệu hoặc

tài sản, bất động sản hoặc tài sản cá nhân, cần được xác minh; (4) Yêu cầu về thu thập chứng cứ phải có tuyên thệ hoặc sự xác nhận và các cách thức đặc biệt cần được sử dụng để thu thập chứng cứ; (5) Cách thức hoặc thủ tục đặc biệt cần được tuân thủ.

- *Yêu cầu về hình thức của Văn bản yêu cầu:*

Công ước Thu thập chứng cứ không quy định hình thức của Văn bản yêu cầu, tuy nhiên, thông thường Văn bản yêu cầu được lập bằng văn bản. Tuy nhiên, theo khuyến nghị của Hội nghị La Hay, các Quốc gia thành viên nên sử dụng Mẫu Văn bản yêu cầu do Hội nghị La Hay xây dựng.

- *Yêu cầu về ngôn ngữ của Văn bản yêu cầu (Điều 4):*

Văn bản yêu cầu và tài liệu kèm theo phải được lập (hoặc gửi kèm một bản dịch) sang ngôn ngữ chính thức của Quốc gia được yêu cầu. Tuy nhiên, Văn bản yêu cầu và tài liệu kèm theo cũng có thể được lập (hoặc gửi kèm một bản dịch) sang tiếng Pháp hoặc tiếng Anh, nếu Quốc gia được yêu cầu không tuyên bố bảo lưu quy định này.

Bản dịch được gửi kèm theo Văn bản yêu cầu phải được chứng thực bởi viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự hoặc người dịch thuật có tuyên thệ hoặc bất kỳ người nào khác có thẩm quyền của mỗi Quốc gia thành viên.

- *Yêu cầu về hợp pháp hóa:*

Văn bản yêu cầu và tài liệu gửi kèm được miễn hợp pháp hóa hoặc các hình thức khác tương tự.

- *Số lượng Văn bản yêu cầu:*

Công ước Thu thập chứng cứ không quy định cụ thể số lượng Văn bản yêu cầu. Theo khuyến nghị của Hội nghị La Hay, Văn bản yêu cầu nên được lập thành 02 bản.

c. Chuyển giao Văn bản yêu cầu

- *Kênh chuyển giao chính:* Văn bản yêu cầu được chuyển giao trực tiếp từ Cơ quan yêu cầu tới Cơ quan trung ương (hoặc cơ quan khác được chỉ định để nhận Văn bản yêu cầu) của Quốc gia được yêu cầu. Sau khi nhận được Văn bản yêu cầu và các tài liệu kèm theo, Cơ quan trung ương của Quốc gia được yêu cầu sẽ chuyển Văn bản yêu cầu tới cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia này.

Công ước Thu thập chứng cứ không quy định việc chuyển giao Văn bản yêu cầu trong phạm vi Quốc gia yêu cầu. Do đó, vấn đề này phụ thuộc vào quy định pháp luật của Quốc gia yêu cầu.

- *Kênh chuyển giao bổ sung*: Công ước Thu thập chứng cứ không quy định các kênh chuyển giao Văn bản yêu cầu bổ sung, tuy nhiên, Công ước Thu thập chứng cứ cho phép các Quốc gia thành viên được thỏa thuận về các kênh chuyển giao bổ sung thông qua (1) thỏa thuận, (2) tham gia vào một điều ước quốc tế hoặc (3) tự tuyên bố.

Ngoài ra, Công ước Thu thập chứng cứ cũng quy định các Quốc gia thành viên có thể tuyên bố rằng Văn bản yêu cầu có thể được chuyển giao cho Cơ quan tư pháp của mình theo các kênh khác ngoài những kênh quy định tại Công ước Thu thập chứng cứ.

d. Thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 9)

Cơ quan tư pháp của Quốc gia được yêu cầu phải áp dụng pháp luật nước mình để thực hiện Văn bản yêu cầu hoặc theo cách thức và thủ tục đặc biệt mà Quốc gia gửi yêu cầu đề nghị, trừ khi việc thực hiện yêu cầu này không phù hợp với pháp luật của Quốc gia được yêu cầu hoặc không thể thực hiện được vì thông lệ hay thủ tục trong nước không cho phép hoặc vì những khó khăn thực tiễn.

Về thời gian, Công ước Thu thập chứng cứ chỉ quy định Văn bản yêu cầu phải được thực hiện một cách nhanh chóng.

e. Việc có mặt khi thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 7, Điều 8)

Công ước Thu thập chứng cứ quy định các đương sự hoặc Người được ủy quyền của họ có quyền có mặt khi thực hiện thu thập chứng cứ mà không cần sự cho phép của Quốc gia được yêu cầu (Điều 7). Khi có yêu cầu, các thông tin về thời gian địa điểm phải được gửi tới cơ quan yêu cầu hoặc, nếu Quốc gia gốc yêu cầu, gửi trực tiếp tới các đương sự hoặc Người được ủy quyền của họ.

Ngoài ra, Điều 8 Công ước Thu thập chứng cứ quy định cán bộ tư pháp của cơ quan yêu cầu của Quốc gia thành viên khác có thể có mặt khi thực hiện Văn bản yêu cầu. Việc có mặt này phải được sự đồng ý của Cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia được yêu cầu (nếu Quốc gia này đã đưa ra tuyên bố theo Điều 8 Công ước Thu thập chứng cứ).

f. Chi phí thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 14)

Việc thực hiện Văn bản yêu cầu không làm phát sinh chi phí hoặc thuế đối với Quốc gia yêu cầu. Mặc dù vậy, Quốc gia được yêu cầu có quyền yêu cầu Quốc gia yêu cầu thanh toán các khoản phí cho chuyên gia, thông dịch viên và chi phí phát sinh do việc thực hiện các thủ tục đặc biệt theo yêu cầu của Quốc gia yêu cầu.

Ngoài ra, trong trường hợp pháp luật của Quốc gia được yêu cầu quy định các bên có nghĩa vụ tự cung cấp chứng cứ và cơ quan được yêu cầu không thể tự thu

thập chứng cứ, cơ quan được yêu cầu có thể chỉ định một người phù hợp để thu thập chứng cứ sau khi có sự đồng ý của cơ quan yêu cầu. Cơ quan được yêu cầu phải nêu rõ chi phí dự kiến sẽ phát sinh từ thủ tục này. Nếu cơ quan yêu cầu đồng ý việc thực hiện thu thập chứng cứ thông qua cá nhân thì cơ quan này có nghĩa vụ chi trả mọi chi phí phát sinh. Cơ quan yêu cầu sẽ không phải trả chi phí thu thập chứng cứ nếu không có thỏa thuận trước với cơ quan được yêu cầu.

g. Quyền và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ (Điều 11)

Công ước Thu thập chứng cứ quy định một người có thể từ chối cung cấp chứng cứ trong phạm vi người đó có quyền không cung cấp hoặc có nghĩa vụ từ chối cung cấp theo (1) pháp luật của Quốc gia được yêu cầu; (2) pháp luật của Quốc gia yêu cầu với điều kiện quyền và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ đã được nêu cụ thể trong Văn bản yêu cầu (hoặc đã được Cơ quan yêu cầu xác nhận); (3) pháp luật của Quốc gia thứ ba nếu Quốc gia thành viên đã đưa ra tuyên bố tôn trọng các quyền và nghĩa vụ đó.

Theo Hội nghị La Hay, quyền và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ thường bao gồm phạm vi miễn trừ ngoại giao, miễn trừ quốc gia, bí mật nghề nghiệp, bí mật ngân hàng, bí mật thương mại, bảo vệ tài liệu...

h. Xác minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 13)

Văn bản xác minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu phải được gửi tới Cơ quan yêu cầu. Công ước Thu thập chứng cứ không quy định hình thức cụ thể của Văn bản xác minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu. Tuy nhiên, trên thực tế, hình thức của Văn bản xác minh phụ thuộc vào loại chứng cứ được thu thập hoặc hoạt động tư pháp khác được thực hiện (thư điện tử, giấy...). Văn bản xác minh việc thực hiện Văn bản yêu cầu có thể được gửi kèm với yêu cầu thanh toán các chi phí theo Điều 14 Công ước Thu thập chứng cứ.

Văn bản xác minh phải được gửi lại theo cùng kênh mà cơ quan yêu cầu đã sử dụng. Tuy nhiên, theo Điều 28.e Công ước Thu thập chứng cứ cho phép Quốc gia yêu cầu và Quốc gia được yêu cầu có thể thỏa thuận để gửi trả Văn bản xác minh theo kênh bổ sung.

i. Từ chối thực hiện Văn bản yêu cầu (Điều 12)

Việc thực hiện Văn bản yêu cầu có thể bị từ chối thực hiện trong trường hợp:

- Văn bản yêu cầu không tuân thủ các quy định của Công ước Thu thập chứng cứ;
- Văn bản yêu cầu tuân thủ quy định của Công ước Thu thập chứng cứ nhưng có thể bị từ chối thực hiện trong trường hợp quy định tại Điều 12 Công ước Thu thập chứng cứ, theo đó:

+ Việc thực hiện Văn bản yêu cầu không thuộc chức năng của cơ quan tư pháp của Quốc gia được yêu cầu;

+ Quốc gia yêu cầu thấy rằng, việc thực hiện yêu cầu có thể phương hại tới chủ quyền và an ninh quốc gia đó.

Ngoài ra, Văn bản yêu cầu thu thập chứng cứ và thông tin, tài liệu liên quan trước khi diễn ra phiên tòa như được biết đến ở các nước theo hệ thống thông luật có thể bị từ chối thực hiện nếu Quốc gia được yêu cầu tuyên bố không thực hiện theo Điều 23 Công ước Thu thập chứng cứ.

1.2.3. Thu thập chứng cứ thông qua kênh ngoại giao, lãnh sự hoặc Người được ủy quyền

Bên cạnh kênh thu thập chứng cứ truyền thống thông qua Văn bản yêu cầu, Chương II (từ Điều 15 đến Điều 21) Công ước Thu thập chứng cứ cũng quy định các kênh thu thập chứng cứ thông qua kênh ngoại giao, lãnh sự hoặc Người được ủy quyền.

Thẩm quyền thu thập chứng cứ của Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền phụ thuộc vào pháp luật quốc gia của mỗi nước. Trong trường hợp pháp luật quốc gia quy định cho phép Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền thu thập chứng cứ ở nước ngoài, Chương II Công ước Thu thập chứng cứ quy định Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập sẽ phải cho phép những người này thực thi thẩm quyền của mình theo những điều khoản và điều kiện được quy định theo Công ước Thu thập chứng cứ.

a. Khái niệm “Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền”:

Công ước Thu thập chứng cứ không quy định thế nào là Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền. Vấn đề này được quy định tại pháp luật của mỗi quốc gia.

b. Yêu cầu sự cho phép thu thập chứng cứ

Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự có thể thu thập chứng cứ đối với công dân của Quốc gia mình mà không cần sự cho phép trước từ *Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập (State of Execution)*, trừ trường hợp Quốc gia này tuyên bố viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự chỉ có thể thu thập chứng cứ khi có sự cho phép trước của nước này.

Ngoài ra, Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự chỉ có thể thu thập chứng cứ đối với công dân của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập hoặc của Quốc gia thứ ba nếu có sự cho phép trước từ Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập, trừ

trường hợp Quốc gia này tuyên bố viên chức ngoại giao hoặc viên chức lãnh sự có thể thu thập chứng cứ mà không cần sự cho phép trước.

Người được ủy quyền chỉ có thể thu thập chứng cứ khi có sự cho phép trước từ Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập, trừ trường hợp Quốc gia này tuyên bố Người được ủy quyền có thể thu thập chứng cứ mà không cần sự cho phép trước.

Cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập khi tiến hành xem xét và quyết định cho phép thu thập chứng cứ có thể đưa ra những yêu cầu thích hợp như: thời gian, địa điểm thu thập chứng cứ; thời hạn cụ thể; thông báo trước cho cơ quan có thẩm quyền về thời gian, địa điểm thu thập chứng cứ; sự có mặt của đại diện của cơ quan có thẩm quyền khi tiến hành thu thập chứng cứ; phạm vi lấy lời khai; phạm vi những tài liệu được thu thập; phạm vi xác minh bất động sản.

c. Thực hiện thu thập chứng cứ

Việc thu thập chứng cứ theo Chương II phải tuân thủ pháp luật của *Quốc gia yêu cầu (State of Origin)*. Đồng thời, Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền phải tuân thủ các điều kiện mà cơ quan có thẩm quyền của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập yêu cầu.

- Phạm vi chứng cứ được thu thập (điểm a Điều 21)

Công ước Thu thập chứng cứ quy định Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự có thể thu thập tất cả các loại chứng cứ mà không trái với pháp luật của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập.

- Phương pháp và thủ tục thu thập chứng cứ

Chứng cứ được thu thập theo phương thức được quy định theo pháp luật áp dụng tại các tòa án giải quyết vụ việc có yêu cầu thu thập chứng cứ với điều kiện phương thức đó không bị cấm bởi pháp luật của Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập (điểm d Điều 21 Công ước Thu thập chứng cứ). Quy định này đảm bảo chứng cứ thu thập được có thể sử dụng cho thủ tục tố tụng của Tòa án nơi giải quyết vụ việc.

Công ước Thu thập chứng cứ không cho phép Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền thu thập chứng cứ theo cách thức bắt buộc, cũng như không yêu cầu Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập phải cung cấp hỗ trợ để thu thập chứng cứ. Thay vào đó, Công ước Thu thập chứng cứ thiết lập cơ chế, theo đó Quốc gia nơi chứng cứ được thu thập sẽ xem xét cung cấp hỗ trợ để thu thập chứng cứ theo từng trường hợp cụ thể, khi có yêu cầu.

- Quyền và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ (điểm e Điều 21)

Đối với thu thập chứng cứ qua Viên chức ngoại giao, Viên chức lãnh sự hoặc Người được ủy quyền, Công ước Thu thập chứng cứ quy định một người được yêu cầu cung cấp chứng cứ có thể viện dẫn quyền không cung cấp chứng cứ và nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ được nêu ở Điều 11 Công ước Thu thập chứng cứ như được trình bày tại Mục 2.1.

- Chi phí

Công ước Thu thập chứng cứ không quy định về vấn đề chi phí liên quan tới thu thập chứng cứ theo Chương II Công ước Thu thập chứng cứ. Các chi phí này được xác định theo pháp luật trong nước.

2. Giới thiệu việc gia nhập Công ước Thu thập chứng cứ của Việt Nam

2.1. Bối cảnh gia nhập

Công ước Tổng đạt giấy tờ và Công ước Thu thập chứng cứ là cặp công cụ pháp lý đồng hành, hỗ trợ cho hoạt động TTTP, giúp giải quyết các vụ việc dân sự, thương mại một cách nhanh chóng, triệt để. Nhận thức được điều đó, để hoàn thiện thêm một bước cơ sở pháp lý quốc tế về hợp tác tương trợ tư pháp, sau 04 năm gia nhập Công ước Tổng đạt giấy tờ, ngày 04/3/2020, tại Phiên họp Hội đồng các vấn đề chung và chính sách của Hội nghị La Hay về tư pháp quốc tế diễn ra tại La Hay (Hà Lan), Việt Nam đã nộp Văn kiện gia nhập Công ước Thu thập chứng cứ.

Công ước có hiệu lực với Việt Nam từ ngày 3/5/2020. Tuy nhiên, Công ước chỉ có hiệu lực giữa quốc gia xin gia nhập và quốc gia thành viên khác của Công ước vào ngày thứ 60 khi quốc gia thành viên đó nộp văn kiện tuyên bố chấp nhận việc gia nhập của quốc gia xin gia nhập (Điều 39). Hiện nay, đã có 22 quốc gia chấp nhận việc gia nhập Công ước Thu thập chứng cứ của Việt Nam⁷⁰, cụ thể:

Stt	Quốc gia	Ngày chấp nhận	Ngày có hiệu lực
1.	Andorra	16-VI-2020	15-VIII-2020
2.	Argentina	10-III-2020	9-V-2020
3.	Australia	20-XII-2021	18-II-2022
4.	Brazil	17-IX-2020	16-XI-2020

⁷⁰ <https://www.hcch.net/en/instruments/conventions/status-table/acceptances/?mid=1436> (cập nhật 15/3/2022)

Stt	Quốc gia	Ngày chấp nhận	Ngày có hiệu lực
5.	Bulgaria	29-I-2021	30-III-2021
6.	China	<u>30-IV-2020</u>	29-VI-2020
7.	Colombia	9-II-2021	10-IV-2021
8.	Czech Republic	19-X-2020	18-XII-2020
9.	Finland	26-IV-2021	25-VI-2021
10.	Iceland	25-XI-2021	24-I-2022
11.	Israel	24-II-2022	25-IV-2022
12.	Latvia	26-I-2022	27-III-2022
13.	Luxembourg	20-XI-2020	19-I-2021
14.	Netherlands	<u>17-XII-2020</u>	15-II-2021
15.	Portugal	10-IX-2020	9-XI-2020
16.	Republic of Korea	16-II-2021	17-IV-2021
17.	Singapore	4-VI-2021	3-VIII-2021
18.	Slovakia	17-IV-2020	16-VI-2020
19.	Spain	12-I-2022	13-III-2022
20.	Sweden	20-X-2020	19-XII-2020
21.	Ukraine	10-IV-2020	9-VI-2020
22.	United States of America	4-X-2021	3-XII-2021

2.2. Tuyên bố, bảo lưu của Việt Nam khi gia nhập Công ước Thu thập chứng cứ

Theo quy định tại Điều 2, 33, khoản 1 Điều 4, Điều 23 của Công ước Thu thập chứng cứ, khi gia nhập, Việt Nam tuyên bố và bảo lưu một số nội dung như sau:

(i) Chỉ định Bộ Tư pháp là Cơ quan Trung ương.

(ii) Bảo lưu toàn bộ các quy định tại khoản 2 Điều 4 và Chương II Công ước.

(iii) Tuyên bố văn bản yêu cầu phải lập bằng tiếng Việt hoặc kèm theo bản dịch tiếng Việt.

(iv) Tuyên bố không thực hiện Văn bản yêu cầu để thu thập chứng cứ là các tài liệu liên quan trước khi diễn ra phiên tòa như được biết đến ở các nước theo hệ thống thông luật, trừ khi đáp ứng toàn bộ các điều kiện sau:

- vụ việc đã được tòa án có thẩm quyền thụ lý;

- tài liệu cần thu thập phải được xác định cụ thể trong yêu cầu về ngày tháng, chủ đề và nội dung thông tin liên quan và tình tiết chứng minh thông tin được tìm kiếm liên quan trực tiếp đến vụ việc được nêu;

- tài liệu liên quan đến người được yêu cầu hoặc do người đó nắm giữ, sở hữu.

PHỤ LỤC V - HƯỚNG DẪN TRA CỨU THÔNG TIN, THÀNH VIÊN CÔNG ƯỚC THU THẬP CHỨNG CỨ

1. Truy cập <https://www.hcch.net/en/home>

2. Chọn English



3. Chọn mục Evidence

4. Tra cứu các nước có quan hệ điều ước với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Thu thập chứng cứ

4.1. Chọn mục *Acceptances of accessions*

4.2. Tra cứu nhanh các nước có quan hệ điều ước với Việt Nam trong khuôn khổ Công ước Thu thập chứng cứ

- Chọn mục *Spreadsheet showing acceptances of accessions to the Evidence*

khuôn khổ Công ước Thu thập chứng cứ

- Chọn Status table

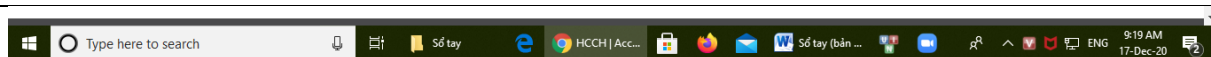


- Chọn chữ A trong dòng Viet Nam ở cột thứ tư*

Country	Signature	Accession	Status	Effective Date	Number of Instruments	Number of Projects	Number of Resolutions
Seychelles		7-I-2004	A*	7-III-2004	2		D
Singapore		27-X-1978	A*	26-XII-1978	1		D,Res
Slovakia		15-III-1993	Su	1-I-1993	2		D
Slovenia		18-IX-2000	A*	17-XI-2000	1		
South Africa		8-VII-1997	A*	6-IX-1997	3		D,Res
Spain	21-X-1976	22-V-1987	R	21-VII-1987	2		D,Res
Sri Lanka		31-VIII-2000	A*	30-X-2000	1		D,Res
Sweden	21-IV-1975	2-V-1975	R	1-VII-1975	1		D
Switzerland	21-V-1985	2-XI-1994	R	1-I-1995	3		D,Res
Turkey	13-XII-2000	13-VIII-2004	R	12-X-2004	2		D,Res
Ukraine		1-II-2001	A*	1-IV-2001	2		D,Res
United Kingdom of Great Britain and Northern Ireland	18-III-1970	16-VII-1976	R	14-IX-1976	8	3	D,N,Res
United States of America	27-VII-1970	8-VIII-1972	R	7-X-1972	3	3	D
Venezuela		1-XI-1993	A*	31-XII-1993	1		D,Res
Viet Nam		4-III-2020	A*	3-V-2020	1		D

1) S = Signature
2) R/A/Su = Ratification, Accession or Succession

- Thông tin về các quốc gia chấp nhận Việt Nam kể cả ngày tháng có hiệu lực của quan hệ điều ước.



5. Thông tin về Cơ quan Trung ương và yêu cầu về hồ sơ

5.1. Chọn mục Authorities

HCCH

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

EVIDENCE SECTION

Home / Instruments / Conventions, Protocols and Principles / Specialised Sections

Guide to Good Practice on the Use of Video-Link under the Evidence Convention

The Guide analyses the latest developments in relation to the use of video-link in the taking of evidence under the Evidence Convention, including references to internal law and other International agreements. It also outlines good practices to be followed and reflects the information provided by Contracting Parties in their respective Country Profiles.

The Guide to Good Practice is available [here](#).

Text of the Convention
Translations
Outline of the Convention

Central and other Authorities
Practical Handbook
Model for Letters of Request

Contracting Parties
How to read the status table
Acceptances of accessions

Specialised Section

- Full text
- Status table
- Authorities**
- Acceptances of accessions
- Practical operation documents
- Country Profiles
- Model Forms
- Questionnaires & Responses
- HCCH Publications
- Translations
- Case law
- Bibliography

Explanatory documents:

- Outline of the Convention
- Practical Handbook (2016)
- Explanatory Report of 1970
- Report of 1968 (containing additional explanations)

2:17 PM 25-Aug-20

Ví dụ: Chọn **Argentina** để biết thông tin cụ thể về Cơ quan Trung ương (Central Authority), yêu cầu dịch thuật (Translation requirements), chi phí (Cost) và các yêu cầu khác của nước này.

HCCH

MEMBERS & PARTIES INSTRUMENTS PROJECTS GOVERNANCE PUBLICATIONS & STUDIES

AUTHORITY

Home / Members & Parties / Authorities (per Party)

Argentina - Central Authority (Art. 2) and practical information

Central Authority(ies):
Ministerio de Relaciones Exteriores y Culto
(Ministry of Foreign Affairs and Worship)

Conventions (incl. Protocols and Principles)
Convention of 18 March 1970 on the Taking of Evidence Abroad in Civil or Commercial Matters [20]

Contact details:	
Address:	International Legal Assistance Department Office of the Legal Advisor Ministry of Foreign Affairs and Worship Esmeralda 1212, 4th floor, Of. 402 Ciudad Autónoma de Buenos Aires Argentina
Telephone:	+54 (11) 4819 7385
Fax:	+54 (11) 4819 7353
E-mail:	dajjn@mrecic.gov.ar
General website:	www.mrecic.gov.ar
Contact person:	Conrado Gastón IZURA Director of the International Legal Assistance Department

2:23 PM 25-Aug-20

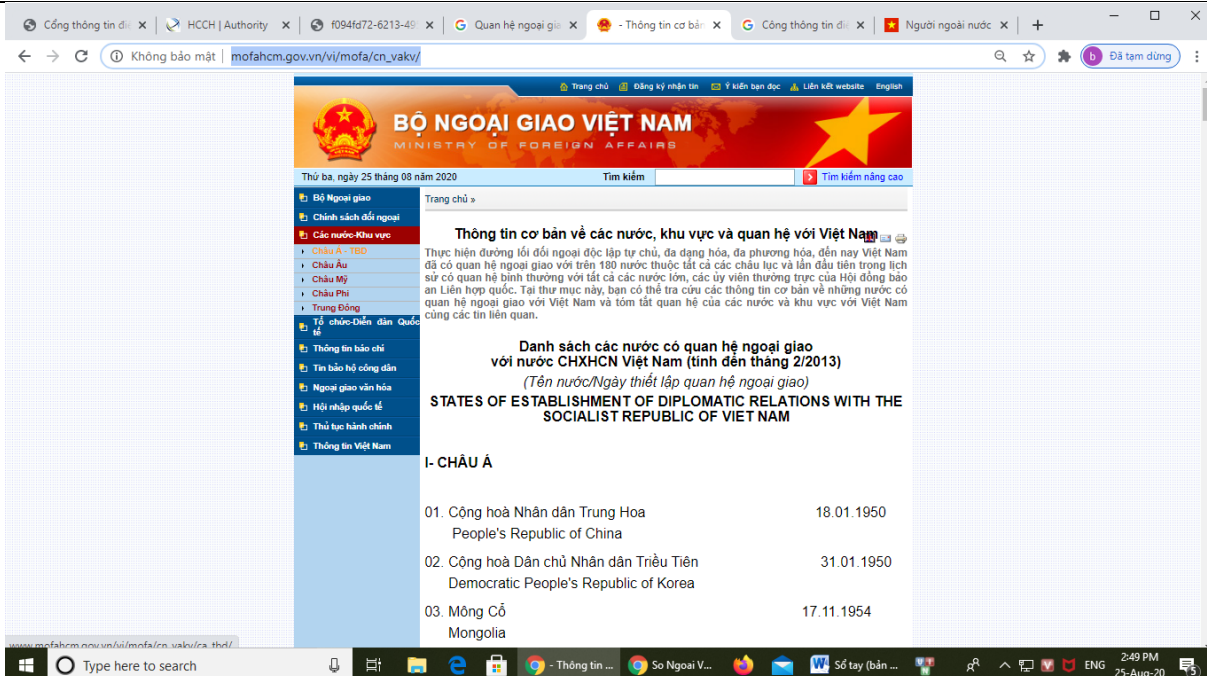
PHỤ LỤC VI - HƯỚNG DẪN TRA CỨU THÔNG TIN NGÔN NGỮ, CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI VÀ TRANG THÔNG TIN CỦA BỘ TƯ PHÁP

A. TRA CỨU THÔNG TIN NGÔN NGỮ ỦY THÁC TƯ PHÁP

Đối với các nước không phải là thành viên của Công ước Tổng đạt hay Công ước Thu thập chứng cứ, không ký kết Hiệp định với Việt Nam, việc tra cứu thông tin về ngôn ngữ có thể thực hiện theo cách sau:

1. Truy cập trang thông tin

https://www.mofa.gov.vn/vi/cn_vakv/



The screenshot shows the website of the Ministry of Foreign Affairs of Vietnam. The main heading is "BỘ NGOẠI GIAO VIỆT NAM" (MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS). The page title is "Thông tin cơ bản về các nước, khu vực và quan hệ với Việt Nam". Below the heading, there is a section titled "Danh sách các nước có quan hệ ngoại giao với nước CHXHCN Việt Nam (tính đến tháng 2/2013)" (List of states with which the Socialist Republic of Vietnam has established diplomatic relations as of February 2013). The page is organized into regions, with the first region being "I-CHÂU Á" (I-ASIA). A table lists the following countries and their dates of diplomatic relations:

STT	Tên nước	Ngày thiết lập quan hệ ngoại giao
01.	Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa People's Republic of China	18.01.1950
02.	Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên Democratic People's Republic of Korea	31.01.1950
03.	Mông Cổ Mongolia	17.11.1954

2. Chọn quốc gia theo khu vực (châu Á-TBD, châu Âu, châu Mỹ, châu Phi, Trung Đông)

Trong thông tin về các quốc gia này có phần ngôn ngữ chính thức của các quốc gia đó.

The screenshot shows a web browser window displaying the website mofahcm.gov.vn. The page is titled "Ma-lai-xi-a" and lists several news items. The left sidebar contains a navigation menu with categories like "Các nước-Khu vực", "Châu Á - TBD", "Châu Âu", "Châu Mỹ", "Châu Phi", "Trung Đông", "Tổ chức-Điện đàm Quốc tế", "Thông tin báo chí", "Tin báo hệ công dân", "Ngoại giao văn hóa", "Hội nhập quốc tế", "Thủ tục hành chính", and "Thông tin Việt Nam". The main content area shows a list of news items with dates and titles, such as "17-09-2020 Phát biểu của Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Thị Thu Hằng về việc Cơ quan thực thi pháp luật trên biển của Malaysia truy đuổi tàu cá Việt Nam và làm 01 ngư dân Việt Nam thiệt mạng".

3. Chọn mục **thông tin cơ bản về quan hệ Việt Nam và nước ngoài đó (ví dụ Ma-lai-xi-a)**.

B. TRA CỨU CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

1. Truy cập trang <https://lanhsuvietnam.gov.vn/default.aspx>

The screenshot shows the homepage of the website lanhsuvietnam.gov.vn. The page features a header with the logo of the Ministry of Foreign Affairs and the text "BỘ NGOẠI GIAO VIỆT NAM CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VỀ CÔNG TÁC LÃNH SỰ". Below the header, there are several service categories: "Giới thiệu chung", "Thủ tục hành chính", "Thủ tục Lãnh sự trực tuyến", "Thông tin đi lại", and "Tin tức đáng chú ý". Each category has a corresponding image and a list of services. For example, "Thủ tục hành chính" includes "Các thủ tục trong nước", "Các thủ tục ngoài nước", "Chính sách chất lượng", "Kiến nghị, phản ánh", and "Giờ làm việc (Working hours)".

2. Chọn mục Cơ quan lãnh sự ngoài nước

The screenshot shows the website of the Vietnamese Ministry of Foreign Affairs. The main heading is "CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VỀ CÔNG TÁC LÃNH SỰ". The page is titled "Cơ quan lãnh sự ngoài nước" (Overseas Consular Offices). A sidebar on the left lists navigation options: "Trang chủ", "Giới thiệu", "Thủ tục hành chính", "Thủ tục lãnh sự trực tuyến", "Thông tin đi lại", "Tin tức", "Visa Exemption to Vietnam", and "Visa Application Form". The main content area includes a sub-heading "Cơ quan lãnh sự ngoài nước" and a paragraph explaining the roles of Vietnamese consular offices. Below the text is a diagram showing the hierarchy: "BỘ NGOẠI GIAO CỤC LÃNH SỰ" at the top, leading to "ĐẠI SỨ QUẢN (PHÒNG BỘ PHẬN LÃNH SỰ)", which then branches into "TỔNG LÃNH SỰ QUẢN" and "LÃNH SỰ QUẢN".

3. Chọn mục các Đại sứ quán Việt Nam/ Các tổng lãnh sự quán Việt Nam/ Các Lãnh sự quán Việt Nam

The screenshot shows the website of the Vietnamese Ministry of Foreign Affairs. The main heading is "CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VỀ CÔNG TÁC LÃNH SỰ". The page is titled "Các Đại sứ quán Việt Nam ở nước ngoài" (Overseas Vietnamese Embassies). A sidebar on the left lists navigation options: "Trang chủ", "Giới thiệu", "Thủ tục hành chính", "Thủ tục lãnh sự trực tuyến", "Thông tin đi lại", "Tin tức", "Visa Exemption to Vietnam", and "Visa Application Form". The main content area includes a sub-heading "THÔNG TIN LIÊN HỆ CÁC CƠ QUAN ĐẠI DIỆN VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI" and a sub-heading "Địa chỉ website". The footer contains contact information for the Consular Council: "Bản quyền của Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao Việt Nam. Copyright by Consular Department - Vietnam Ministry of Foreign Affairs. Địa chỉ: 40 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội - Điện thoại: (+84 4) 3.7993125 - Fax: (+84 4) 3.8236928 - Email: cls.mfa@mofa.gov.vn".

Xem địa chỉ tại mục địa chỉ website.

The screenshot shows the homepage of the Vietnamese Diplomatic Missions website. At the top, there is a navigation bar with the text "Vietnamese Diplomatic MISSIONS" and a date "Thứ tư, 26/8/2020 | English". Below this is a large banner with the text "DANH SÁCH CÁC CƠ QUAN NGOẠI GIAO VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI" (List of Vietnamese Diplomatic Missions Abroad). The page is divided into two columns: "CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG" (Asia-Pacific) and "CHÂU ÂU" (Europe). Each column contains a numbered list of diplomatic missions.

CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG	CHÂU ÂU
1. Phái đoàn thường trực Việt Nam tại Asean	54. Đại sứ quán Việt Nam tại Áo
2. Đại sứ quán Việt Nam tại Ô-xtrây-li-a (Canberra)	55. Đại sứ quán Việt Nam tại Bê-la-rút
3. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Pôt (Perth)	56. Đại sứ quán Việt Nam tại Bỉ
4. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Xit-ni (Sydney)	57. Đại sứ quán Việt Nam tại Bun-ga-ri
5. Đại sứ quán Việt Nam tại Băng-la-đét (Dhaka)	58. Đại sứ quán Việt Nam tại Séc
6. Đại sứ quán Việt Nam tại Bru-nê-yê (Darussalam)	59. Đại sứ quán Việt Nam tại Đan Mạch
7. Đại sứ quán Việt Nam tại Cam-pu-chia (Phnompenh)	60. Đại sứ quán Việt Nam tại Anh
8. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Bát-tam-bang (Campuchia)	61. Đại sứ quán Việt Nam tại Phần Lan
9. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Xi-ha-núc-vin (Campuchia)	62. Đại sứ quán Việt Nam tại Pháp
10. Đại sứ quán Việt Nam tại Trung Hoa	63. Phái đoàn Việt Nam tại Giơ-ne-vơ
11. Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Quảng Châu (Trung Quốc)	64. Đại sứ quán Việt Nam tại Đức

C. TRA CỨU THÔNG TIN VỀ ỦY THÁC TƯ PHÁP TRÊN TRANG THÔNG TIN CỦA BỘ TƯ PHÁP

1. Truy cập trang thông tin điện tử của Bộ Tư pháp: moj.gov.vn

The screenshot shows the homepage of the Ministry of Justice website (moj.gov.vn). The page features a blue header with the Ministry's logo and name in both Vietnamese and English. Below the header, there is a search bar and a navigation menu. The main content area is divided into several sections: "TIN NỔI BẬT" (Featured News) and "THÔNG BÁO" (Announcements). The "TIN NỔI BẬT" section includes news items such as "Lãnh đạo Bộ Tư pháp thăm hỏi và tri ân các thế hệ lãnh đạo đi trước" and "Phát hành Tài liệu giới thiệu về Bộ Tư pháp bằng tiếng Anh". The "THÔNG BÁO" section includes announcements such as "Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sỹ đợt 2 năm 2020 tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh" and "Thông báo về việc đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự trợ giúp pháp lý năm 2020". At the bottom of the page, there is a banner for the 13th National Congress of the Communist Party of Vietnam.

2. Chọn mục **Pháp luật quốc tế**

The screenshot shows the homepage of the Ministry of Justice website. The page is organized into a grid of service icons and news items. The top navigation bar includes the Ministry of Justice logo and the text "CHUYÊN MỤC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP". Below this, there are several news items and service icons, including "CÔNG KHAI NGÂN SÁCH VÀ TÀI SẢN", "Bảo Pháp luật Việt Nam", "Bổ trợ tư pháp", "Bồi thường nhà nước", "Cải cách hành chính", "Công nghệ thông tin", "Cục Công tác phía Nam", "Cục Trợ giúp pháp lý", "Cục Quản lý XLVPHC & TĐTHPL", and "Cải cách Tư pháp". The right side of the page features a vertical list of service icons such as "triển Ngành Tư pháp", "Phổ biến giáo dục pháp luật", "Thanh tra, giải quyết KNKC và PCTN", "Pháp luật quốc tế", "Tập chí Dân chủ và Pháp luật", "Thi đua khen thưởng", "Hợp tác quốc tế về pháp luật", "Viện Khoa học pháp lý", "Thư viện Bộ Tư Pháp", and "Học viện Tư pháp". The bottom of the page has a search bar and a language selector set to "ENG".

3. Chọn mục Thông báo ở góc phải màn hình

The screenshot shows the same website but with the "Thông báo" (News) section highlighted on the right side. The page title is "TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ". The navigation bar includes "Công thông tin điện tử", "Trang chủ", "Giới thiệu", "Hướng dẫn nghiệp vụ", "Công văn", "Liên hệ", and "Đăng nhập". The main content area features a large image of a blood donation event with the caption "Lan tỏa phong trào hiến máu tình nguyện trong tuổi trẻ Bộ Tư pháp". Below this, there is a section titled "VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ 15 NĂM XÂY DỰNG VÀ TRƯỞNG THÀNH". The right sidebar contains a search bar and a "Thông báo" section with several news items, including "Công văn số 4378/BTP-PLOT ngày 06/11/2019 thông báo về việc ủy thác tư pháp về dân sự đi Né-pan, CHLB Đức, Ni-ca-ra-goa" and "Một số tài liệu liên quan đến Công ước các quyền dân sự - chính trị (Công ước ICCPR)". The bottom of the page has a search bar and a language selector set to "ENG".

4. Chọn mục Công văn hướng dẫn về UTTP

The screenshot shows the website 'TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ' (International Law Information Portal). The main content area displays a document titled 'Công văn số 4378/BTP-PLQT ngày 06/11/2019 thông báo về việc ủy thác tư pháp về dân sự đi Nê-pan, CHLB Đức, Ni-ca-ra-goa'. Below the title, there is a download link for the document: 'File đính kèm: 4378_1.PDF'. The right sidebar contains a search bar and a list of related news items, including 'Mọi số tài liệu liên quan đến Công ước các quyền dân sự - chính trị (Công ước ICCPR)' and 'Công văn số 475/BTP-PLQT ngày 15 tháng 2 năm 2019 hướng dẫn ủy thác tư pháp đi Latvia và Nhật Bản'. At the bottom, there is a banner for 'CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ CÁC QUYỀN DÂN SỰ VÀ CHÍNH TRỊ - ICCPR'.

5. Tra cứu thông tin về các điều ước quốc tế trong lĩnh vực tương trợ tư pháp về dân sự

5.1. Sau khi truy cập vào trang **Pháp luật quốc tế** như tại Mục 4

5.2. Chọn mục **Điều ước quốc tế**

The screenshot shows the website 'TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ' (International Law Information Portal). The main content area displays a list of international treaties, including 'Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị - ICCPR' and 'Công ước quốc tế về quyền của người cao tuổi ở Hàn Quốc'. The right sidebar contains a search bar and a list of related news items, including 'TÀI CHÍNH QUỐC TẾ', 'BA, QU LY HON/HUY KET HON CO YEU CAU TH, KHONG CONG NHAN TẠI VIỆT NAM', and 'CÔNG ƯỚC LAHAY VỀ TỒNG ĐẠT GIẤY TỜ'. At the bottom, there is a banner for 'CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT' and 'THỦ TỤC HÀNH CHÍNH'.

5.3. Chọn điều ước quốc tế tương ứng

The screenshot shows the website 'CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT'. The search results are for international treaties related to 'Tương trợ Tư pháp Có 10 bản ghi.' (Mutual Legal Assistance with 10 records).

Search Results Table:

STT	Trích yếu	Ngày/Trạng thái
1	Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	Ngày ký: 18/03/1970 Hiệu lực: ... Tình trạng: Còn hiệu lực
2	Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại	Ngày ký: 15/11/1965 Hiệu lực: ... Tình trạng: Còn hiệu lực

**PHỤ LỤC VII – DANH MỤC CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP
LUẬT TRONG LĨNH VỰC TTTP VỀ DÂN SỰ**

STT	VĂN BẢN
1.	Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015
2.	Luật tương trợ tư pháp năm 2007
3.	Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)
4.	Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án
5.	Nghị định 92/2008/NĐ-CP ngày 22/8/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật tương trợ tư pháp
6.	Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự
7.	Nghị định 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại
8.	Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp về dân sự
9.	Thông tư liên tịch số 01/2019/TTLT-TANDTC-BNG ngày 5/12/2019 quy định về trình tự, thủ tục phối hợp giữa tòa án nhân dân và cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài để thực hiện một số hoạt động tố tụng dân sự và tố tụng hành chính ở nước ngoài
10.	Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thực hiện UTTP về dân sự có yếu tố nước ngoài

PHỤ LỤC VIII – MỘT SỐ VÍ DỤ CỤ THỂ VÀ THÔNG TIN LIÊN HỆ

A. UTTP RA

1. Tổng đạt giấy tờ theo kênh chính Công ước Tổng đạt

Nội dung: Thẩm phán Dương Văn C, Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh Thái Nguyên đang giải quyết vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản giữa:

Nguyên đơn: bà Trần Thị A;

Địa chỉ: 29 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: ông Trần Văn B, Quốc tịch Hoa Kỳ;

Địa chỉ: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, The USA

Trong quá trình giải quyết vụ việc, TAND tỉnh Thái Nguyên cần xây dựng hồ sơ ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL ngày 30/9/2021 (Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL) theo quy định tại Điều 476 BLTTDS 2015 đối với bị đơn. Trong nội dung Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL có thông báo về thời gian mở phiên họp hòa giải, phiên tòa giải quyết vụ việc như sau: “Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên sẽ mở phiên họp hòa giải vào 8h00 ngày 27/4/2022. Phiên họp hòa giải sẽ được mở lại vào 8h00 ngày 28/5/2022. Phiên tòa sơ thẩm sẽ được mở vào hồi 8h00 ngày 02/8/2022 tại phòng 101, trụ sở TAND tỉnh Thái Nguyên”. Đồng thời tổng đạt Văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2021 (Văn bản số 15/TA-TB) yêu cầu ông Trần Văn B cung cấp ý kiến về các yêu cầu của bà Trần Thị A.

Để xây dựng hồ sơ ủy thác tư pháp, Tòa án cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định phạm vi yêu cầu UTTP: **Tổng đạt giấy tờ** (Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL và Văn bản số 15/TA-TB cho bị đơn)

- *Bước 2:* Xác định địa chỉ đương sự, quốc gia được yêu cầu thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ án này ông Trần Văn B, cư trú tại Hoa Kỳ. Hoa Kỳ là thành viên của Công ước Tổng đạt nên hồ sơ được lập theo hướng dẫn tại Phần 2 Mục IV.1.1.1 Sổ tay; ngôn ngữ UTTP là tiếng Anh.

- *Bước 3:* Lập hồ sơ – yêu cầu đương sự có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP

+ UTTP tổng đạt giấy tờ cho ông Trần Văn B đi Hoa Kỳ phải nộp: 200.000 đồng lệ phí UTTP theo quy định của Nghị quyết 326 tại Cơ quan thi hành án dân

sự tỉnh Thái Nguyên; chi phí thực tế UTTP trả cho Hoa Kỳ 95 đô la Mỹ chuyển khoản trực tiếp cho Công ty ABC Legal.

Lưu ý: Số tiền đương sự phải chuyển cho Công ty ABC Legal là 95 đô la Mỹ, các chi phí khác liên quan đến việc chuyển tiền do đương sự tự thanh toán với ngân hàng, không nằm trong số tiền 95 đô la Mỹ.

+ Hồ sơ tổng đạt giấy tờ cho ông Trần Văn B, gồm các giấy tờ sau:

Stt	Loại văn bản	Số lượng	Yêu cầu dịch thuật
1.	Bản chính Văn bản yêu cầu UTTP về dân sự gửi Bộ Tư pháp do Thẩm phán Dương Văn C ký (Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12)	01 bản	Không
2.	Văn bản UTTP gửi Công ty ABC Legal (theo Mẫu 02B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12) – lập song ngữ Việt - Anh hoặc kèm theo bản dịch tiếng Anh (các tiêu đề cần giữ nguyên)	03 bản	Có
3.	Bản chính hoặc bản sao Thông báo thụ lý vụ án số 12/TA-TBTL và Văn bản số 15/TA-TB, kèm theo bản dịch tiếng Anh được chứng thực hợp lệ sang ngôn ngữ chính thức của nước được yêu cầu hoặc ngôn ngữ khác được nước được yêu cầu chấp nhận	03 bản	Có
4.	Biên lai thu lệ phí	01 bản	Không
5.	Lệnh chuyển tiền xác nhận đã chuyển khoản chi phí thực tế cho ABC Legal	02 bản	Không

Cụ thể, các văn bản theo mẫu như sau:

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thái Nguyên, ngày tháng 10 năm 2021

Số: /TTTPDS-TA55
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

Địa chỉ: Khu dân cư số 7, phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên

Đang giải quyết vụ án (vụ việc) về: **việc tranh chấp thừa kế giữa**

Nguyên đơn: bà **Trần Thị A**

Địa chỉ: 29 Nguyễn Đình Chiểu, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: ông **Trần Văn B**, quốc tịch: **Hoa Kỳ**

Địa chỉ: **155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA.**

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên;**

Căn cứ vào Điều 5 Công ước La Hay năm 1965 về tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại và Điều 474, 476 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 11 và Điều 13 Luật tương trợ tư pháp năm 2007;

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **ABC Legal Services, 633 Yesler Way, Seattle, WA 98104, USA**

Để tiến hành việc: **tổng đạt thông báo thụ lý vụ án số 12/TBTL-TA ngày 30/9/2021 và văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2021.**

Đối với: **ông Trần Văn B**

Quốc tịch: **Hoa Kỳ;**

Địa chỉ: **155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA.**

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Dương Văn C

YÊU CẦU TỔNG ĐẠT RA NƯỚC NGOÀI GIẤY TỜ TƯ PHÁP VÀ NGOÀI TƯ PHÁP REQUEST FOR SERVICE ABROAD OF JUDICIAL OR EXTRAJUDICIAL DOCUMENTS	
Công ước về Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, ký tại La Hay, ngày 15/11/1965 Convention on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters, signed at The Hague, the 15th of November 1965	
Thông tin và địa chỉ của người có thẩm quyền gửi/Identity and address of the applicant: Bộ Tư pháp Việt Nam/The Ministry of Justice of Viet Nam Địa chỉ/Address: 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam/ 58-60 Tran Phu Street, Ba Dinh District, Ha Noi City, Viet Nam Điện thoại/Tel: (+84) 62739446 or (+84) 62739532 Email: mlavietnam@moj.gov.vn	Địa chỉ của người có thẩm quyền nhận/ Address of receiving authority: ABC Legal Services 633 Yesler Way, Seattle, WA 98104, USA Tel: +1 206 521 2979 Email: info@hagueservice.net
Người có thẩm quyền gửi ký tên dưới đây trân trọng chuyển các giấy tờ được liệt kê trong danh mục dưới đây (2 bộ) và yêu cầu tổng đạt ngay một bộ hồ sơ, theo Điều 5 Công ước nêu trên, đến người được tổng đạt là: The undersigned applicant has the honour to transmit – in duplicate – the documents listed below and, in conformity with Article 5 of the above-mentioned Convention, requests prompt service of one copy thereof on the addressee, i.e.:	
Thông tin và địa chỉ của người được tổng đạt/ Identity and address: Ông Trần Văn B/ Mr. Tran Van B Quốc tịch/Nationality: Hoa Kỳ/American Địa chỉ/ Address: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, USA	
<input checked="" type="checkbox"/>	a) phù hợp với các quy định tại điểm a đoạn 1 Điều 5 Công ước này in accordance with the provisions of sub-paragraph a) of the first paragraph of Article 5 of the Convention
<input type="checkbox"/>	b) phù hợp với phương thức cụ thể dưới đây (điểm b đoạn 1 Điều 5 Công ước này): in accordance with the following particular method (sub-paragraph b) of the first paragraph of Article 5):
<input type="checkbox"/>	c) bằng cách chuyển giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận (đoạn 2 Điều 5 Công ước này) by delivery to the addressee, if he accepts it voluntarily (second paragraph of Article 5)
Người có thẩm quyền được yêu cầu trả lại một bản sao các giấy tờ đã được cung cấp và các phụ lục kèm theo một Giấy xác nhận kết quả cho người có thẩm quyền gửi. The authority is requested to return or to have returned to the applicant a copy of the documents and of the annexes - with the attached certificate.	
Danh mục giấy tờ/ List of documents - Thông báo thụ lý vụ án số 12/TBTL-TA ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên The Notice of case acceptance No 12/TBTL-TA dated 30/9/2021 of the People's Court of Thai Nguyen province - Văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2021 Official document No 15/TA-TB dated 30/9/2021	
Lập tại/ Done at: Hà Nội/Ha Noi Ngày/dated:	Signature and/or stamp

CERTIFICATE XÁC NHẬN KẾT QUẢ TỔNG ĐẠT	
The undersigned authority has the honour to certify, in conformity with Article 6 of the Convention, Phù hợp với Điều 6 của Công ước này, người có thẩm quyền ký tên dưới đây trân trọng xác nhận rằng,	
<input type="checkbox"/>	1. That the document has been served*/ Giấy tờ đã được tổng đạt*
– the (date) / le (date)/ ngày:	
– at (place, street, number) tại (địa điểm, phố, số nhà)	
– in one of the following methods authorised by Article 5: bằng một trong các phương thức được phép tại Điều 5 Công ước như dưới đây:	
<input type="checkbox"/>	a) in accordance with the provisions of sub-paragraph a) of the first paragraph of Article 5 of the Convention* phù hợp với các quy định tại điểm a đoạn 1 Điều 5 Công ước *
<input type="checkbox"/>	b) in accordance with the following particular method*: phù hợp với phương thức cụ thể sau đây*:
<input type="checkbox"/>	c) by delivery to the addressee, if he accepts it voluntarily* chuyên giao cho người được tổng đạt, nếu người này tự nguyện nhận*
The documents referred to in the request have been delivered to: Giấy tờ nêu trong yêu cầu đã được chuyên giao đến:	
Identity and description of person: Thông tin cá nhân và mô tả chi tiết về người được giao giấy tờ	
Relationship to the addressee (family, business or other): Quan hệ với người được tổng đạt (gia đình, kinh doanh hay quan hệ khác)	
<input type="checkbox"/>	2. that the document has not been served, by reason of the following facts*: Giấy tờ chưa được tổng đạt, với lý do sau:
<input type="checkbox"/>	In conformity with the second paragraph of Article 12 of the Convention, the applicant is requested to pay or reimburse the expenses detailed in the attached statement*. Phù hợp với đoạn 2 Điều 12 của Công ước này, người có thẩm quyền yêu cầu được đề nghị thanh toán hoặc hoàn trả các chi phí chi tiết kê khai kèm theo*:
<i>Annexes/Các phụ lục</i>	
Documents returned Giấy tờ trả lại	
In appropriate cases, documents establishing the service: Trong trường hợp thích hợp, giấy tờ chứng minh việc tổng đạt	
* if appropriate/Nếu có	
Done at/ Lập tại Date/ Ngày	Signature and/or stamp (Chữ ký và/ hoặc đóng dấu)

NỘI DUNG TÓM TẮT GIẤY TỜ ĐƯỢC TỔNG ĐẠT SUMMARY OF THE DOCUMENT TO BE SERVED	
Công ước Tổng đạt ra nước ngoài giấy tờ tư pháp và ngoài tư pháp trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, ký tại La Hay ngày 15/11/1965 (Điều 5 đoạn 4) Convention on the Service Abroad of Judicial and Extrajudicial Documents in Civil or Commercial Matters, signed at The Hague, the 15th of November 1965 (Article 5, fourth paragraph).	
Tên và địa chỉ của người có thẩm quyền yêu cầu: Name and address of the requesting authority	Bộ Tư pháp Việt Nam The Ministry of Justice of Viet Nam Địa chỉ/Address: 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam/ 58-60 Tran Phu Street, Ba Dinh District, Ha Noi City, Viet Nam Điện thoại/Tel: (+84) 62739446 or (+84) 62739532 Email: mlavietnam@moj.gov.vn
Chi tiết về các bên* Particulars of the parties*:	Nguyên đơn/Petitioner: Bà Trần Thị A/Mrs Tran Thi A Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnamese; Địa chỉ/Address: tỉnh Thái Nguyên/Thái Nguyên Province Bị đơn/Respondent: Ông Trần Văn B/Mr Tran Van B Quốc tịch/Nationality: Hoa Kỳ/American Địa chỉ/Address: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, the USA
*Thông tin và địa chỉ của người có liên quan đến việc chuyển giao giấy tờ, nếu có * If appropriate, identity and address of the person interested in the transmission of the document	
<input checked="" type="checkbox"/> GIẤY TỜ TƯ PHÁP **/JUDICIAL DOCUMENT**	
Bản chất và mục đích của giấy tờ Nature and purpose of the document	- Thông báo thụ lý vụ án số 12/TBTL-TA ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên The Notice of case acceptance No 12/TBTL-TA dated 30/9/2021 of the People's Court of Thai Nguyen province - Văn bản số 15/TA-TB ngày 30/9/2021 Official document No 15/TA-TB dated 30/9/2021
Bản chất và mục đích của thủ tục tố tụng và, nếu có, giá trị tranh chấp: Nature and purpose of the proceedings and, when appropriate, the amount in dispute	Tranh chấp về thừa kế Dispute of succession
Ngày và nơi cần có mặt**: Date and Place for entering appearance**	Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên sẽ mở phiên họp hòa giải vào 8h00 ngày 27/4/2022. Phiên họp hòa giải sẽ được mở lại vào 8h00 ngày 28/5/2022. Phiên tòa sơ thẩm sẽ được mở vào hồi 8h00 ngày 02/8/2022 tại phòng 101, trụ sở TAND tỉnh Thái Nguyên. The People's Court of Thai Nguyen province shall hold a reconciliation meeting at 8.00 am on April 27, 2022; the meeting shall be held again at 8.00 am on May 28, 2022. The first-instance court hearing shall be held at 8.00 am on August 02, 2022 at room 101, the headquarter of the People's Court of Thai Nguyen province.
Tòa án đã ra phán quyết**: Court which has given judgment**	Not applicable
Ngày ra phán quyết**: Date of judgment**	Not applicable
Thời hạn nêu trong giấy tờ**: Time limits stated in the document**	Not applicable
** if appropriate/ ** nếu có	
<input type="checkbox"/> GIẤY TỜ NGOÀI TƯ PHÁP **/EXTRAJUDICIAL DOCUMENT**	
Bản chất và mục đích của giấy tờ: Nature and purpose of the document:	Not applicable
Thời hạn nêu trong giấy tờ ** Time-limits stated in the document**:	Not applicable
** nếu có/ ** if appropriate	

Lưu ý điền Mẫu 02B:

Mục 12 Hướng dẫn sử dụng Mẫu 02B ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12, hướng dẫn điền phần “Chi tiết về các bên” thực hiện như mục 3. Tuy nhiên, để tránh trường hợp cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nhầm lẫn hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổng đạt giấy tờ lưu ý nên ghi đầy đủ nguyên đơn, bị đơn trong vụ việc. Trường hợp người nhận giấy tờ là người có quyền và nghĩa vụ

liên quan thì phải nêu rõ nội dung này.

Ví dụ: trong vụ việc nêu trên người nhận giấy tờ là ông Bùi Minh D có địa chỉ tại 123 Palm Dr, Lancaster, TX 75146, USA (Hoa Kỳ) là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thì phần chi tiết về các bên sẽ ghi là:

<p>Chi tiết về các bên*</p> <p>Particulars of the parties*:</p>	<p>Nguyên đơn/Petitioner: Bà Trần Thị A/Mrs Tran Thi A</p> <p>Quốc tịch/Nationality: Việt Nam/Vietnamese;</p> <p>Địa chỉ/Address: tỉnh Thái Nguyên/Thái Nguyên Province</p> <p>Bị đơn/Respondent: Ông Trần Văn B/Mr Tran Van B</p> <p>Quốc tịch/Nationality: Hoa Kỳ/American</p> <p>Địa chỉ/Address: 155 Cimarron Ave, Gardenea CA 90249, the USA</p> <p>Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan/ Related person: Bùi Minh D</p> <p>Address: 123 Palm Dr, Lancaster, TX 75146, USA</p>
---	--

II. Ủy thác tư pháp thu thập chứng cứ theo Công ước Thu thập chứng cứ

Nội dung: Thẩm phán Quách Thanh B, TAND thành phố Cần Thơ giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Q

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: Ấp Bờ Bao, xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh Bang Wooman

Quốc tịch: Hàn Quốc.

Địa chỉ: 1384 Namwon-ri, Namwon-eup, Seogwipo-si, Jeju-do, Hàn Quốc.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND thành phố Cần Thơ cần thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Bang Wooman về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Nguyễn Thị Q.

Để thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Bang Wooman, TAND thành phố Cần Thơ cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định phạm vi yêu cầu: **Thu thập chứng cứ lấy lời khai của bị đơn.**

- *Bước 2:* Xác định địa chỉ, quốc gia được yêu cầu thực hiện UTTP thu thập chứng cứ lấy lời khai để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ án này anh Bang Wooman, hiện cư trú tại Hàn Quốc – thành viên Công ước Thu thập chứng cứ, đã tuyên bố đồng ý hồ sơ gia nhập của Việt Nam ngày 16/2/2021, Công ước có hiệu lực giữa 02 nước từ ngày 17/4/2021.

- *Bước 3*: Lập hồ sơ và yêu cầu chị Nguyễn Thị Q nộp phí/lệ phí, chi phí thực tế.

+ UTTP thu thập chứng cứ cho anh Bang Wooman đi Hàn Quốc phải nộp: 200.000 đồng lệ phí UTTP theo quy định của Nghị quyết 326 tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ; nộp tạm ứng chi phí UTTP 3.000.000 đồng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 do Hàn Quốc sẽ yêu cầu bồi hoàn các chi phí để thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ theo Điều 14 (2) Công ước Thu thập chứng cứ.

+ Hồ sơ vẫn thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19/10/2016 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Tòa án nhân dân tối cao quy định trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp về dân sự bao gồm:

Stt	Loại văn bản	Số lượng	Yêu cầu dịch thuật
1.	Văn bản yêu cầu UTTP gửi Bộ Tư pháp - Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12	01 bản	Không
2.	Văn bản UTTP gửi Cơ quan Trung ương của Hàn Quốc theo Mẫu 2A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12 với một số nội dung cụ thể hơn. Mặc dù chi tiết hơn, Mẫu 2A cần được lập ngắn gọn, rõ ràng để cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài có thể hiểu về mối liên hệ giữa chứng cứ cần thu thập và vụ việc. Kèm theo bản dịch tiếng Hàn Quốc .	03 bản	Có
3.	Biên lai thu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài	01 bản	Không
4.	Biên lai thu tạm ứng chi phí thực tế tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ	01 bản	Không
5.	Giấy tờ có liên quan	03 bản	Có

Cụ thể, các văn bản theo mẫu như sau:

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTTPDS-TA14
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Cần Thơ, ngày tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ

Địa chỉ: 17A Nguyễn Văn Cừ, An Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ
Đang giải quyết vụ án: **tranh chấp hôn nhân gia đình, giữa:**

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Q

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: Ấp Bờ Bao, xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh Bang Wooman

Quốc tịch: Hàn Quốc.

Địa chỉ: 1384 Namwon-ri, Namwon-eup, Seogwipo-si, Jeju-do, Hàn Quốc.

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;**

Căn cứ Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại, Điều 475 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007,

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Cục Quản lý tòa án quốc gia Hàn Quốc**

Để tiến hành việc: thu thập chứng cứ lấy lời khai

Đối với: **anh Bang Wooman**

Quốc tịch: Hàn Quốc;

Địa chỉ: 1384 Namwon-ri, Namwon-eup, Seogwipo-si, Jeju-do, Hàn Quốc.

Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Quách Thanh B

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTPDS-TA14
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Cần Thơ, ngày tháng 10 năm 2021

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ
Công ước La Hay năm 1970 về thu thập chứng cứ ở nước ngoài trong lĩnh vực dân sự hoặc thương mại
(Hague Convention of 18 March 1970 on the Taking of Evidence Abroad in Civil or Commercial Matters)

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp	National Court Administration - Attn: Director of International Affairs Seocho-daero 219, Seocho-gu, SEOUL 06590, Republic of Korea
Địa chỉ:	
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ 17A Nguyễn Văn Cừ, An Bình, Ninh Kiều, Cần Thơ 012345678 tandtx@gmail.com
3. Họ tên thẩm phán giải quyết vụ việc	Quách Thanh B Điện thoại liên hệ: 098.123456 QuachThanhB@gmail.com
4. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp (người cần được hỏi hoặc người đang giữ tài liệu, đồ vật cần thu thập)	Anh Bang Wooman Quốc tịch: Hàn Quốc. Địa chỉ: 1384 Namwon-ri, Namwon-eup, Seogwipo-si, Jeju-do, Hàn Quốc
5. Công việc ủy thác tư pháp	Thu thập, cung cấp chứng cứ lời khai của anh Bang Wooman (bản câu hỏi kèm theo) về quan hệ hôn nhân, tài sản và con cái của anh và vợ là chị Nguyễn Thị Q Lưu ý- Mô tả cụ thể chứng cứ cần thu thập (Bản câu hỏi để lấy lời khai của người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp; giấy tờ, đồ vật cần được thu thập, thẩm tra); - Mục đích của chứng cứ, mối liên hệ của chứng cứ với vụ việc, cách thức chứng cứ được sử dụng trong thủ tục tố tụng.
6. Tóm tắt nội dung vụ việc	Vụ án thụ lý số xx/ 2021/TLST-HNGĐ về tranh chấp ly hôn giữa - <i>Nguyên đơn</i> : Chị Nguyễn Thị Q Quốc tịch: Việt Nam. Địa chỉ: Ấp Bờ Bao, xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. - <i>Bị đơn</i> : Anh Bang Wooman Quốc tịch: Hàn Quốc. Địa chỉ: 1384 Namwon-ri, Namwon-eup, Seogwipo-si, Jeju-do, Hàn Quốc. Chị Q yêu cầu ly hôn với anh Bang Wooman do hai bên sống xa cách không còn quan tâm đến nhau, hai người không có tài sản chung, nợ chung và con chung Tòa án Việt Nam cần biết ý kiến của anh Bang Wooman về yêu cầu khởi kiện của chị Q. Anh Bang phải nộp các tài liệu, đồ vật chứng minh cho yêu cầu hoặc ý kiến của mình (nếu có). Lưu ý- Tên của vụ việc (số hồ sơ, số thụ lý) - Tên, địa chỉ, số điện thoại, email của các đương sự và đại diện của họ: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan - Loại vụ việc: tranh chấp ly hôn, tranh chấp hợp đồng, tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng... - Tóm tắt yêu cầu khởi kiện

	<ul style="list-style-type: none"> - Tóm tắt ý kiến trả lời của bị đơn và yêu cầu phản tố - Các ý kiến và thông tin cần thiết khác <p>Đặc biệt là các ý kiến liên quan đến chứng cứ cần thu thập.</p>
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng	<p>Điều 56, Khoản 1 Điều 127 Luật hôn nhân gia đình</p> <p>Điều 56 Ly hôn theo yêu cầu của một bên</p> <p>Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được</p> <p>Điều 127</p> <p>Điều 127. Ly hôn có yếu tố nước ngoài</p> <p>1. Việc ly hôn giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài, giữa người nước ngoài với nhau thường trú ở Việt Nam được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam theo quy định của Luật này.</p> <p>Lưu ý: Điều luật liên quan trực tiếp đến nội dung của vụ việc và chứng cứ cần thu thập</p>
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp	Theo biện pháp được nêu trong pháp luật quốc gia của nước được yêu cầu
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp	<ul style="list-style-type: none"> - Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày 16/5/2022 và thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời. - Lý do của việc cần thực hiện sớm yêu cầu:
10. Khác	<ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu thông báo về thời gian và địa điểm tiến hành thu thập chứng cứ để các bên liên quan và đại diện của họ có thể có mặt (nêu rõ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền yêu cầu hay thông báo trực tiếp cho các bên hoặc người đại diện của họ) - theo Điều 7 Công ước. - Quyền hoặc nghĩa vụ từ chối cung cấp chứng cứ theo pháp luật Việt Nam (theo điểm b đoạn 1 Điều 11 Công ước). - Người có nghĩa vụ thanh toán chi phí phát sinh.

Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN**(đã ký)****Quách Thanh B**

III. UTTP thu thập chứng cứ theo kênh Hiệp định

Nội dung: Thẩm phán Đỗ Ngọc A, TAND tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Ánh N

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 443 Lê Trực, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Josep Cupka

Quốc tịch: Ba Lan.

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND tỉnh Thanh Hóa cần thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Josep Cupka về yêu cầu ly hôn, nuôi con chung của chị Lương Ánh N.

Để thực hiện yêu cầu thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Josep Cupka, TAND tỉnh Thanh Hóa cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định phạm vi yêu cầu: Thu thập chứng cứ lấy lời khai của bị đơn

- *Bước 2:* Xác định địa chỉ, quốc gia được yêu cầu thực hiện UTTP thu thập chứng cứ lấy lời khai để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ án này anh Josep Cupka– quốc tịch Ba Lan, hiện cư trú tại Ba Lan, giữa Ba Lan và Việt Nam hiện có Hiệp định TTTP về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự do đó việc UTTP thu thập chứng cứ cần thực hiện theo Hiệp định này; ngôn ngữ UTTP tiếng Việt kèm bản dịch tiếng Ba Lan.

- *Bước 3:* Lập hồ sơ và yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP nộp phí/lệ phí, chi phí thực tế

+ UTTP thu thập chứng cứ lấy lời khai của anh Josep Cupka đi Ba Lan phải nộp: 200.000 đồng lệ phí UTTP theo quy định của Nghị quyết 326 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa; không phải nộp tạm ứng chi phí UTTP theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 do Ba Lan có ký kết Hiệp định với Việt Nam.

+ Hồ sơ UTTP thu thập chứng cứ đối với anh Josep Cupka bao gồm:

Stt	Loại văn bản	Số lượng	Yêu cầu dịch thuật
1.	Văn bản yêu cầu UTTP gửi Bộ Tư pháp - Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.	01 bản	Không
2.	Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Ba Lan theo Mẫu 2A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12, kèm theo bản dịch tiếng Ba Lan.	03 bản	Có
3.	Biên lai thu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.	01 bản	Không

Cụ thể, các văn bản theo mẫu như sau:

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTPDS-TA56
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ: 45 Đường Hạc Thành, P Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá
Đang giải quyết vụ án: **tranh chấp hôn nhân gia đình, giữa:**

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Ánh N

Quốc tịch: Việt Nam.

Địa chỉ: 443 Lê Trực, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Josep Cupka

Quốc tịch: Ba Lan.

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;**

Căn cứ **Điều 5 Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Ba Lan, Điều 475 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007,**

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Ba Lan**

Để tiến hành việc: thu thập chứng cứ lấy lời khai

Đối với: **anh Josep Cupka**

Quốc tịch: Ba Lan;

Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đỗ Ngọc A

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTPDS-TA56
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Thanh Hóa, ngày tháng 10 năm 2021

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa Ba Lan
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa 45 Đường Hạc Thành, P Ba Đình, Thành phố Thanh Hoá 02373856506 tandth@gmail.com
3. Họ tên thẩm phán giải quyết vụ việc	Đỗ Ngọc A Điện thoại liên hệ: 093.123456 dongoca@gmail.com
4. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	anh Josep Cupka Quốc tịch: Ba Lan Địa chỉ: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland
5. Công việc ủy thác tư pháp	Thu thập, cung cấp chứng cứ (Kèm theo là bản câu hỏi để lấy lời khai của của ông Josep Cupka)
6. Tóm tắt nội dung vụ việc	Tranh chấp hôn nhân gia đình giữa: - Nguyên đơn: Chị Lương Ánh N, quốc tịch Việt Nam và - Bị đơn: anh Josep Cupka, quốc tịch Ba Lan, cư trú tại: Resorowa, 58, 02-956, Warszawa, Poland.
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng	Căn cứ vào Điều 5 Hiệp định Tương trợ tư pháp về các vấn đề dân sự, gia đình và hình sự giữa nước CHXHCN Việt Nam và nước CH Ba Lan, Điều 475 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp	Theo biện pháp được nêu trong pháp luật quốc gia của Ba Lan
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp	Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày 27 tháng 4 năm 2022 và thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời.

Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đỗ Ngọc A

Lưu ý điền mẫu 02A:

Mục 4 hướng dẫn sử dụng Mẫu 02A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12 hướng dẫn điền tên cơ quan được ủy thác tư pháp như mục (8) Mẫu 01. Tuy nhiên, hướng dẫn này

có sự nhầm lẫn, tại mục này cơ quan yêu cầu UTTP điền tên, địa chỉ của cơ quan có thẩm quyền thực hiện UTTP được yêu cầu. Trường hợp không xác định được thì ghi chung là Cơ quan có thẩm quyền của quốc gia được yêu cầu.

IV. UTTP tổng đạt giấy tờ theo kênh ngoại giao không có điều ước quốc tế với Việt Nam

Nội dung: Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu (Chấp hành viên Nguyễn Anh T), đang giải quyết đề nghị thi hành Bản án số 34/2021/DSST ngày 29/02/2021 của TAND tỉnh Bạc Liêu theo đơn yêu cầu của anh Lê Quốc N, địa chỉ: 63 Hùng Vương, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu đối với người phải thi hành án là chị Luhut Binsar Pandjaitan, Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a, địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia.

Quá trình giải quyết vụ việc, Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu cần thông báo cho người phải thi hành án về Quyết định thi hành án số 404/THA-YC ngày 03/10/2021.

Để lập hồ sơ UTTP, Cục Thi hành án dân sự cần tiến hành các bước sau:

- *Bước 1:* Xác định phạm vi yêu cầu: tổng đạt giấy tờ.

- *Bước 2:* Xác định địa chỉ, quốc gia được yêu cầu thực hiện UTTP tổng đạt giấy tờ để lập hồ sơ yêu cầu đúng quy định.

Trong vụ việc này chị Luhut Binsar Pandjaitan quốc tịch In-đô-nê-xi-a, cư trú tại In-đô-nê-xi-a, Việt Nam và In-đô-nê-xi-a không có quan hệ điều ước quốc tế (In-đô-nê-xi a không phải là thành viên Công ước Tổng đạt và không ký kết Hiệp định với Việt Nam) nên hồ sơ được lập theo hướng dẫn tại Mục IV.1.3 Sổ tay hướng dẫn thực hiện TTTP về dân sự; ngôn ngữ UTTP tiếng Việt kèm bản dịch tiếng In-đô-nê-xi-a

- *Bước 3:* Lập hồ sơ và yêu cầu người có nghĩa vụ nộp chi phí UTTP nộp phí/lệ phí, chi phí thực tế

+ UTTP tổng đạt giấy tờ đi In-đô-nê-xi-a, người yêu cầu phải nộp: 150.000 đồng phí UTTP theo quy định tại Thông tư 203/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 tại Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu; nộp tạm ứng 3.000.000 đồng chi phí theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch 12 do giữa In-đô-nê-xi-a và Việt Nam không có điều ước quốc tế về TTTP và phí UTTP của In-đô-nê-xi-a chưa được xác định.

+ Hồ sơ tổng đạt giấy tờ cho chị Luhut Binsar Pandjaitan, gồm:

Stt	Loại văn bản	Số lượng	Yêu cầu dịch thuật
1.	Văn bản yêu cầu UTTP gửi Bộ Tư pháp - Mẫu 01 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.	01 bản	Không
2.	Văn bản UTTP gửi Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa In-đô-nê-xi-a theo Mẫu 2A ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12, kèm theo bản dịch tiếng In-đô-nê-xi-a .	03 bản	Có
3.	Bản chính hoặc bản sao Quyết định thi hành án số 404/THA-YC ngày 03/10/2021, kèm theo bản dịch In-đô-nê-xi-a được chứng thực hợp lệ.	03 bản	Có
4.	Biên lai thu phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài	01 bản	Không
5.	Biên lai thu tạm ứng chi phí thực tế tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu	01 bản	Không

Cụ thể, các văn bản theo mẫu như sau:

Bạc Liêu, ngày tháng 10 năm 2021

Số: /TTTPDS-THA3
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu

Địa chỉ: Đường Lộc Ninh, Khóm 7, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

Đang giải quyết việc thi hành án dân sự giữa:

Người được thi hành: Anh Lê Quốc N

Địa chỉ: 63 Hùng Vương, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

Người phải thi hành: Chị Luhut Binsar Pandjaitan

Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a

Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia

Xét thấy việc uỷ thác tư pháp là cần thiết cho việc giải quyết vụ việc, **Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu;**

Căn cứ vào Điều 181 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định uỷ thác tư pháp cho: **Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa In-đô-nê-xi-a**

Để tiến hành việc: **tổng đạt văn bản**

Đối với: **chị Luhut Binsar Pandjaitan**

Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a;

Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu đề nghị Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ uỷ thác tư pháp này tới cơ quan có thẩm quyền và gửi kết quả về **Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu** trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

CHẤP HÀNH VIÊN

(đã ký)

Nguyễn Anh T

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTPDS-THA3
V/v tương trợ tư pháp (lần 1)

Bạc Liêu, ngày tháng 10 năm 2021

VĂN BẢN ỦY THÁC TƯ PHÁP VỀ DÂN SỰ

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp Địa chỉ:	Cơ quan có thẩm quyền của Cộng hòa In-đô-nê-xi-a
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: Số điện thoại: Email:	Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu Địa chỉ: Đường Lộc Ninh, Khóm 7, Phường 1, Thành Phố Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. Điện thoại: 02913.959.353 Thư điện tử: baclieu@moj.gov.vn
3. Họ tên chấp hành viên giải quyết vụ việc	Nguyễn Anh T ĐT: 097.123456; email: nguyenanht@gmail.com
4. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	Chị Luhut Binsar Pandjaitan Quốc tịch: In-đô-nê-xi-a; Địa chỉ: Jl. Teuku Umar. No 49, Jakarta Pusat, Jakarta, Indonesia
5. Công việc ủy thác tư pháp	Tổng đạt giấy tờ: Quyết định thi hành án số 404/THA-YC ngày 03/10/2021
6. Tóm tắt nội dung vụ việc	Giải quyết yêu cầu thi hành án dân sự của anh Lê Quốc N đối với người phải thi hành là chị Luhut Binsar Pandjaitan
7. Trích dẫn điều luật có thể áp dụng	Căn cứ vào Điều 181 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); Điều 11, 13 Luật Tương trợ tư pháp năm 2007 và Điều 50 Nghị định số 62/2015/NĐ- CP ngày 18/7/2015 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự
8. Các biện pháp thực hiện ủy thác tư pháp (11)	Theo biện pháp được quy định theo pháp luật của In-đô-nê-xi-a
9. Thời hạn thực hiện ủy thác tư pháp	Đề nghị cơ quan được yêu cầu thực hiện ủy thác tư pháp trước ngày 27 tháng 4 năm 2022 và thông báo kết quả cho cơ quan ủy thác tư pháp theo tên và địa chỉ trong văn bản ủy thác tư pháp. Trường hợp không thực hiện được ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo ngay cho cơ quan yêu cầu và nêu rõ lý do không thực hiện được trong văn bản trả lời.

Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của Quý Cơ quan. Trường hợp cần bổ sung thông tin để thực hiện ủy thác tư pháp, đề nghị cơ quan được yêu cầu thông báo lại bằng văn bản hoặc qua địa chỉ email nêu trên cho Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục trưởng (để b/c);
- Lưu hồ sơ vụ việc, VP.

CHẤP HÀNH VIÊN

(đã ký)

Nguyễn Anh T

B. UTTP VÀO

Nội dung: Bộ Tư pháp nhận được hồ sơ UTTP tổng đạt giấy tờ của Bộ Tư pháp Lãnh thổ Đài Loan, đề nghị thực hiện việc tổng đạt giấy tờ là Giấy triệu tập phiên tòa của Tòa án thành phố Đài Bắc cho người được yêu cầu là chị Nguyễn Thị P, có địa chỉ tại 78 Phú Lợi, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi nghiên cứu, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ UTTP, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 348/BTP-PLQT ngày 30/8/2021 gửi toàn bộ hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thực hiện.

Ngày 05/10/2021, TAND tỉnh Sóc Trăng đã thực hiện tổng đạt Giấy triệu tập cho chị Nguyễn Thị P bằng phương thức giao cho mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị P là bà Lê Thị D, hiện sống chung cùng chị P.

Toà án phải lập hồ sơ trả kết quả cho Bộ Tư pháp theo hướng dẫn tại Phần 2 Mục B.V.2.2 của Sổ tay hướng dẫn TTTP dân sự, hồ sơ gồm:

- Biên bản giao giấy triệu tập cho bà Lê Thị D trong đó bà D cam kết giao lại giấy triệu tập cho chị P;
- Văn bản trả kết quả thực hiện UTTP của nước ngoài theo Mẫu 03 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 12.

Cụ thể Văn bản trả kết quả UTTP của nước ngoài được lập như sau:

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTTPDS-TA51
V/v Kết quả thực hiện ủy thác tư pháp của
nước ngoài

Sóc Trăng, ngày tháng 10 năm 2021

Kính gửi: **Bộ Tư pháp**

Trả lời Công văn số 348/BTP-PLQT ngày 30/8/2021 của Bộ Tư pháp về việc ủy thác tư pháp về dân sự của nước ngoài:

1. Tên cơ quan được ủy thác tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng Số 1 đường 30 Tháng 4, Phường 2, Tp. Sóc Trăng, Sóc Trăng
2. Tên cơ quan ủy thác tư pháp: Địa chỉ: (nếu có) Số điện thoại: (nếu có) Email: (nếu có)	Tòa án thành phố Đài Bắc, Lãnh thổ Đài Loan
3. Người có liên quan trực tiếp đến ủy thác tư pháp	Chị Nguyễn Thị P Quốc tịch: Việt Nam Địa chỉ: 78 Phú Lợi, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
4. Ủy thác tư pháp đã được thực hiện	Ngày 05/10/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng đã giao hồ sơ ủy thác tư pháp cho bà Lê Thị D là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị P. Tại địa chỉ: 78 Phú Lợi, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
5. Ủy thác tư pháp không thể thực hiện được vì lý do sau đây	
6. Chi phí phát sinh	
7. Phụ lục:	Biên bản giao nhận ngày 05/10/2021

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chánh án (để b/c);
- Lưu VT, VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phạm Thu N

THÔNG TIN LIÊN HỆ:

PHÒNG TƯ PHÁP QUỐC TẾ VÀ TƯƠNG TRỢ TƯ PHÁP

VỤ PHÁP LUẬT QUỐC TẾ

BỘ TƯ PHÁP

ĐỊA CHỈ: 58 - 60 TRẦN PHÚ, BA ĐÌNH, HÀ NỘI

SỐ ĐIỆN THOẠI: (024) 62739445 / (024) 62739532

EMAIL: mlvietnam@moj.gov.vn hoặc haguevietnam@moj.gov.vn